

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ - BỘ MÔN KẾ TOÁN**



KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN**

Giảng viên hướng dẫn	: ThS. Huỳnh Thị Trang
Sinh viên thực hiện	: Phạm Thị Minh Hà
Mã số sinh viên	: 2254010014
Khóa học	: 2022 - 2026
Lớp	: 22KH1

Đà Nẵng, tháng 06 năm 2026

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP NĂM HỌC 2025 - 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên: Phạm Thị Minh Hà
- Chuyên ngành: Kế toán
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khóa học: 2022 - 2026

2. Tên đề tài khoá luận tốt nghiệp

“KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN”

3. Các số liệu ban đầu thực hiện khoá luận tốt nghiệp

- Giáo trình, tài liệu và các nghiên cứu liên quan
- Báo cáo tài chính (Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ) của Công ty
- Sổ kế toán tổng hợp và chi tiết (Sổ cái, sổ chi tiết các tài khoản)
- Chứng từ kế toán: hóa đơn, phiếu thu, phiếu chi, phiếu nhập - xuất kho,...
- Các tài liệu nội bộ liên quan đến công tác kế toán tại Công ty

4. Các bảng biểu

- Các bảng biểu được đính kèm trong phụ lục

5. Cán bộ hướng dẫn

- ThS. Huỳnh Thị Trang

6. Ngày giao nhiệm vụ làm khoá luận tốt nghiệp

- 02/03/2026

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành khoá luận

- 25/05/2026

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

DANH MỤC SƠ ĐỒ	
DANH MỤC HÌNH ẢNH	
DANH MỤC BẢNG BIỂU	
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	
LỜI CẢM ƠN	
LỜI MỞ ĐẦU	
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	1
1.1. Kế toán doanh thu và thu nhập khác	1
1.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1
1.1.1.1. Khái niệm và điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1
1	
1.1.1.2. Các phương thức bán hàng	1
1.1.1.3. Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng	2
1.1.1.4. Phương pháp hạch toán	3
1.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	3
1.1.2.1. Khái niệm các khoản giảm trừ doanh thu	3
1.1.2.2. Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng	4
1.1.2.3. Phương pháp hạch toán	4
1.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	5
1.1.3.1. Khái niệm doanh thu hoạt động tài chính	5
1.1.3.2. Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng	5
1.1.3.3. Phương pháp hạch toán	5
1.1.4. Kế toán thu nhập khác	6
1.1.4.1. Khái niệm thu nhập khác	6
1.1.4.2. Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng	6
1.1.4.3. Phương pháp hạch toán	6
1.2. Kế toán chi phí	7
1.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán	7
1.2.1.1. Khái niệm kế toán giá vốn hàng bán	7
1.2.1.2. Các phương thức xác định giá vốn	7
1.2.1.3. Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng	8
1.2.1.4. Phương pháp hạch toán	8
1.2.2. Kế toán chi phí tài chính	10
1.2.2.1. Khái niệm chi phí tài chính	10
1.2.2.2. Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng	10
1.2.2.3. Phương pháp hạch toán	10
1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng	11
1.2.3.1. Khái niệm chi phí bán hàng	11
1.2.3.2. Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng	11
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán	12
1.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	13
1.2.4.1. Khái niệm chi phí quản lý doanh nghiệp	13
1.2.4.2. Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng	13

1.2.4.3.	<i>Phương pháp hạch toán</i>	14
1.2.5.	Kế toán chi phí khác.....	14
1.2.5.1.	<i>Khái niệm chi phí khác</i>	14
1.2.5.2.	<i>Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng</i>	15
1.2.5.3.	<i>Phương pháp hạch toán</i>	15
1.2.6.	Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	16
1.2.6.1.	<i>Khái niệm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	16
1.2.6.2.	<i>Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng</i>	16
1.2.6.3.	<i>Phương pháp hạch toán</i>	17
1.3.	Kế toán xác định kết quả kinh doanh	18
1.3.1.	Khái niệm xác định kết quả kinh doanh.....	18
1.3.2.	Các chỉ tiêu xác định kết quả kinh doanh	18
1.3.3.	Sổ sách sử dụng.....	18
1.3.4.	Tài khoản sử dụng	18
1.3.5.	Phương pháp hạch toán	18
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN.....		20
2.1.	Tổng quan về Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	20
2.1.1.	Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	20
2.1.1.1.	<i>Giới thiệu về Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân</i>	20
2.1.1.2.	<i>Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân</i>	20
2.1.2.	Chức năng, nhiệm vụ của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	21
2.1.2.1.	<i>Chức năng của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân</i>	21
2.1.2.2.	<i>Nhiệm vụ của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân</i>	22
2.1.3.	Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	22
2.1.4.	Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	23
2.1.4.1.	<i>Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty</i>	23
2.1.4.2.	<i>Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận</i>	24
2.1.5.	Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân.....	25
2.1.5.1.	<i>Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty</i>	25
2.1.5.2.	<i>Chức năng, nhiệm vụ của phòng Kế toán</i>	25
2.1.6.	Chế độ kế toán và một số chính sách kế toán của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	26
2.1.7.	Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	27
2.2.	Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân.....	28
2.2.1.	Kế toán các khoản doanh thu và thu nhập tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	28
2.2.1.1.	<i>Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty</i>	28

2.2.1.2.	<i>Kế toán giảm trừ doanh thu tại Công ty</i>	35
2.2.1.3.	<i>Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty</i>	39
2.2.1.4.	<i>Kế toán thu nhập khác tại Công ty</i>	42
2.2.2.	Kế toán các khoản chi phí tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân....	45
2.2.2.1.	<i>Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty</i>	45
2.2.2.2.	<i>Kế toán chi phí tài chính tại Công ty</i>	50
2.2.2.3.	<i>Kế toán chi phí bán hàng tại Công ty</i>	53
2.2.2.4.	<i>Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty.....</i>	62
2.2.2.5.	<i>Kế toán chi phí khác tại Công ty.....</i>	70
2.2.2.6.	<i>Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty.....</i>	74
2.2.3.	Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	75
CHƯƠNG III: MỘT SỐ NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN		
3.1.	Những nhận xét, đánh giá về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	80
3.1.1.	Nhận xét chung	80
3.1.2.	Ưu điểm	80
3.1.3.	Nhược điểm	80
3.2.	Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân.....	81
3.2.1.	Về bộ máy kế toán	81
3.2.2.	Về khoản chiết khấu thương mại	81
3.2.3.	Về hạch toán giá vốn hàng bán.....	82
3.2.4.	Về hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	82
KẾT LUẬN		
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....		
PHỤ LỤC		

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3
Sơ đồ 1.2. Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu	4
Sơ đồ 1.3. Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính	5
Sơ đồ 1.4. Trình tự hạch toán thu nhập khác	7
Sơ đồ 1.5. Trình tự hạch toán GVHB theo phương pháp kê khai thường xuyên	9
Sơ đồ 1.6. Trình tự hạch toán GVHB theo phương pháp kiểm kê định kỳ	9
Sơ đồ 1.7. Trình tự hạch toán chi phí tài chính	11
Sơ đồ 1.8. Trình tự hạch toán chi phí bán hàng	12
Sơ đồ 1.9. Trình tự hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp	14
Sơ đồ 1.10. Trình tự hạch toán chi phí khác	15
Sơ đồ 1.11. Trình tự hạch toán chi phí thuế TNDN hiện hành.	17
Sơ đồ 1.12. Trình tự hạch toán chi phí thuế TNDN hoãn lại	17
Sơ đồ 1.13. Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh	19
Sơ đồ 2.1. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân...	23
Sơ đồ 2.2. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	25
Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ kế toán	27
Sơ đồ 2.4. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.....	28

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 2.1. Logo Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân.....	20
Hình 2.2. Công ty Xi măng Vicem Hải Vân.....	21
Hình 2.3. Giao diện phần mềm Fast.....	27
Hình 2.4. Trình tự vào nhập liệu hoá đơn phần mềm Fast.....	31
Hình 2.5. Giao diện ghi sổ ở phần mềm Fast.....	31
Hình 2.6. Giao diện ghi sổ gia công xi măng ở phần mềm Fast.....	32
Hình 2.7. Giao diện đăng nhập của phần mềm Fast.	33
Hình 2.8. Giao diện mở sổ chi tiết TK 511	33
Hình 2.9. Giao diện hạch toán vào TK 521 ở phần mềm Fast.....	37
Hình 2.10. Giao diện xem sổ chi tiết TK 521	38
Hình 2.11. Cửa sổ menu chính của phân hệ Kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng trên phần mềm Fast.	40
Hình 2.12. Cửa sổ Sổ quỹ / Lọc giao dịch tiền gửi trên phần mềm Fast.	40
Hình 2.13. Giao diện màn hình nhập liệu thu từ lãi tiền gửi.	40
Hình 2.14. Giao diện xem sổ chi tiết TK 515	41
Hình 2.15. Giao diện hoá đơn ở phần mềm Fast.....	44
Hình 2.16. Đường dẫn vào nhập liệu TK 632 phần mềm Fast	47
Hình 2.17. Giao diện nhập liệu giá vốn tại phần mềm Fast.....	47
Hình 2.18. Giao diện ghi sổ tại phần mềm Fast.....	48
Hình 2.19. Giao diện vào sổ chi tiết TK 635	51
Hình 2.20. Phiếu chi trên phần mềm Fast.	55
Hình 2.21. Giao diện nhập liệu trên phần mềm Fast.....	58
Hình 2.22. Giao diện nhập liệu trên phần mềm Fast.....	59
Hình 2.23. Giao diện nhập liệu tại phần mềm Fast.....	61
Hình 2.24. Giao diện ghi sổ tại phần mềm Fast.....	65
Hình 2.25. Giao diện nhập liệu tại phần mềm Fast.....	66
Hình 2.26. Giao diện nhập liệu tại phần mềm Fast.....	68
Hình 2.27. Giao diện vào sổ tại phần mềm Fast	72
Hình 2.28. Giao diện ghi sổ TK 811	73
Hình 2.29. Cửa sổ TK 911 ở phần mềm Fast.....	76

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1. Hóa đơn GTGT số 00000015	30
Biểu 2.2. Hoá đơn GTGT số 00001958	32
Biểu 2.3. Sổ chi tiết TK 511.....	34
Biểu 2.4. Sổ cái TK 511	34
Biểu 2.5. Bảng tổng hợp chiết khấu	36
Biểu 2.6. Hoá đơn CKTM.....	36
Biểu 2.7. Sổ chi tiết TK 521.....	38
Biểu 2.8. Sổ cái TK 521	39
Biểu 2.9. Giấy báo có của ngân hàng.....	39
Biểu 2.10. Sổ chi tiết TK 515.....	41
Biểu 2.11. Sổ cái TK 515	42
Biểu 2.12. Hoá đơn GTGT số 00000032	43
Biểu 2.13. Sổ chi tiết TK 711.....	44
Biểu 2.14. Sổ cái TK 711	45
Biểu 2.15. Phiếu xuất kho số 03.....	46
Biểu 2.16. Phiếu xuất kho số 157.....	48
Biểu 2.17. Sổ chi tiết TK 632.....	49
Biểu 2.18. Sổ cái TK 632	49
Biểu 2.19. Sổ phụ ngân hàng	51
Biểu 2.20. Sổ chi tiết TK 635.....	52
Biểu 2.21. Sổ cái TK 635	52
Biểu 2.22. Hoá đơn GTGT số 406	54
Biểu 2.23. Hoá đơn GTGT số 420	54
Biểu 2.24. Tờ trình đề nghị thanh toán.	55
Biểu 2.25. Phiếu chi khi in ra.....	56
Biểu 2.26. Bảng kê hàng hoá xuất tặng nhà phân phối.....	56
Biểu 2.27. Hoá đơn GTGT số 00000036	57
Biểu 2.28. Bảng tính chi phí tái chế vỏ bao	59
Biểu 2.29. Hoá đơn GTGT số 228 được nhận từ Tổng Công ty Xi măng Việt Nam.	60
Biểu 2.30. Sổ chi tiết TK 641.....	61
Biểu 2.31. Sổ cái TK 641	62
Biểu 2.32. Hoá đơn GTGT số 00000288	64
Biểu 2.33. Hoá đơn GTGT số 00000029	65
Biểu 2.34. Hoá đơn GTGT số 00000006 nhận từ Viện	67

Biểu 2.35. Sổ chi tiết TK 642.....	69
Biểu 2.36. Sổ cái TK 642	69
Biểu 2.37. Bảng tổng hợp trích khấu hao tháng 12/2025	71
Biểu 2.38. Bảng tổng hợp chi phí phân bổ.....	72
Biểu 2.39. Sổ chi tiết TK 811.....	73
Biểu 2.40. Sổ cái TK 811	74
Biểu 2.41. Tờ khai quyết toán thuế TNDN.....	75
Biểu 2.42. Sổ chi tiết TK 911.....	77
Biểu 2.43. Sổ cái TK 911	78
Biểu 2.44. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	79
Biểu 2.45. Bảng CKTM sau khi điều chỉnh.....	81
Biểu 2.46. Bảng tổng hợp chiết khấu sau khi điều chỉnh.....	81
Biểu 2.47. Sổ cái TK 641 sau khi điều chỉnh.....	82
Biểu 2.48. Sổ cái TK 642 sau khi điều chỉnh.....	83
Biểu 2.49. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sau khi điều chỉnh	83

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

GTGT	Giá trị gia tăng
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
XK	Xuất khẩu
BVMT	Bảo vệ môi trường
CKTM	Chiết khấu thương mại
TSCĐ	Tài sản cố định
GVHB	Giá vốn hàng bán
NVL	Nguyên vật liệu
NC	Nhân công
CPSXC	Chi phí sản xuất chung
HTK	Hàng tồn kho
TP - HH	Thành phẩm - Hàng hoá
KC	Kết chuyển
SP - DV	Sản phẩm - Dịch vụ
CKKD	Chứng khoán kinh doanh
TTĐT	Tổn thất đầu tư
BHXXH	Bảo hiểm xã hội
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
DTT	Doanh thu thuần
QĐ-UB	Quyết định - Ủy ban
UBND	Ủy ban Nhân dân
CP	Chính phủ
ĐMDN	Đổi mới Doanh nghiệp
BTC	Bộ Tài chính
TK	Tài khoản

LỜI CẢM ƠN

Trước hết, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Ban Giám hiệu, Phòng Đào tạo, và quý thầy cô tại Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, đặc biệt là Bộ môn Kế toán đã tận tình giảng dạy, truyền đạt những kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn quý báu, tạo nền tảng vững chắc để em có thể hoàn thành bài khóa luận này. Em xin trân trọng gửi lời tri ân sâu sắc đến ThS. Huỳnh Thị Trang - giảng viên hướng dẫn, đã luôn tận tâm chỉ bảo, định hướng và góp ý để em hoàn thiện đề tài một cách tốt nhất.

Em cũng xin gửi lời cảm ơn đến quý Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân và các anh chị phòng Kế toán đã tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp số liệu và hỗ trợ em trong quá trình nghiên cứu, giúp em có cơ hội tiếp cận thực tế và nâng cao hiểu biết về công tác kế toán trong doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, em xin chân thành cảm ơn gia đình và bạn bè đã luôn quan tâm, động viên và hỗ trợ em cả về tinh thần lẫn vật chất trong suốt thời gian học tập và thực hiện khóa luận.

Do hạn chế về thời gian, kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn, khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của quý thầy cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Ở mỗi doanh nghiệp, các con số về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh không chỉ đơn thuần phản ánh tình hình tài chính mà còn là “ngôn ngữ” thể hiện toàn bộ hiệu quả hoạt động và năng lực quản lý của doanh nghiệp. Việc ghi nhận, phản ánh và xử lý chính xác các thông tin này vì thế đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hỗ trợ nhà quản trị đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời và hiệu quả.

Trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng cạnh tranh gay gắt, đặc biệt đối với các doanh nghiệp sản xuất như ngành xi măng, yêu cầu đặt ra đối với công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ngày càng cao. Không chỉ dừng lại ở việc tuân thủ các quy định hiện hành, công tác kế toán còn cần được hoàn thiện để nâng cao chất lượng thông tin cung cấp, phục vụ tốt hơn cho công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp.

Trong quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty đã được tổ chức tương đối đầy đủ, phù hợp với chế độ kế toán hiện hành. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định cần được nghiên cứu và hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kế toán cũng như đáp ứng tốt hơn yêu cầu quản lý trong điều kiện hiện nay.

Xuất phát từ những nhận thức trên, em đã lựa chọn đề tài: **“Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân”** làm khóa luận tốt nghiệp của mình. Thông qua việc nghiên cứu đề tài, em mong muốn góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận, phân tích thực trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại đơn vị.

Do hạn chế về thời gian, kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn, khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của quý thầy cô để đề tài được hoàn thiện hơn.

2. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân.
- Phạm vi nghiên cứu:
 - + Phạm vi không gian: Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân.
 - + Phạm vi thời gian: Nguồn dữ liệu từ năm 2024 - 2025.

3. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp tham khảo, nghiên cứu thông tin: Tìm hiểu các sách, bài báo và các thông tin trên Internet; tài liệu và số liệu Công ty do đơn vị thực tập cung cấp.
- Phương pháp phỏng vấn: Tham khảo, hỏi ý kiến giảng viên hướng dẫn và các anh chị trong bộ phận kế toán tại Công ty để đưa ra giải pháp phù hợp.
- Phương pháp thu thập và xử lý số liệu: Từ việc xin các số liệu thô từ Công ty, sau đó tiến hành xử lý các số liệu đó và chọn lọc để đưa vào bài khóa luận của mình một cách dễ hiểu và logic nhất.
- Phương pháp thống kê, so sánh: Dựa trên các số liệu đó để thống kê, phân tích, đối chiếu, từ đó xác định mức độ tăng giảm của các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính.

4. Cấu trúc của đề tài

Do giới hạn về thời gian thực tập và khuôn khổ của một bài khóa luận, ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục em xin trình bày với cấu trúc như sau:

Đề tài nghiên cứu được thực hiện gồm 3 chương:

Chương I: Cơ sở cơ sở lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân.

Chương III: Một số nhận xét, kiến nghị và giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân.

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Kế toán doanh thu và thu nhập khác

1.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.1.1.1. *Khái niệm và điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

- *Khái niệm:* Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ việc bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho khách hàng, bao gồm cả các khoản phụ thu ngoài giá bán như phí vận chuyển, lắp đặt (nếu có).
- *Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:*
 - + Khi doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
 - + Doanh nghiệp không còn quyền quản lý hay kiểm soát hàng hóa như một người sở hữu.
 - + Trường hợp có điều kiện cho phép trả lại hàng, doanh thu chỉ được ghi nhận khi các điều kiện đó không còn hiệu lực và khách không còn quyền trả lại (trừ trường hợp đổi hàng lấy sản phẩm/dịch vụ khác).
 - + Doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
 - + Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- *Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:*
 - + Khi các điều kiện cho phép khách hàng trả lại dịch vụ (nếu có trong hợp đồng) đã hết hiệu lực và khách không còn quyền trả lại.
 - + Doanh nghiệp có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.
 - + Xác định được mức độ hoàn thành của dịch vụ tại thời điểm lập báo cáo và các chi phí đã phát sinh và chi phí cần thiết để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.
- *Không ghi nhận doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ đối với:*
 - + Hàng hóa, vật tư, bán thành phẩm xuất giao gia công hoặc gửi bán đại lý, ký gửi khi chưa xác định là đã bán.
 - + Khoản tiền thu từ việc bán sản phẩm sản xuất thử.
 - + Các khoản thuộc doanh thu hoạt động tài chính.
 - + Các khoản thu nhập khác

1.1.1.2. *Các phương thức bán hàng*

a. *Phương thức bán hàng trực tiếp.*

Bên mua đến nhận hàng, ký chứng từ thì hàng được coi là đã tiêu thụ; quyền sở hữu chuyển sang người mua, họ thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán, và chi phí vận chuyển do bên mua chịu.

b. Phương thức bán hàng qua đại lý, ký gửi.

Doanh nghiệp gửi hàng cho đại lý nhưng vẫn giữ quyền sở hữu; chỉ khi đại lý bán được hàng thì doanh nghiệp mới ghi nhận doanh thu và trả hoa hồng theo tỷ lệ đã thỏa thuận.

c. Phương thức chuyển hàng.

Doanh nghiệp chuyển hàng theo hợp đồng nhưng vẫn giữ quyền sở hữu khi xuất kho; doanh thu chỉ được ghi nhận khi khách hàng nhận hàng, xác nhận và chấp nhận thanh toán. Phương thức này thường áp dụng với khách hàng mua bán thường xuyên.

d. Bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp.

Áp dụng đối với hàng hóa giá trị lớn, cho phép người mua thanh toán nhiều kỳ. Khi giao hàng được coi là đã tiêu thụ và ghi nhận doanh thu; người mua trả dần theo các kỳ bằng nhau, gồm giá gốc và phần lãi trả chậm.

e. Các phương thức khác.

Ngoài các phương thức bán hàng thông thường, doanh nghiệp còn có thể sử dụng sản phẩm để trả lương, thưởng cho người lao động, trao đổi hàng hóa, vật tư hoặc cung cấp theo yêu cầu của Nhà nước.

1.1.1.3. Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng gồm: Hóa đơn GTGT, Hợp đồng cung cấp dịch vụ, Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, Phiếu chi, Giấy báo có,...), Các chứng từ liên quan khác (Phiếu nhập - Xuất kho, Hóa đơn vận chuyển,...),...
- Sổ sách sử dụng: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 511, Sổ chi tiết TK 511.
- Tài khoản sử dụng: TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Kết cấu TK 511:

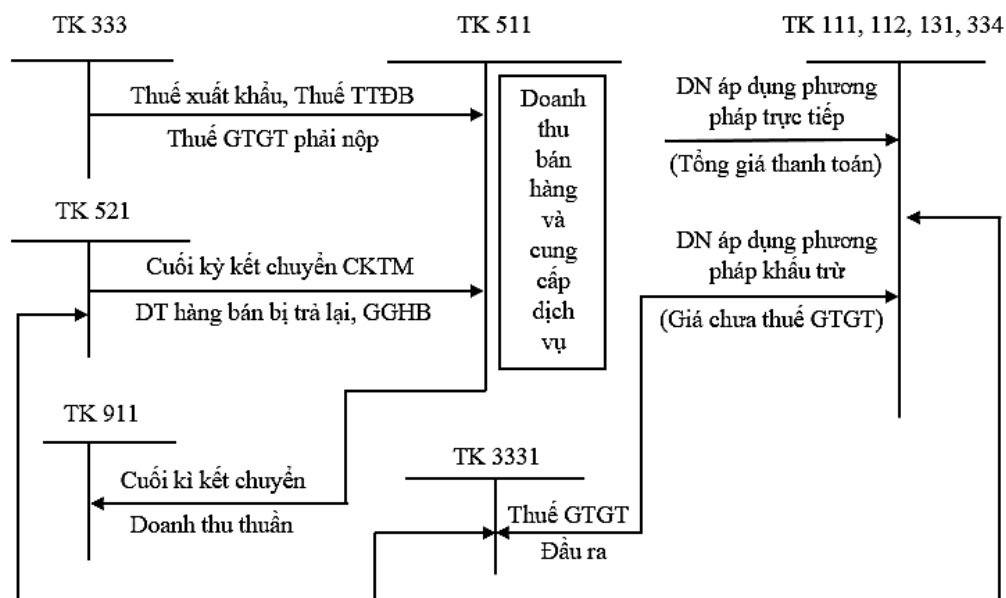
Nợ	TK 511	Có
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT) - Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ - Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ. - Khoản CKTM kết chuyển cuối kỳ.		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ kế toán.
Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911.		

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

TK 511 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ. TK 511 được chi tiết thành 6 TK cấp 2:

- TK 5111 : Doanh thu bán hàng hóa.
- TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm.
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá.
- TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.
- TK 5118: Doanh thu khác.

1.1.1.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.1. Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản 511, theo Thông tư 99 giữ nguyên tên gọi và bản chất so với Thông tư 200. Theo Thông tư 200, TK 511 được quy định chi tiết thành các tài khoản cấp 2 (5111, 5112, 5113,...), mang tính cố định và thống nhất. Trong khi đó, Thông tư 99, TK 511 không còn quy định hệ thống tài khoản cấp 2 bắt buộc, doanh nghiệp được tự chủ mở tài khoản chi tiết phù hợp với đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý.

1.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.1.2.1. Khái niệm các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu là các khoản phát sinh được điều chỉnh làm giảm doanh thu của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Doanh nghiệp sẽ áp dụng các phương pháp giảm trừ doanh thu khác nhau tùy theo từng chế độ kế toán. Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

- Chiết khấu thương mại: Là khoản mà doanh nghiệp bán giảm giá hàng hóa, sản phẩm cho khách mua với số lượng lớn.
- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm giá cho khách hàng do hàng hóa, thành phẩm kém phẩm chất hoặc không đáp ứng điều kiện chất lượng theo hợp đồng đã ký.

- Hàng bán bị trả lại: Là số hàng hóa, thành phẩm bị kém chất lượng, chủng loại,... bị khách mua trả lại cho doanh nghiệp.

1.1.2.2. Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng gồm: Hóa đơn GTGT, các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, Séc chuyển khoản, Ủy nhiệm chi, Sao kê ngân hàng,...), Biên bản giảm giá hàng bán,...
- Sổ sách sử dụng: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 521, Sổ chi tiết TK 521.
- Tài khoản sử dụng: TK 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu

Kết cấu TK 521

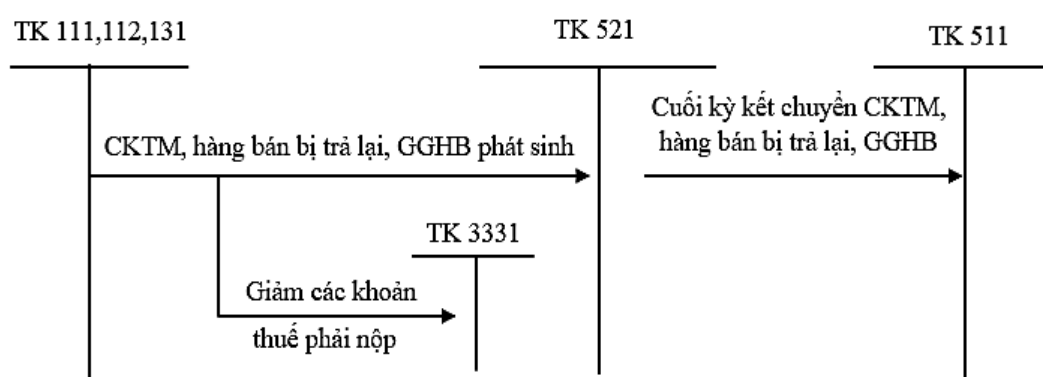
Nợ	TK 521	Có
- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng. - Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng. - Doanh thu của hàng bán bị trả lại là khoản tiền hoàn trả hoặc cần trừ cho khách hàng do hàng hóa đã bán bị trả lại.		- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

TK 521 không có số dư cuối kỳ

TK 521 không có số dư cuối kỳ. TK 521 được chi tiết thành 3 TK cấp 2:

- Tài khoản 5211: Chiết khấu thương mại
- Tài khoản 5215: Hàng bán bị trả lại
- Tài khoản 5213: Giảm giá hàng bán

1.1.2.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.2. Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

Theo Thông tư 99, TK 521 giữ nguyên tên gọi ở cấp 1 so với Thông tư 200 không còn quy định bắt buộc hệ thống tài khoản cấp 2 cố định, doanh nghiệp được tự thiết kế và mở tài khoản chi tiết phù hợp với đặc điểm quản lý (có thể theo từng loại giảm trừ doanh thu hoặc theo nhu cầu phân tích nội bộ).

1.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.1.3.1. Khái niệm doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản doanh thu do hoạt động tài chính mang lại bao gồm:

- Tiền lãi từ cho vay, đầu tư, ủy thác đầu tư, mua bán chứng khoán,...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các doanh nghiệp mà doanh nghiệp nắm giữ cổ phần, phần vốn góp.
- Thu nhập từ hoạt động mua bán ngoại tệ, kinh doanh ngoại hối,...
- Thu nhập từ các hoạt động tài chính khác.

1.1.3.2. Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng gồm: Phiếu thu, Giấy báo có, Chứng từ kế toán,...
- Sổ sách sử dụng: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 515, Sổ chi tiết TK 515.
- Tài khoản sử dụng: TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

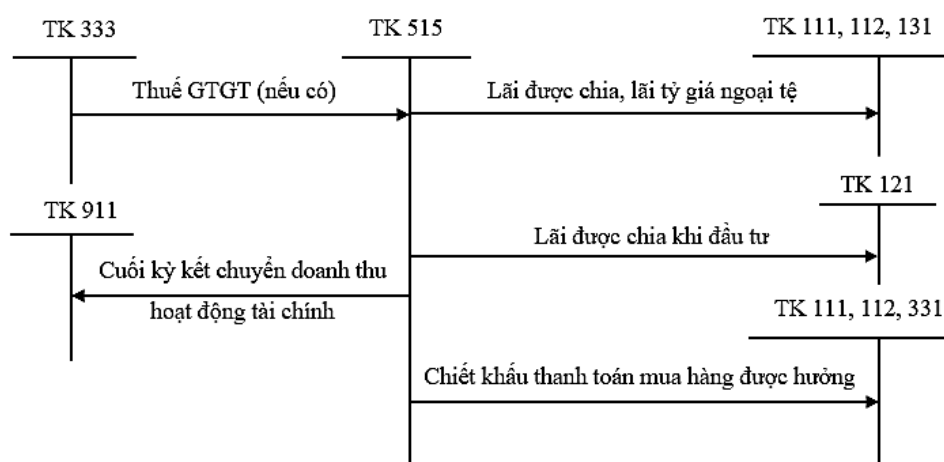
Kết cấu TK 515

Nợ	TK 515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911.		- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

TK 515 không có số dư cuối kỳ

TK 511 không có tài khoản cấp 2.

1.1.3.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.3. Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

Theo Thông tư 200, TK 515 không quy định nhiều tài khoản cấp 2 nhưng vẫn mang tính định hướng chi tiết theo từng loại doanh thu tài chính. Trong khi đó, theo

Thông tư 99, không quy định tài khoản cấp 2, doanh nghiệp tự chủ mở tài khoản chi tiết theo yêu cầu quản lý (ví dụ: lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi tỷ giá,...).

1.1.4. Kế toán thu nhập khác

1.1.4.1. Khái niệm thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập không phải là doanh thu của doanh nghiệp. Đây là các khoản thu nhập được tạo ra từ các hoạt động khác ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, cụ thể bao gồm:

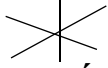
- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Giá trị còn lại hoặc giá bán hoặc giá trị hợp lý của TSCĐ bán để thuê lại theo phương thức thuê tài chính hoặc thuê hoạt động.
- Tiền thu được phạt do khách hàng, đơn vị khác vi phạm hợp đồng kinh tế
- Thu từ các khoản nợ phải trả không xác định được chủ
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các cá nhân, tổ chức tặng doanh nghiệp
- Các khoản thu nhập kinh doanh của năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán nay phát hiện ra,...

Các khoản chi phí, thu nhập khác xảy ra không mang tính chất thường xuyên, khi phát sinh đề phải các chứng từ hợp lý, hợp pháp mới được ghi sổ kế toán.

1.1.4.2. Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng

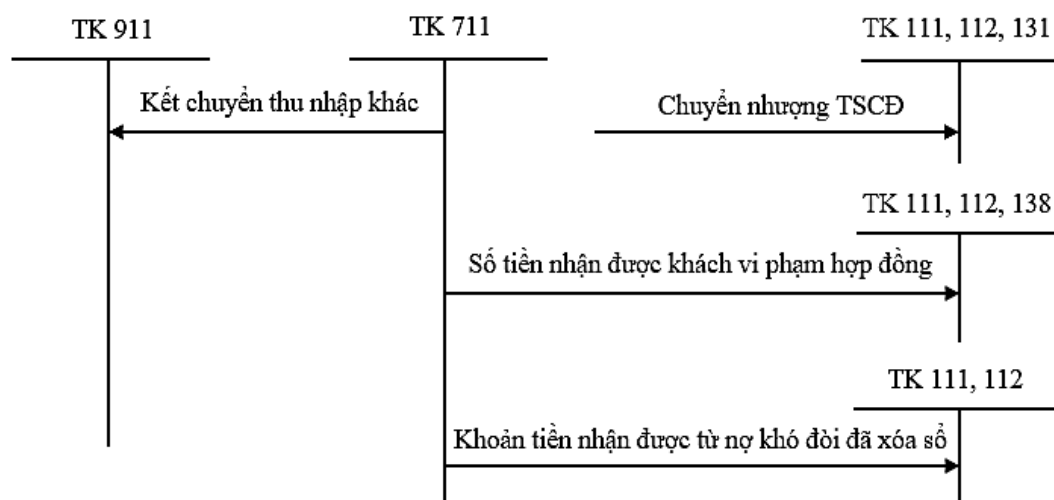
- Chứng từ sử dụng gồm: Hóa đơn GTGT, Hóa đơn bán hàng, Hợp đồng kinh tế, Phiếu thu, Giấy báo có,...
- Sổ sách sử dụng: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 711, Sổ chi tiết TK 711.
- Tài khoản sử dụng: TK 711 - Thu nhập khác

Kết cấu TK 711

Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp; - Cuối kỳ, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911.		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
		
TK 711 không có số dư cuối kỳ		

TK 711 không có tài khoản cấp 2

1.1.4.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.4. Trình tự hạch toán thu nhập khác

Theo Thông tư 99 không thay đổi tên gọi hay nội dung của TK 711 ở cấp 1 so với Thông tư 200. Tuy nhiên, doanh nghiệp có thể tự xây dựng sổ chi tiết theo nhu cầu quản lý thay vì áp dụng cứng nhắc một hệ thống phân loại cố định.

1.2. Kế toán chi phí

1.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.1.1. Khái niệm kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là toàn bộ chi phí liên quan đến việc sản xuất hoặc mua hàng hóa, bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công, sản xuất, vận chuyển và các chi phí liên quan khác, và là cơ sở quan trọng để xác định lợi nhuận của doanh nghiệp.

1.2.1.2. Các phương thức xác định giá vốn

Giá vốn thực tế xuất kho của hàng hóa được tính theo một trong các phương pháp:

- Phương pháp đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ: Phương pháp này dễ làm nhưng độ chính xác không cao, hơn nữa công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng tới công tác quyết toán nói chung:

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Giá gốc hàng hoá tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hoá tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}}$$

- Phương pháp đơn vị bình quân cuối kỳ trước: Phương pháp này phản ánh kịp thời biến động của hàng hoá tuy nhiên không chính xác vì không tính đến sự biến động của hàng hoá kỳ trước

$$\text{Giá đơn vị bình quân cuối kỳ trước} = \frac{\text{Giá thực tế tồn đầu kỳ (hoặc cuối kỳ trước)}}{\text{Số lượng thực tế tồn đầu kỳ (hoặc cuối kỳ trước)}}$$

- Phương pháp giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập: Phương pháp này khắc phục được nhược điểm của hai phương pháp trên, lại vừa chính xác vừa cập nhật. Nhược điểm của phương pháp này là tốn nhiều công và phải tính toán nhiều lần.

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá thực tế hàng hoá tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế hàng hoá tồn sau mỗi lần nhập}}$$

- Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO): Phương pháp này giả định hàng hóa nhập trước sẽ được xuất trước, xuất hết lô nhập trước rồi mới đến các lô nhập sau theo giá thực tế từng lô, phù hợp khi giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.
- Phương pháp giá thực tế đích danh: Hàng hóa được theo dõi theo từng lô hoặc đơn chiếc và khi xuất kho tính theo đúng giá gốc của từng lô, thường áp dụng cho hàng hóa có giá trị cao, riêng biệt.

1.2.1.3. Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng gồm: Phiếu xuất kho, Hóa đơn bán hàng, phiếu xuất kho, Phiếu nhập kho, Biên bản giao nhận hàng hóa, Biên bản kiểm kê hàng hóa,...
- Sổ sách sử dụng: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 632, Sổ chi tiết TK 632.
- Tài khoản sử dụng: TK 632 - Giá vốn hàng bán

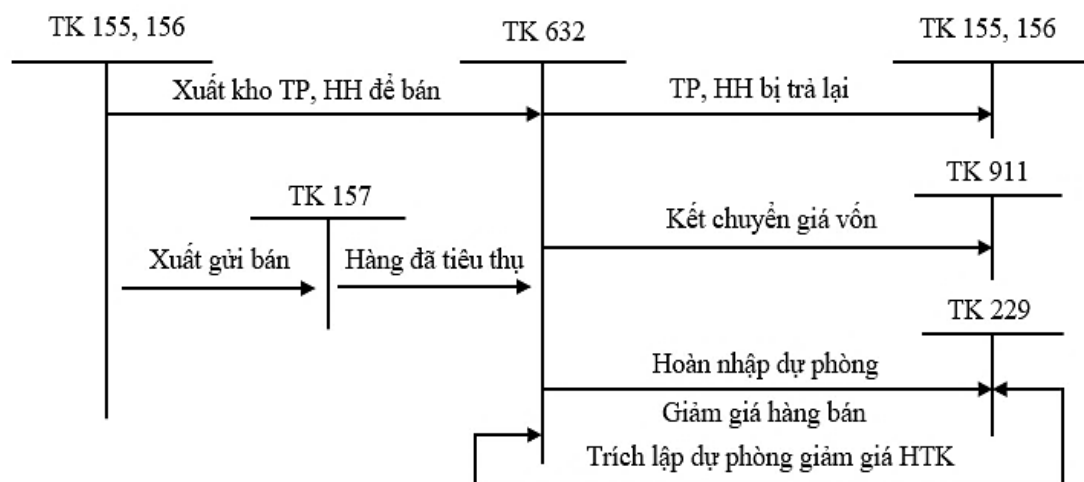
Kết cấu tài khoản 632

Nợ	TK 632	Có
- GVHB phản ánh giá trị sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. - Chi phí NVL, NC vượt mức bình thường và CPSXC cố định không phân bổ không tính vào HTK mà ghi nhận vào GVHB - Hao hụt, mất mát HTK (sau khi trừ phần bồi thường của cá nhân) được tính vào GVHB - Chênh lệch tăng của dự phòng giảm giá HTK (năm nay lớn hơn phần chưa dùng hết năm trước) cũng ghi nhận vào GVHB		- Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK cuối năm tài chính (khoản chênh lệch giữa số phải lập dự phòng năm nay nhỏ hơn khoản đã lập dự phòng năm trước) - Giá vốn của hàng bán bị trả lại - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

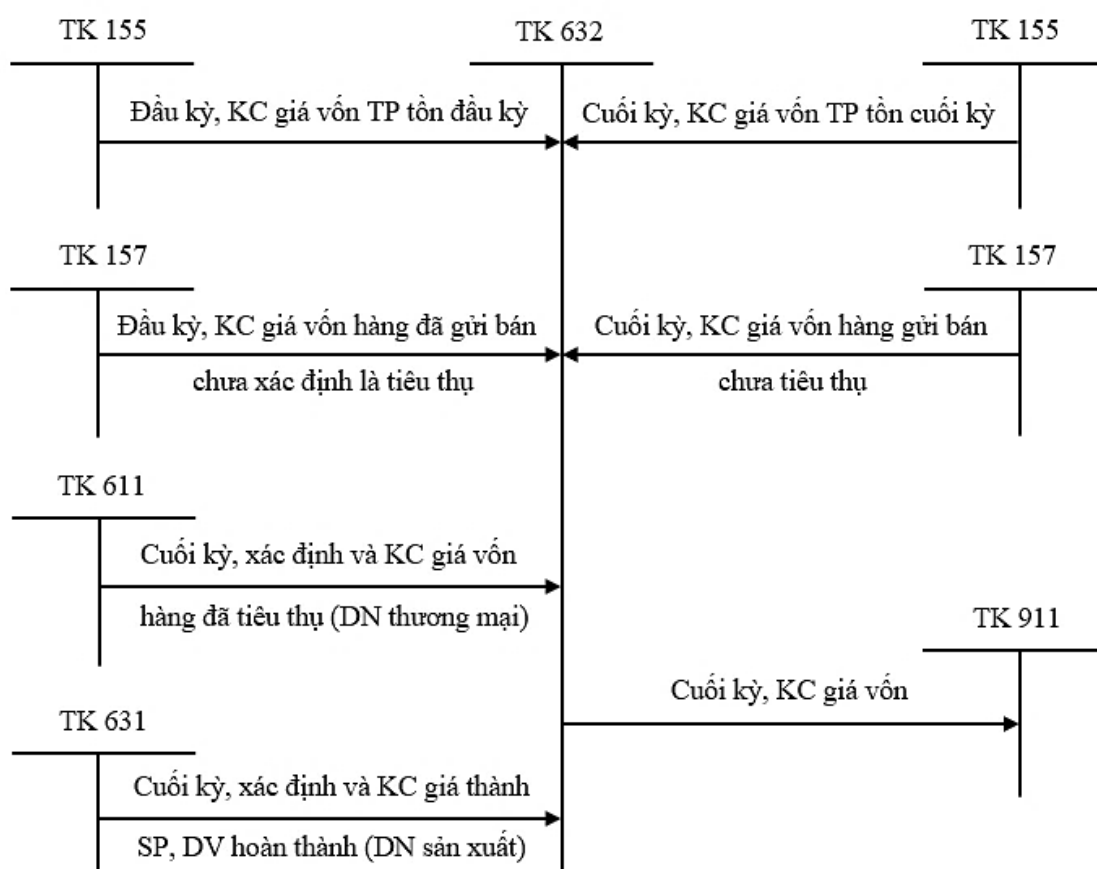
TK 632 không có số dư cuối kỳ

TK 632 không có tài khoản cấp 2

1.2.1.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.5. Trình tự hạch toán GVHB theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.6. Trình tự hạch toán GVHB theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Theo Thông tư 200, TK 632 có thể được mở chi tiết theo từng loại hàng hóa, thành phẩm hoặc từng hoạt động kinh doanh nhằm phục vụ yêu cầu quản lý. Trong khi đó, theo Thông tư 99 TK 632 không quy định tài khoản cấp 2 cố định, doanh nghiệp được tự chủ mở tài khoản chi tiết phù hợp với đặc điểm hoạt động và nhu cầu quản trị (ví dụ: giá vốn theo sản phẩm, theo kênh bán hàng,...).

1.2.2. Kế toán chi phí tài chính

1.2.2.1. Khái niệm chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính là những khoản chi phí liên quan đến các hoạt động về vốn, về đầu tư tài chính nhằm mục đích sử dụng hợp lý tăng thêm thu nhập nâng cao hiệu quả của hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp.

Chi phí tài chính bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, chi phí giao dịch bán chứng khoán.

1.2.2.2. Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng gồm: Giấy báo Nợ của ngân hàng, Phiếu chi, Bảng tính lãi vay phải trả, Hợp đồng vay vốn,...
- Sổ sách sử dụng: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 635, Sổ chi tiết TK 635.
- Tài khoản sử dụng: TK 635 - Chi phí tài chính

Kết cấu tài khoản 635

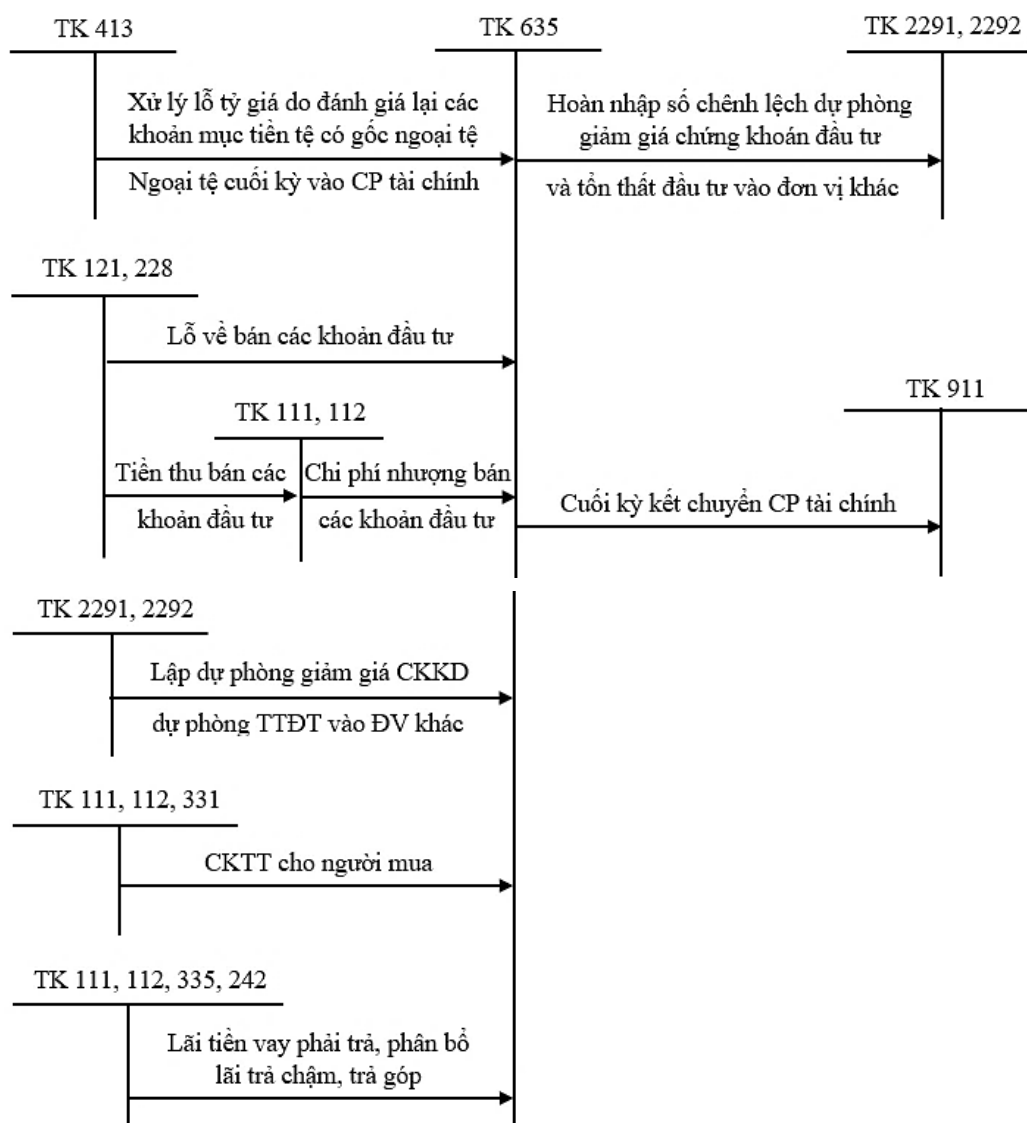
Nợ	TK 635	Có
- Chi phí lãi vay, lãi trả chậm và thuê tài chính. - Lỗ bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và lỗ đầu tư tài chính. - Chiết khấu thanh toán người mua. - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư. - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành vào chi phí tài chính.		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết). - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

TK 635 không có số dư cuối kỳ

TK 635 không có số dư cuối kỳ. TK 635 được chi tiết thành 2 TK cấp 2:

- Tài khoản 6351: Chi phí hoạt động đầu tư nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi: Tài khoản này chỉ sử dụng tại Trụ sở chính.
- Tài khoản 6352: Chi phí hoạt động đầu tư tài chính khác:

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7. Trình tự hạch toán chi phí tài chính

Thông tư 200, TK 635 được hướng dẫn mang tính chi tiết và định hướng rõ nội dung, doanh nghiệp thường theo dõi chi phí tài chính theo từng yếu tố (lãi vay, tỷ giá,...) theo khung có sẵn. Trong khi Thông tư 99, TK 635 không quy định tài khoản cấp 2, doanh nghiệp được tự chủ mở tài khoản chi tiết theo nhu cầu quản lý (ví dụ: chi phí lãi vay, lỗ tỷ giá, chi phí đầu tư tài chính,...).

1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng

1.2.3.1. Khái niệm chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Chi phí bán hàng bao gồm các yếu tố: Chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ, đồ dùng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí bằng tiền khác

1.2.3.2. Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng gồm: Hóa đơn GTGT, Giấy báo nợ, Phiếu chi, Bảng tổng hợp tiền lương, Bảng phân bổ khấu hao,...
- Sổ sách sử dụng: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 641, Sổ chi tiết TK 641.
- Tài khoản sử dụng: TK 641 - Chi phí bán hàng

Kết cấu tài khoản 641

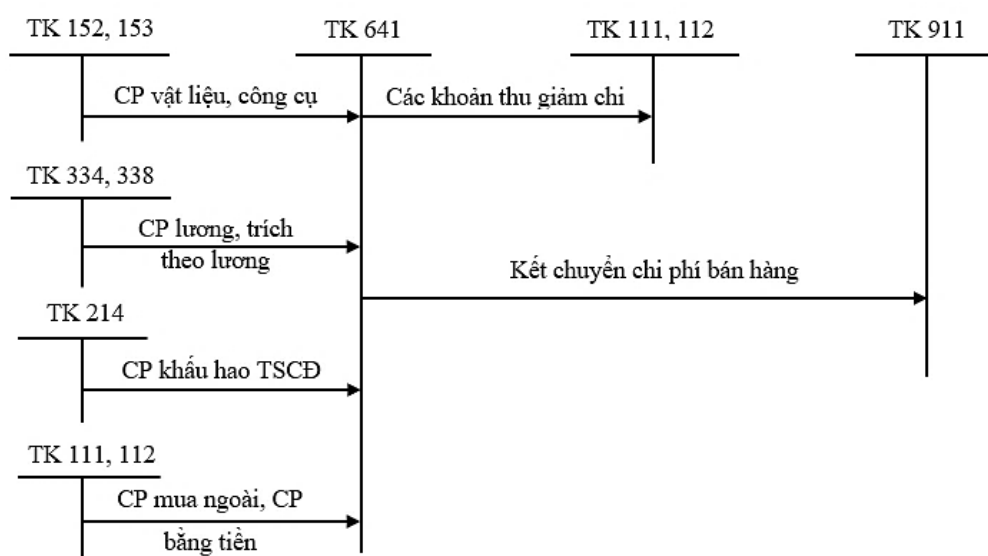
Nợ	TK 641	Có
- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.		- Khoản được ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ; - Kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911 để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

TK 641 không có số dư cuối kỳ

TK 641 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 642 được chi tiết thành 7 TK cấp 2:

- Tài khoản 6411: Chi phí nhân viên
- Tài khoản 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- Tài khoản 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Tài khoản 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6415: Chi phí bảo hành
- Tài khoản 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6418: Chi phí bằng tiền khác

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8. Trình tự hạch toán chi phí bán hàng

Thông tư 99 có sự điều chỉnh trong cơ cấu chi tiết của TK 641, trong đó tài khoản cấp 2 có thay đổi:

- Theo Thông tư 200, TK 6415 được quy định là “Chi phí bảo hành”, phản ánh các khoản chi phí liên quan đến nghĩa vụ bảo hành sản phẩm, hàng hóa.
- Theo Thông tư 99, nội dung này được điều chỉnh và TK 6415 được đổi thành “Thuế, phí, lệ phí”, phản ánh các khoản thuế, phí và lệ phí phát sinh liên quan trực tiếp đến hoạt động bán hàng.

1.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4.1. Khái niệm chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh, quản lý hành chính và một số khoản khác có tính chất chung toàn doanh nghiệp, bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ, thuế, phí và lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

1.2.4.2. Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng gồm: Hoá đơn GTGT, Phiếu chi, Ủy nhiệm chi, Giấy báo Có, Bảng thanh toán tiền lương, Bảng phân bổ tiền lương và BHXH, Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ,...
- Sổ sách sử dụng: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 642, Sổ chi tiết TK 642.
- Tài khoản sử dụng: TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết cấu tài khoản 642

Nợ	TK 642	Có
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ	-	Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)	-	Hoàn nhập dự phòng phải thu đòi, dự phòng (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)
	-	Kết chuyển CP QLDN vào TK 911

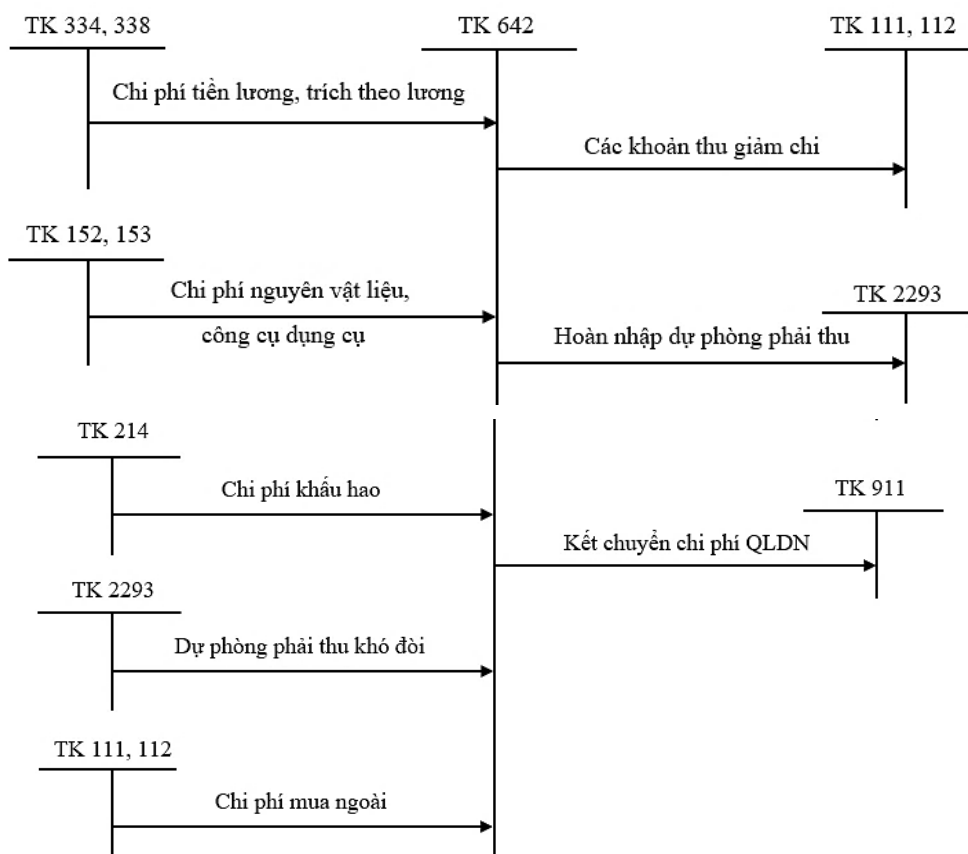
Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

TK 642 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 642 được chi tiết thành 8 TK cấp 2:

- Tài khoản 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- Tài khoản 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- Tài khoản 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- Tài khoản 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6425: Thuế, phí và lệ phí
- Tài khoản 6426: Chi phí dự phòng

- Tài khoản 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6428: Chi phí bằng tiền khác

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.9. Trình tự hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp

TK 642 trong Thông tư 99 nhìn chung vẫn giữ nguyên cách phân cấp tài khoản cấp 2 như Thông tư 200. Tuy nhiên, với Thông tư 99 sẽ mở rộng quyền chủ động cho doanh nghiệp trong việc điều chỉnh và bổ sung tài khoản chi tiết nếu cần thiết, thay vì áp dụng cứng nhắc toàn bộ hệ thống như trước đây.

1.2.5. Kế toán chi phí khác

1.2.5.1. Khái niệm chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu. Cụ thể bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát.
- Giá trị còn lại của tài sản cố định bị phá dỡ, tài sản cố định thanh lý, nhượng bán (nếu có).

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt hành chính.
- Các khoản chi phí khác.

1.2.5.2. Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng gồm: Biên bản thanh lý TSCĐ, Biên lai nộp phạt, Giấy báo Nợ, Phiếu chi,...
- Sổ sách sử dụng: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 811, Sổ chi tiết TK 811.
- Tài khoản sử dụng: TK 811 - Chi phí khác

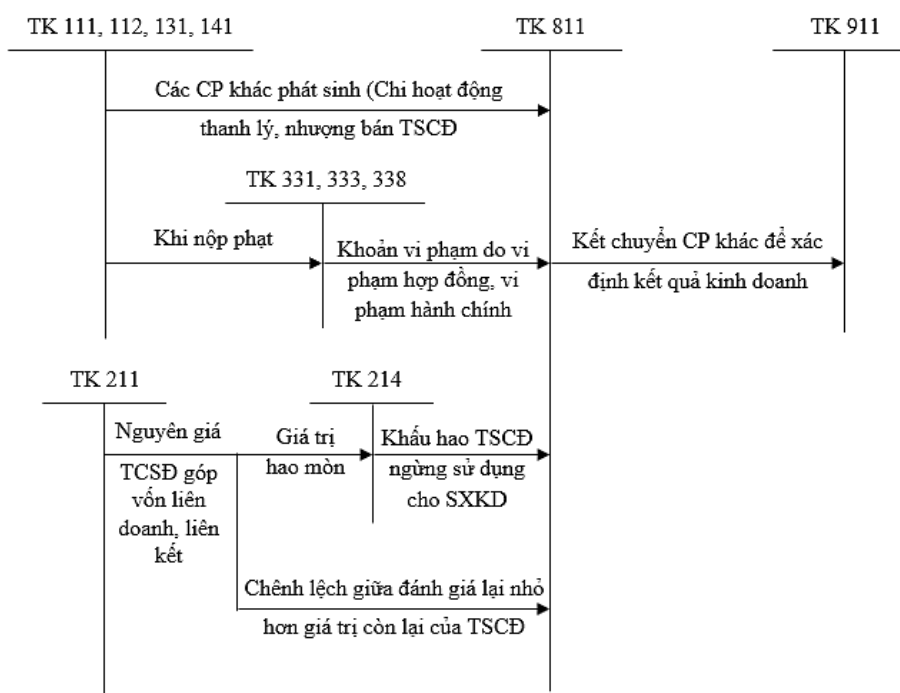
Kết cấu tài khoản 811

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh.		- Cuối kỳ, toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

TK 811 không có tài khoản cấp 2

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.10. Trình tự hạch toán chi phí khác

Theo Thông tư 99 không có sự thay đổi về tên gọi và nội dung của TK 811 ở cấp 1 so với Thông tư 200. Đồng thời, tài khoản này cũng không có sự điều chỉnh đáng kể về hệ thống tài khoản chi tiết, doanh nghiệp vẫn có thể mở sổ chi tiết để theo dõi theo nhu cầu quản lý.

1.2.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.2.6.1. Khái niệm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

1.2.6.2. Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng gồm: Tờ khai tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp hàng quý, Tờ khai quyết toán thuế thu nhập, Báo cáo quyết toán thuế TNDN hằng năm, Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh,...
- Sổ sách sử dụng: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 821, Sổ chi tiết TK 821.
- Tài khoản sử dụng: TK 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Kết cấu tài khoản 821

Nợ	TK 821	Có
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm;	- Khi số thuế TNDN thực tế phải nộp nhỏ hơn số đã tạm nộp, phần chênh lệch được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành.	
- Số thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN của năm hiện tại;	- Khoản thuế TNDN phải nộp giảm do sai sót không trọng yếu của các năm trước cũng được ghi giảm chi phí thuế TNDN năm hiện tại.	
	- Cuối kỳ, kết chuyển chênh lệch chi phí thuế TNDN hiện hành vào TK 911	

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ

TK 821 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 821 được chi tiết thành 2 TK cấp 2:

- Tài khoản 8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
- Tài khoản 8212: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định như sau:

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \left(\text{Thu nhập tính thuế} - \text{Phần trích lập quỹ khoa học và công nghệ} \right) \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

Thu nhập tính thuế được xác định theo công thức:

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \left(\text{Thu nhập được miễn thuế} + \text{Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định} \right)$$

Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế xác định như sau:

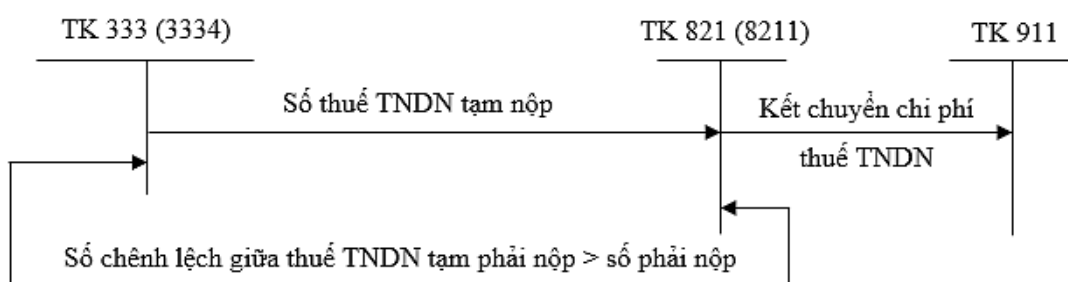
$$\text{Thu nhập chịu thuế} = \left(\begin{matrix} \text{Doanh thu} \\ - \\ \text{Chi phí được trừ} \end{matrix} \right) + \text{Các khoản thu nhập khác}$$

Theo quy định tại Điều 10, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 (có hiệu lực từ ngày 01/10/2025), thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông hiện hành là 20%, áp dụng đối với thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp.

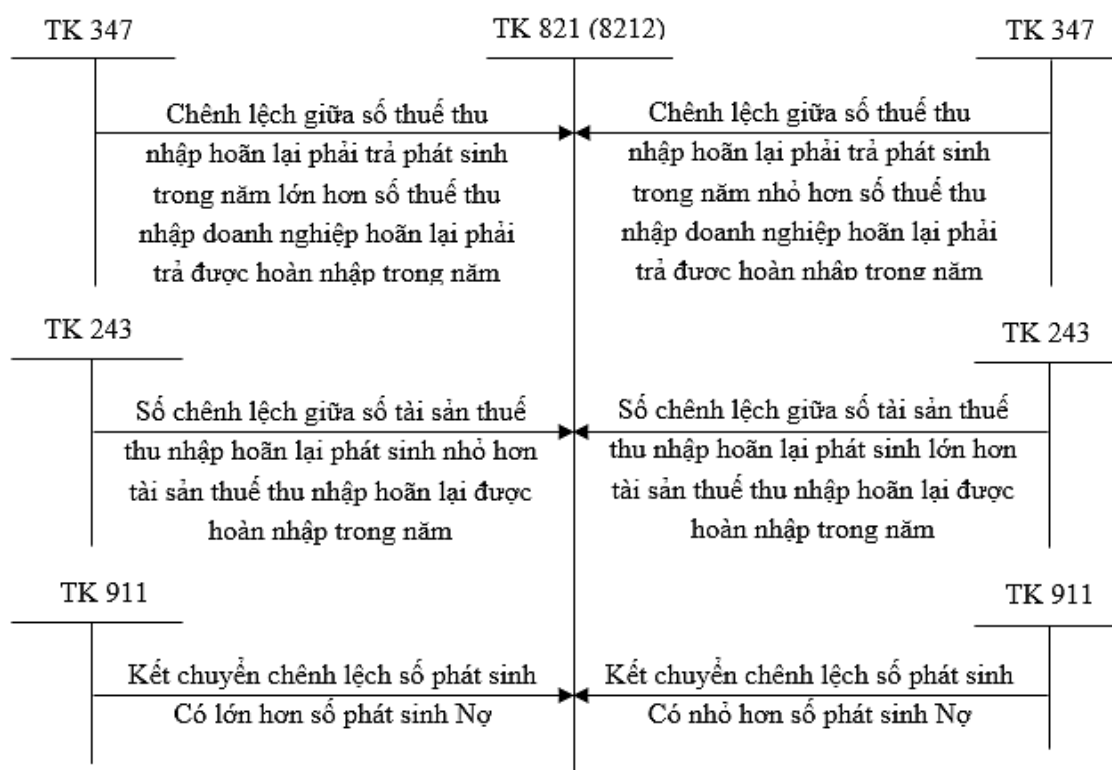
Mức thuế suất này được áp dụng cho đa số doanh nghiệp, trừ các trường hợp được hưởng ưu đãi thuế hoặc áp dụng mức thuế suất đặc thù theo quy định của pháp luật.

Thuế suất 20% là căn cứ quan trọng để xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận sau thuế và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.11. Trình tự hạch toán chi phí thuế TNDN hiện hành.



Sơ đồ 1.12. Trình tự hạch toán chi phí thuế TNDN hoãn lại

Theo Thông tư 99, hệ thống tài khoản vẫn giữ nguyên TK 821 và các tài khoản cấp 2 như Thông tư 200, dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN và xác định kết quả kinh doanh sau thuế. Điểm mới là bổ sung tài khoản cấp 3 gồm:

- TK 82111: Chi phí thuế TNDN hiện hành theo Luật thuế TNDN.
- TK 82112: Chi phí thuế TNDN bổ sung theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu.

Việc phân tách này giúp doanh nghiệp theo dõi riêng thuế TNDN thông thường và thuế bổ sung, từ đó quản lý và trình bày thông tin tài chính rõ ràng, minh bạch hơn.

1.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.3.1. Khái niệm xác định kết quả kinh doanh

Là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất, kinh doanh và hoạt động khác trong kỳ, được xác định bằng chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập và chi phí, thể hiện dưới dạng lãi hoặc lỗ, gồm kết quả hoạt động kinh doanh thông thường và kết quả hoạt động khác.

1.3.2. Các chỉ tiêu xác định kết quả kinh doanh

Công thức xác định kết quả kinh doanh:

$$\begin{aligned}
 \text{Kết quả kinh doanh trước thuế} &= \text{DTT từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán} + \text{DT hoạt động tài chính} - \text{CP hoạt động tài chính} \\
 &\quad - \text{CP bán hàng} - \text{CP QLDN} + \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác} \\
 \text{Kết quả kinh doanh sau thuế} &= \text{Kết quả kinh doanh trước thuế} - \text{Chi phí thuế TNDN}
 \end{aligned}$$

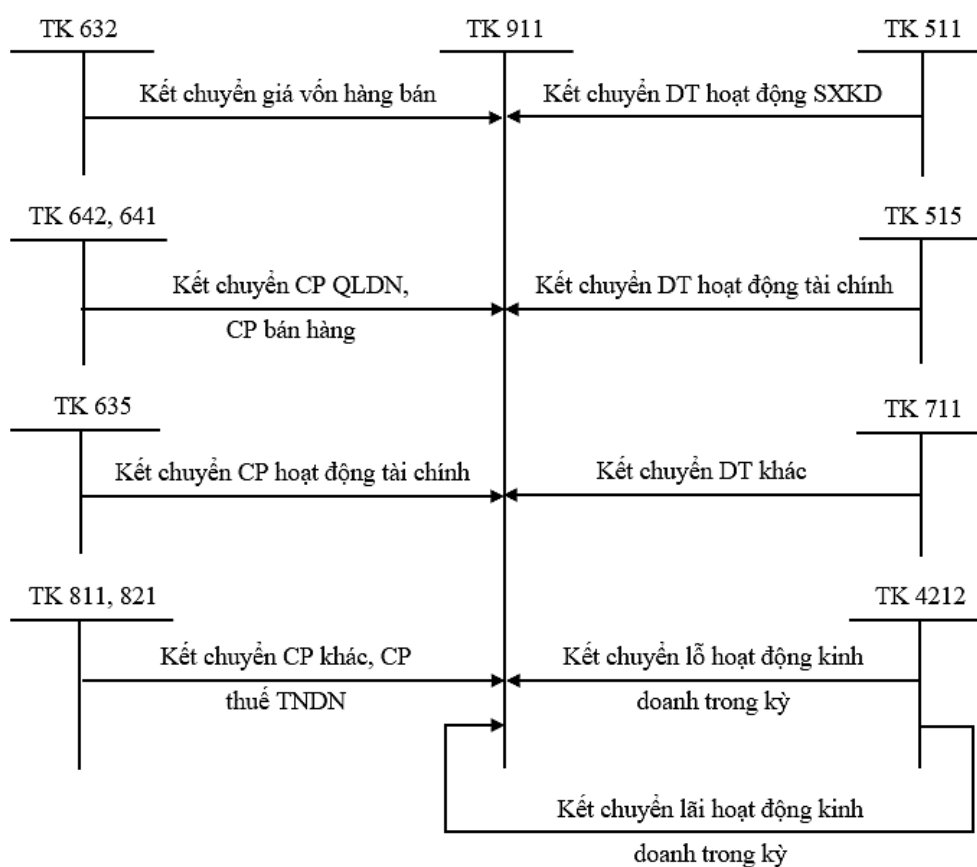
1.3.3. Sổ sách sử dụng

- Phiếu kế toán
- Sổ cái TK 511, TK 515, TK 711, TK 632, TK 641, TK 642, TK 635, TK 811
- Các sổ chi tiết liên quan

1.3.4. Tài khoản sử dụng

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

1.3.5. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.13. Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 911 theo Thông tư 99 giữ nguyên tên gọi và bản chất so với Thông tư 200. Tài khoản này vẫn được sử dụng để tổng hợp và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán, bao gồm kết quả từ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN

2.1. Tổng quan về Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

2.1.1.1. Giới thiệu về Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

- Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN
- Tên Tiếng Anh: VICEM Hai Van Cement Joint Stock Company.
- Ngày thành lập: 15/12/1994
- MST: 0400101235
- Trụ sở chính: Số 65 Nguyễn Văn Cừ, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng.
- Người đại diện: ông Trần Việt Hồng
- Điện thoại: 0236.3842172
- Email: info@haivancement.vn
- Website: www.haivancement.vn
- Ngành nghề chính: Sản xuất và kinh doanh clinker, xi măng; Sản xuất và kinh doanh đá xây dựng.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân là doanh nghiệp trực thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam, chuyên sản xuất xi măng, clinker và vật liệu xây dựng. Công ty chuyên cung cấp sản phẩm cho thị trường miền Trung và các khu vực lân cận, đồng thời tham gia xuất nhập khẩu clinker và vật tư ngành xi măng, góp phần đảm bảo nguồn cung vật liệu cho các dự án xây dựng trong nước

2.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

Tiền thân Công ty Xi măng Hải Vân là doanh nghiệp nhà nước thuộc Sở xây dựng thành phố Đà Nẵng được thành lập theo Quyết định số 2309/QĐ-UB ngày 15/12/1994 của UBND tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Thực hiện Văn bản số 04/CP-ĐMDN ngày 02/01/2001 của Thủ tướng Chính phủ, Tổng Công ty Xi măng Việt Nam tiếp nhận Công ty Xi măng Hải Vân về làm đơn vị thành viên của Tổng công ty.



Hình 2.1. Logo Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

Vicem Hải Vân cam kết mang đến cho khách hàng những sản phẩm chất lượng và dịch vụ hiệu quả, góp phần vào sự phát triển bền vững của ngành xây dựng và thị trường vật liệu xây dựng Việt Nam. Trong chặng đường phát triển, ngành Xi măng Việt Nam chia thành nhiều giai đoạn phát triển:

+ **Giai đoạn đầu thành lập:** Giai đoạn đầu thành lập, Công ty đầu tư dây chuyền sản xuất tự động nhập khẩu từ Krupp-Polysius (Đức), công suất 520.000 tấn xi măng/năm cùng cầu cảng chuyên dụng. Sau khi đi vào hoạt động, sản phẩm nhanh chóng tiêu thụ tại miền Trung - Tây Nguyên và xuất khẩu sang Lào, Campuchia, đáp ứng nhu cầu xây dựng và góp phần phát triển kinh tế khu vực.

+ **Giai đoạn từ 1998 - 2001:** Đến năm 2001, Công ty được tiếp nhận làm thành viên của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam theo Quyết định số 163/BXD ngày 05/02/2001 của Bộ Xây dựng, qua đó giúp giải quyết khó khăn tài chính và mở ra hướng phát triển mới trong sản xuất - kinh doanh.

+ **Giai đoạn từ 2002 - 2007:** Sau khi là thành viên của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam, Công ty hằng năm đều hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh, tăng trưởng doanh thu - lợi nhuận, đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động và đóng góp ngân sách nhà nước.



Hình 2.2. Công ty Xi măng Vicem Hải Vân.

+ **Giai đoạn từ khi Cổ phần hóa đến nay:** Thực hiện chủ trương đổi mới DNNN, Công ty Xi măng Hải Vân được cổ phần hóa theo Quyết định 376/QĐ - BXD ngày 09/3/2007 và chính thức chuyển sang công ty cổ phần từ ngày 01/4/2008, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

2.1.2.1. Chức năng của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, với các chức năng chủ yếu như sau:

- Sản xuất xi măng và vật liệu xây dựng: Tổ chức sản xuất xi măng và các sản phẩm liên quan nhằm cung cấp cho thị trường trong và ngoài khu vực.
- Kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm: Thực hiện hoạt động phân phối, tiêu thụ xi măng và các sản phẩm vật liệu xây dựng đến khách hàng.
- Thực hiện xuất khẩu xi măng, clinker và nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất.

- Khai thác và cung cấp các loại nguyên liệu, phụ gia phục vụ sản xuất xi măng.
- Hỗ trợ sản xuất và kinh doanh vận tải, kho bãi, cảng biển,... nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.1.2.2. *Nhiệm vụ của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân*

- Tiếp tục đầu tư thiết bị và hệ thống quan trắc khí thải tự động, đảm bảo tuân thủ quy chuẩn môi trường.
- Phát triển sản xuất xanh, kiểm soát khí thải, bảo dưỡng thiết bị và tăng cường trồng cây xanh trong nhà máy.
- Áp dụng hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001 tại doanh nghiệp.
- Đẩy mạnh cải tiến kỹ thuật, phong trào xanh - sạch - đẹp, đảm bảo an toàn lao động và nâng cao hiệu quả sản xuất.
- Nâng cao đời sống người lao động, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội và các hoạt động an sinh cộng đồng.

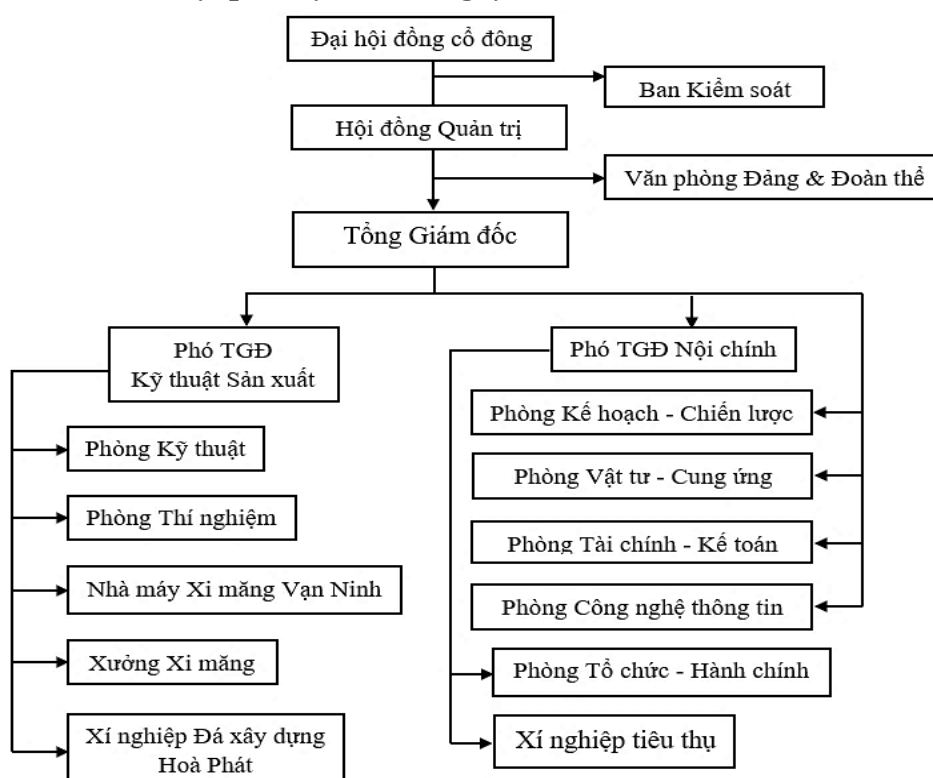
2.1.3. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - + Sản xuất và kinh doanh clinker, xi măng
 - + Sản xuất và kinh doanh đá xây dựng
- Địa bàn kinh doanh: Sản phẩm của Công ty được tiêu thụ chủ yếu tại các thị trường thuộc khu vực Miền trung và Tây Nguyên
- Sản phẩm chính:
 - + Xi măng VICEM Hải Vân PCB30: Phù hợp cho các công trình dân dụng thông thường, xây tô, lát nền, sản xuất gạch block, vữa xây dựng.
 - + Xi măng VICEM Hải Vân PCB40: Thường dùng cho kết cấu bê tông chịu lực, nhà cao tầng, cầu đường và các công trình yêu cầu độ bền chắc cao.
 - + Xi măng VICEM Hải Vân PC40: Dùng cho các công trình hạ tầng lớn, bê tông khối, cầu cảng, kết cấu đặc biệt.
 - + Clinker và các sản phẩm vật liệu xây dựng khác phục vụ sản xuất xi măng hoặc thương mại (đất sét, thạch cao). (Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân không phát sinh hoạt động bán các nguyên vật liệu như clinker, thạch cao hay phụ gia ra bên ngoài. Hoạt động sản xuất xi măng vẫn được duy trì thông qua việc mua nguyên liệu từ các doanh nghiệp khác hoặc nguồn cung nội bộ, do đó doanh nghiệp vẫn đảm bảo sản lượng xi măng thành phẩm để phục vụ tiêu thụ trong kỳ.).

- Phương thức bán hàng: Phương thức bán hàng của công ty là phương thức tiêu thụ trực tiếp. Khi bán sản phẩm cho nhà phân phối công ty sẽ giao hàng trực tiếp tại kho của mình.
 - + Chính sách bán hàng tại Công ty: Khách hàng của Công ty là các nhà phân phối lớn (Công ty không bán lẻ cho khách hàng), nhà phân phối lớn sẽ cung cấp sản phẩm cho các nhà phân phối nhỏ,...Người tiêu dùng sẽ mua sản phẩm tại các nhà các cửa hàng.
- Phương thức thanh toán:
 - + Thanh toán bằng tiền mặt: Là phương thức người mua trả tiền trực tiếp cho người bán ngay sau khi quyền sở hữu hàng hóa được chuyển giao, áp dụng cho các đơn hàng có tổng giá trị trong ngày dưới 20 triệu đồng.
 - + Thanh toán bằng chuyển khoản: Là phương thức người mua chuyển tiền qua ngân hàng cho người bán sau khi quyền sở hữu hàng hóa được chuyển giao, áp dụng đối với các đơn hàng có tổng giá trị trong ngày trên 20 triệu đồng.
 - + Bù trừ công nợ: Phương thức này là việc hai hoặc ba bên có giao dịch mua/bán lẫn nhau thỏa thuận sử dụng khoản công nợ phải thu để căn trừ trực tiếp vào khoản công nợ phải trả. Hình thức này giúp tiết kiệm chi phí, thời gian và được pháp luật thuế công nhận khi có biên bản rõ ràng.

2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

2.1.4.1. Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



Sơ đồ 2.1. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

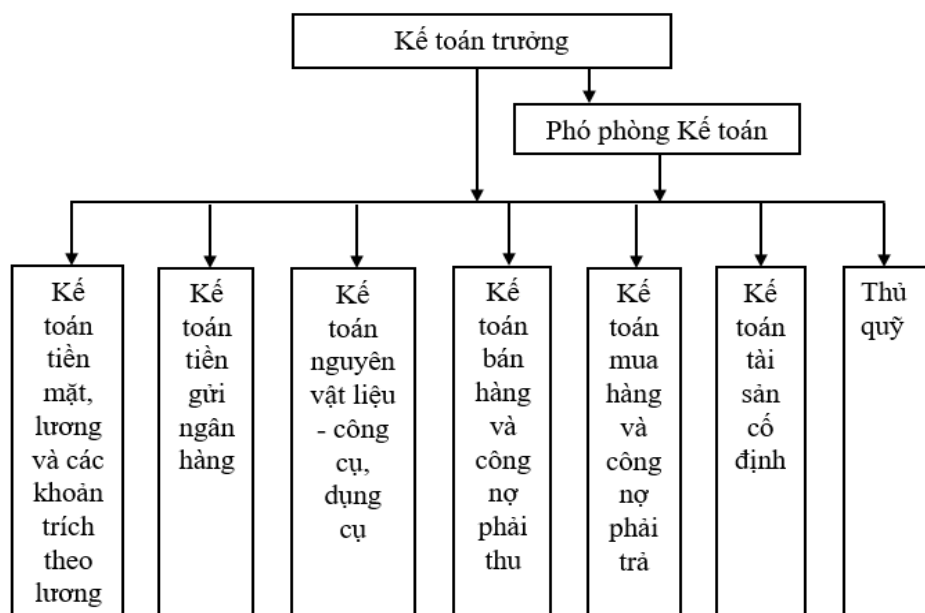
2.1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận

- ❖ **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):** Là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, HĐQT quyết định những vấn đề liên quan, đến quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- ❖ **Hội đồng quản trị (HĐQT):** Gồm Chủ tịch và các ủy viên, Hội đồng quản trị họp định kỳ hàng quý hoặc đột xuất để đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và việc thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông; đồng thời cụ thể hóa kế hoạch và giao Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện, theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.
- ❖ **Ban kiểm soát:** Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, Ban Kiểm soát hoạt động độc lập, có nhiệm vụ giám sát hoạt động Công ty, bảo vệ quyền lợi cổ đông, đảm bảo tuân thủ pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ, và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật.
- ❖ **Ban điều hành:** Đứng đầu bộ máy điều hành là Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, phụ trách điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT và pháp luật về nhiệm vụ được giao.
- ❖ **Tổng Giám đốc:** Là người chịu trách nhiệm phụ trách chung chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đề bạt, tuyển dụng.
- ❖ **Phó Tổng Giám đốc Nội chính:** Chịu trách nhiệm điều hành các bộ phận hỗ trợ nội bộ và tài chính.
- ❖ **Phòng Kế hoạch:** Lập kế hoạch sản xuất, nhu cầu nguyên vật liệu - nhân lực - thị trường. Theo dõi tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh.
- ❖ **Phòng Vật tư:** Chịu trách nhiệm tổ chức toàn bộ công tác nhập vật tư theo kế hoạch tiêu thụ sản phẩm đã được xây dựng.
- ❖ **Phòng Tài chính - Kế toán:** Có nhiệm vụ tổ chức hạch toán quá trình sản xuất kinh doanh, tính giá thành sản phẩm, xác định kết quả tài chính và phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ❖ **Phòng Tổ chức - Hành chính:** Tham mưu cho Tổng Giám đốc về tổ chức lao động và tiền lương nhằm tối ưu bộ máy sản xuất kinh doanh; đồng thời thực hiện công tác hành chính như lễ tân, văn thư lưu trữ, bảo vệ, y tế và chịu trách nhiệm các hoạt động thuộc phạm vi quản lý.
- ❖ **Xí nghiệp tiêu thụ:** Chịu trách nhiệm phân phối - bán sản phẩm xi măng và clinker tới thị trường. Phát triển kênh phân phối, quan hệ khách hàng, và dịch vụ sau bán hàng.

- ❖ **Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật - Sản xuất:** Chịu trách nhiệm chính về sản xuất và chất lượng sản phẩm
- ❖ **Phòng Kỹ thuật:** Thiết kế quy trình kỹ thuật, bảo trì thiết bị và nghiên cứu cải tiến quy trình để tối ưu năng suất và chất lượng sản phẩm.
- ❖ **Phòng Thí nghiệm:** Kiểm tra chất lượng nguyên liệu và sản phẩm để đảm bảo các chỉ tiêu tiêu chuẩn kỹ thuật đáp ứng yêu cầu (Clinker, xi măng...).
- ❖ **Nhà máy xi măng Vạn Ninh:** Thực hiện sản xuất clinker và xi măng tại Quảng Trị.
- ❖ **Xưởng xi măng:** Thực hiện nhiệm vụ sản xuất xi măng tại thành phố Đà Nẵng theo sản lượng kế hoạch công ty giao, quản lý và sử dụng có hiệu quả máy móc thiết bị và lao động.
- ❖ **Xí nghiệp Đá xây dựng Hòa phát:** Thực hiện sản xuất clinker và xi măng tại thành phố Đà Nẵng.

2.1.5. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

2.1.5.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty



Sơ đồ 2.2. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

2.1.5.2. Chức năng, nhiệm vụ của phòng Kế toán

- ❖ **Kế toán trưởng:** Là người có trách nhiệm tổ chức công tác kế toán, giám sát về mặt tài chính, chịu trách nhiệm trước Giám đốc, cơ quan tài chính và kết quả kinh doanh của công ty.
- ❖ **Phó phòng kế toán:** Là người hỗ trợ cho kế toán trưởng và thay cho kế toán trưởng khi vắng mặt ở công ty; theo dõi định mức và phê duyệt chi phí sản xuất.
- ❖ **Kế toán tiền mặt, lương và các khoản trích theo lương:** Theo dõi, tập hợp và hạch toán tình hình biến động tiền mặt, các khoản thanh toán, tạm ứng; tiền lương,

bảo hiểm; có trách nhiệm đôn đốc công nợ phải thu nội bộ nhằm đảm bảo thanh toán đúng hạn.

- ❖ **Kế toán tiền gửi ngân hàng:** Theo dõi và hạch toán tình hình biến động tiền gửi ngân hàng, giao dịch với ngân hàng; thực hiện thủ tục mở thư tín dụng và thanh toán kịp thời.
- ❖ **Kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ:** Theo dõi tình hình nhập - xuất - tồn kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; hạch toán chi tiết nguyên liệu trong kỳ; định kỳ báo cáo nhập - xuất - tồn từng loại vật tư; thường xuyên kiểm kê đối chiếu với thủ kho về số lượng vật tư.
- ❖ **Kế toán mua hàng và công nợ phải trả:** Theo dõi và tập hợp đầy đủ chứng từ về việc mua hàng; theo dõi các khoản nợ phải trả để đảm bảo thanh toán đúng hạn.
- ❖ **Kế toán bán hàng và công nợ phải thu:** Có nhiệm vụ viết hóa đơn bán hàng, báo cáo doanh thu định kỳ; theo dõi các khoản nợ phải thu.
- ❖ **Kế toán tài sản cố định:** Theo dõi danh mục TSCĐ tăng; định kỳ trích khấu hao theo quy định; thu thập đầy đủ chứng từ biến động của TSCĐ; lập phương án đề xuất về việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ hết giá trị sử dụng.
- ❖ **Thủ quỹ:** Có nhiệm vụ giữ tiền; thực hiện thu, chi tiền khi đã có đầy đủ thủ tục.

2.1.6. Chế độ kế toán và một số chính sách kế toán của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

- Chế độ kế toán: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/4/2004 của Bộ Tài chính và Thông tư số 202/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm dương lịch.
- Phần mềm kế toán đang áp dụng: Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân sử dụng phần mềm kế toán Fast Accounting.
- Hình thức kế toán áp dụng: Hình thức Nhật ký chung.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: đồng Việt Nam (VNĐ)
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp tính giá xuất kho: Phương pháp đơn giá bình quân gia quyền
- Phần mềm hoá đơn điện tử: Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân hiện đang sử dụng phần mềm xuất hóa đơn điện tử VNPT Invoice do Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam cung cấp. Theo hình thức này, doanh nghiệp không sử dụng hóa đơn giấy truyền thống mà thực hiện phát hành hóa đơn điện tử thông qua hệ thống phần mềm.

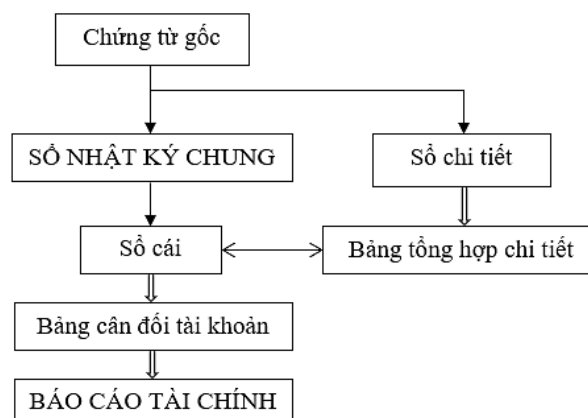
+ Về phương thức sử dụng, công ty chủ động đăng ký mua số lượng hóa đơn điện tử phù hợp với nhu cầu thực tế trong từng giai đoạn hoạt động kinh doanh. Khi số lượng hóa đơn đã mua được sử dụng hết, doanh nghiệp sẽ tiếp tục thực hiện mua bổ sung để đảm bảo quá trình lập hóa đơn được diễn ra liên tục, không bị gián đoạn. Cách thức này giúp doanh nghiệp linh hoạt trong việc quản lý và sử dụng hóa đơn, đồng thời phù hợp với xu hướng chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán - tài chính hiện nay.



Hình 2.3. Giao diện phần mềm Fast.

2.1.7. Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

- **Phần mềm mà công ty sử dụng:** Để đảm bảo cho việc cung cấp và xử lý thông tin kế toán kịp thời và nhanh chóng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý, thì cần thiết phải lựa chọn hình thức kế toán phù hợp với trình độ và quy mô sản xuất. Vì vậy, công ty đã sử dụng hình thức Nhật ký chung (kế toán máy)

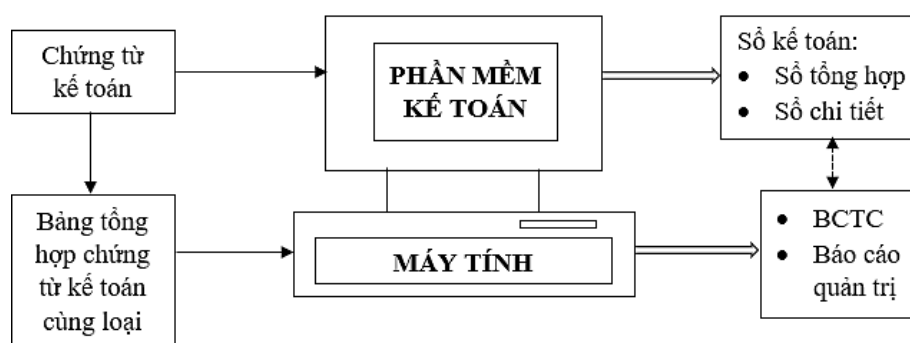


Ghi chú: —→ : Ghi hằng ngày

====> : Ghi cuối kỳ

<====> : Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ kế toán



Ghi chú: —————> Nhập số liệu hằng ngày
 =====> Ghi cuối kỳ

Sơ đồ 2.4. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.

Mô tả trình tự:

- **Công việc hằng ngày:** Hằng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.
- **Công việc cuối tháng:** Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập BCTC. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định.

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

2.2.1. Kế toán các khoản doanh thu và thu nhập tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty

a. Chứng từ sử dụng

Các loại chứng từ được Công ty sử dụng trong việc bán hàng bao gồm:

- Hợp đồng kinh tế
- Hóa đơn GTGT, Phiếu xuất kho,

b. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 511
- Sổ chi tiết TK 511

c. Tài khoản sử dụng

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Được chi tiết thành 2 TK cấp 2:

- TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm
- TK 5118: Doanh thu khác

d. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, doanh thu bán hàng chủ yếu được ghi nhận từ việc doanh nghiệp tập trung vào hoạt động bán xi măng thành phẩm, đồng thời thực hiện gia công xi măng cho các doanh nghiệp (Công ty chỉ thuê bên ngoài thực hiện một số công đoạn sản xuất xi măng, còn nguyên vật liệu vẫn thuộc sở hữu của Công ty. Sau gia công, sản phẩm được nhập lại để tiếp tục hoàn thiện và tiêu thụ. Vì vậy, hoạt động này được ghi nhận là “gia công xi măng” để thuận tiện cho việc quản lý và theo dõi chi phí).

Trình tự hạch toán:

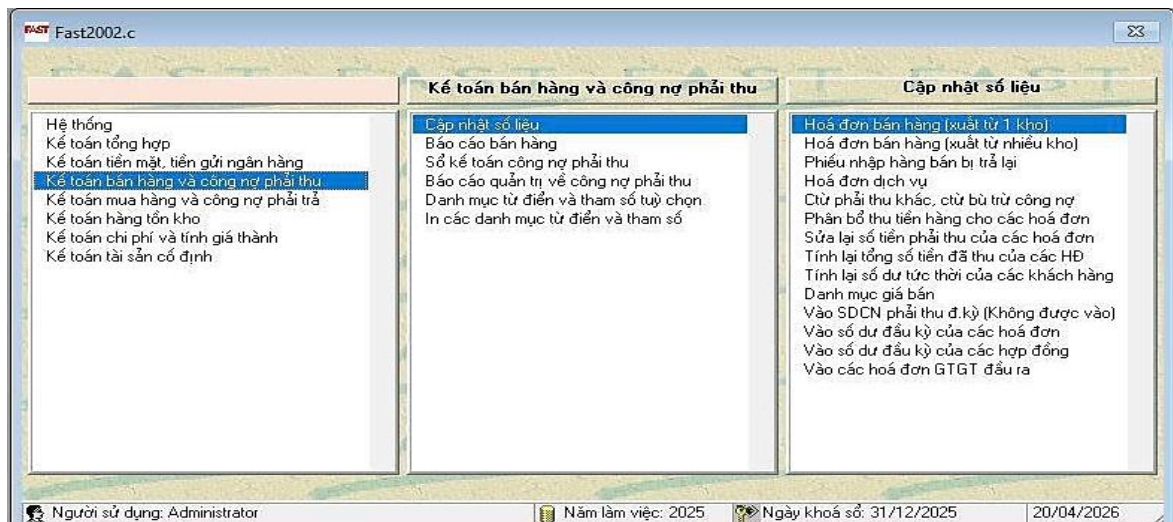
- Bộ phận kho thực hiện lập phiếu xuất kho. Sau đó, kế toán tiến hành lập hóa đơn điện tử trên phần mềm VNPT Invoice với đầy đủ các thông tin về khách hàng, hàng hóa, số lượng, đơn giá và thuế suất, sau đó phát hành hóa đơn cho khách hàng.
- Tiếp theo, kế toán nhập dữ liệu hóa đơn vào phần mềm FAST Accounting tại phân hệ “Bán hàng và công nợ phải thu”. Sau khi khai báo đầy đủ thông tin chứng từ, phần mềm sẽ tự động ghi nhận doanh thu.
- Toàn bộ dữ liệu sau khi ghi nhận được lưu trữ trên hệ thống và liên kết với các sổ kế toán, đảm bảo thông tin được phản ánh đầy đủ, chính xác và kịp thời.

➤ ***Trường hợp 1: Kế toán bán thành phẩm xi măng:*** Ngày 10/01/2025, Công ty tiến hành bán 63 tấn xi măng cho Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Lê Văn Sa với giá bán là 75.600.000 đồng (đã bao gồm 8% VAT) Kế toán thực hiện lập hoá đơn điện tử trên phần mềm VNPT số 00000015 sau đó xuất hoá đơn cho Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Lê Văn Sa.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN ĐC: 65 Nguyễn Văn Cừ, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam ĐT: 02363.842172 *Fax: 0236.3842441 TK: 110854699999 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Đà Nẵng – Phòng PGD Hùng Vương. Website: http://haivancement.vn MST: 0400101235		HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ngày <u>10</u> tháng <u>01</u> năm <u>2025</u> Ký hiệu: 1C25THV Số: 00000015			
Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LÊ VĂN SA Địa chỉ: Khối 7B- Phường Điện Nam Đông, Thị Xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam Mã số đăng ký thuế: 4000703190 Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản: _____ Địa bán: _____					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	XI MĂNG WALLCEM XÂY TỔ	TẤN	63	1.111.111,1111	70.000.000
Cộng tiền hàng:					70.000.000
Thuế suất GTGT: 8%					Tiền thuế GTGT: 5.600.000
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN:					75.600.000
Số tiền viết bằng chữ: Bảy mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng					
Người mua hàng (Ký và ghi rõ họ tên)		CƠ QUAN THUẾ Signature Valid Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ, O=HỒ LẠI CHÍNH, L=Hà Nội, C=VN Ký ngày: 10/01/2025 15:21:52		Người bán hàng (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên) Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN Ký ngày: 10/01/2025 15:21:52	
Tra cứu hóa đơn tại website: https://hoadondientu.gdt.gov.vn/ Mã của cơ quan thuế: 004350ABE73FB0400CBE49F1D9467C5DDF Hoặc portal https://dngvicemhaivan-t78.vnpt-invoice.com.vn/ - Mã tra cứu: 19171001C25THV15726516 Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Tổng công ty dịch vụ viễn thông - VNPT Vinaphone, MST:0106869738, Điện thoại:18001260					

Biểu 2.1. Hóa đơn GTGT số 00000015

Sau đó kế toán thực hiện nhập số liệu vào phần mềm Fast. Căn cứ vào hóa đơn điện tử đã lập, kế toán khai báo các thông tin bao gồm mã khách hàng (Công ty TNHH MTV TM & DV Lê Văn Sa), địa chỉ, mã số thuế, số hóa đơn, ngày hạch toán và nội dung diễn giải và thực hiện xuất hoá đơn, khi giao hàng xong khách hàng ký vào biên bản giao hàng (xem phụ lục số 02)



Hình 2.4. Trình tự vào nhập liệu hoá đơn phần mềm Fast.

Đvt	Tồn kho	Số lượng	Giá bán VND	Thành tiền VND	Tk dt	Giá vốn VND	Tiền vốn VND	Tk kl
Tân		63,000	0,00	70 000 000	1121	1 033 651,31	65 120 033	155021

Số lượng: 63,000 Tiền vốn: 65 120 033
Mã thuế: 8 8,00% Tk thuế: 1311 / 33311 Tiền hàng: 70 000 000
Tk ck: Tiền thuế: 5 600 000
Tiền ck: Tổng TT: 75 600 000
Hạn TT: 0

Hình 2.5. Giao diện ghi sổ ở phần mềm Fast

Khi kế toán tiếp nhận đủ các chứng từ bao gồm: Hóa đơn GTGT, Hợp đồng mua bán xi măng. Kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lý của các chứng từ đó sau đó tiến hành ghi nhận doanh thu tại phần mềm Fast.

➤ **Trường hợp 2: Kế toán gia công xi măng:** Ngày 31/12/2025, Công ty thực hiện gia công xi măng bao PCB40 (bao 40kg) cho Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch. Sau khi hoàn thành gia công, Công ty tiến hành giao sản phẩm cho khách hàng giá bán là 67.062.600 đồng (đã bao gồm 8% VAT) theo hóa đơn GTGT số 00001958.

Sau khi lập hoá đơn, kế toán thực hiện nhập liệu vào phần mềm Fast để ghi nhận doanh thu.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã của CQT: 0070874C7205B04810ADC3BD388054475C

Đơn vị bán hàng:	CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN	
Mã số thuế:	0400101235	
Địa chỉ:	65 Nguyễn Văn Cừ, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	
Điện thoại:	0236.3842172	
Website:	https://haivancement.vn Email: info@haivancement.vn	
Số tài khoản:	11085469999	Ngân hàng: TMCP Công thương CN Đà Nẵng – PGD Hùng Vương



Họ & tên người mua hàng:		
Tên đơn vị:	Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	
Mã số thuế:	08000004797	
Địa chỉ:	Tổ dân phố Bích Nhôi 2 - Phường Nhị Chiểu - Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	
Hợp đồng số:	186/XMHT-KHCL	
Hình thức thanh toán:	CK/DT	
Địa bàn:	TB (QNa) - TP Đà Nẵng	

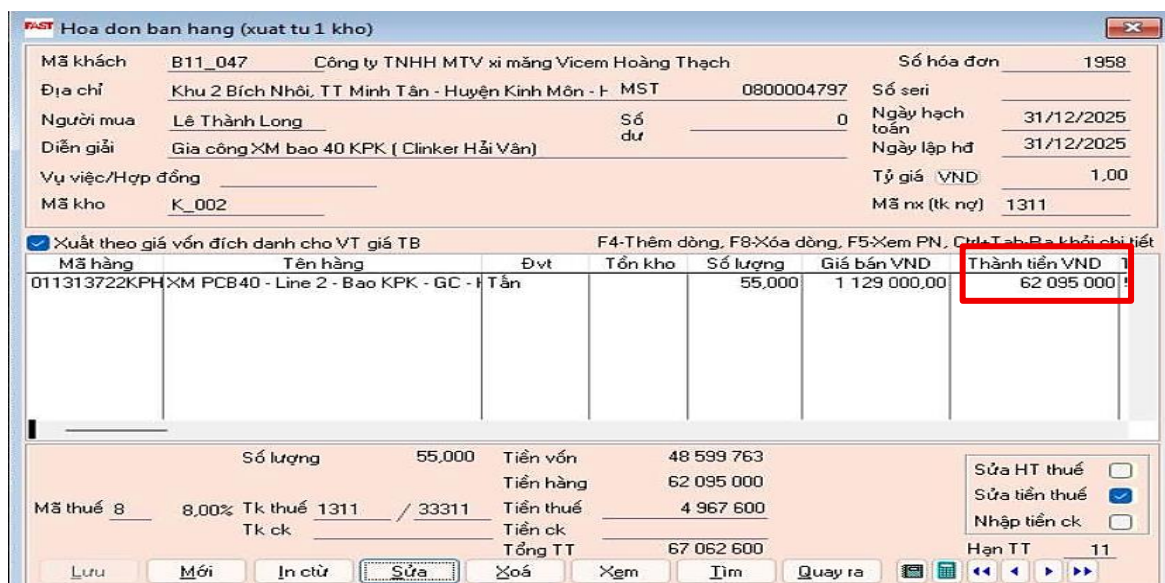
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xi măng PCB40 bao KPK Hoàng Thạch	Tấn	55,00	1.129.000,00	62.095.000
Cộng tiền hàng:					62.095.000
Thuế suất thuế GTGT: 8 %					4.967.600
Tổng tiền thanh toán:					67.062.600
Số tiền viết bằng chữ: Sáu mươi bảy triệu không trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm đồng					

Người mua hàng
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký và ghi rõ họ, tên)

✓ Được ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN**
Ngày ký: 31/12/2025

Biểu 2.2. Hoá đơn GTGT số 00001958



FAST Hoa đơn bán hàng (xuất từ 1 kho)

Mã khách	B11_047	Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hoàng Thạch	Số hóa đơn	1958
Địa chỉ	Khu 2 Bích Nhôi, TT Minh Tân - Huyện Kinh Môn - T. MST		Số seri	0800004797
Người mua	Lê Thành Long	Số dư	0	Ngày hạch toán
Diễn giải	Gia công XM bao 40 KPK (Clinker Hải Vân)		Ngày lập hđ	31/12/2025
Vụ việc/Hợp đồng		Tỷ giá VND	1,00	
Mã kho	K_002	Mã nx (tk nợ)	1311	

☒ Xuất theo giá vốn đích danh cho VT giá TB F4:Thêm dòng, F8:Xóa dòng, F5:Xem PN, Ctrl+Tab: Ra khỏi chi tiết

Mã hàng	Tên hàng	Đvt	Tồn kho	Số lượng	Giá bán VND	Thành tiền VND
011313722KPH	XM PCB40 - Line 2 - Bao KPK - GC - T	Tấn		55,000	1 129 000,00	62 095 000

Số lượng	55,000	Tiền vốn	48 599 763
Mã thuế 8	8,00% Tk thuế 1311 / 33311	Tiền hàng	62 095 000
Tk ck		Tiền thuế	4 967 600
		Tiền ck	
		Tổng TT	67 062 600

Sửa HT thuế ☐ Sửa tiền thuế ☒ Nhập tiền ck ☐ Hạn TT 11

Hình 2.6. Giao diện ghi sổ gia công xi măng ở phần mềm Fast.

Khi chứng từ kế toán được kiểm tra và nhập liệu vào phần mềm Fast, hệ thống sẽ tự động ghi nhận vào Sổ Nhật ký chung (xem phụ lục số 01). Đồng thời được cập nhật vào Sổ chi tiết. Trên cơ sở đó, phần mềm tiến hành tổng hợp số liệu và ghi vào Sổ Cái của các tài khoản liên quan (TK 131, TK 3331,) đảm bảo tính nhất quán và đồng bộ trong toàn bộ hệ thống sổ kế toán theo trình tự thời gian phát sinh nghiệp vụ.

Kế toán thực hiện các bước mở sổ chi tiết trên phần mềm như sau:

Bước 1: Đăng nhập vào phần mềm FAST

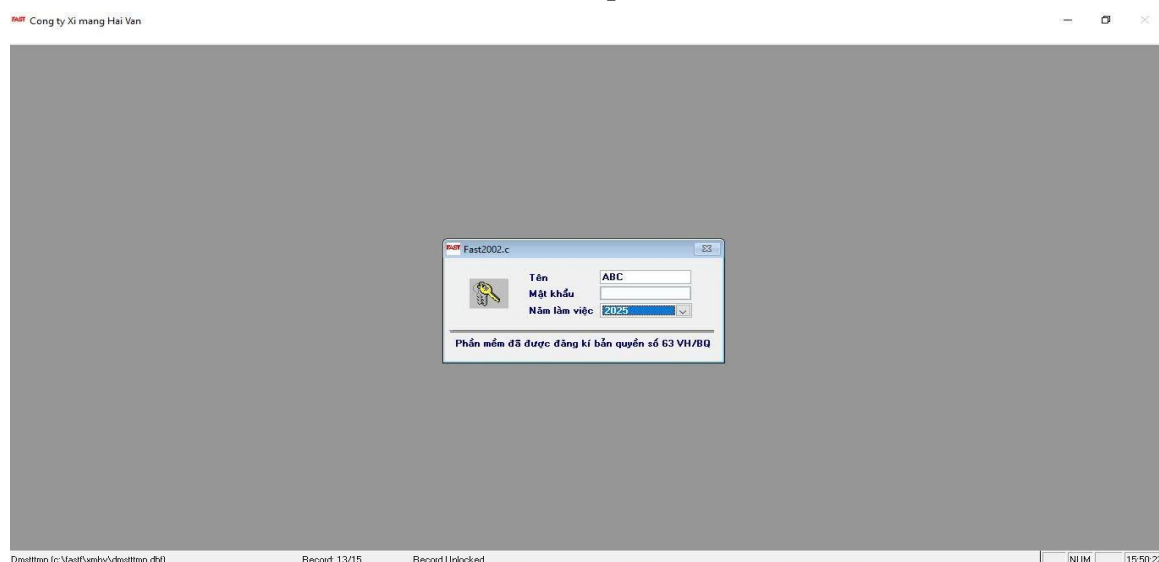
Bước 2: Tại giao diện chính, chọn phân hệ “Kế toán bán hàng và công nợ phải thu”

Bước 3: Tiếp tục chọn chức năng “Sổ kế toán công nợ phải thu”

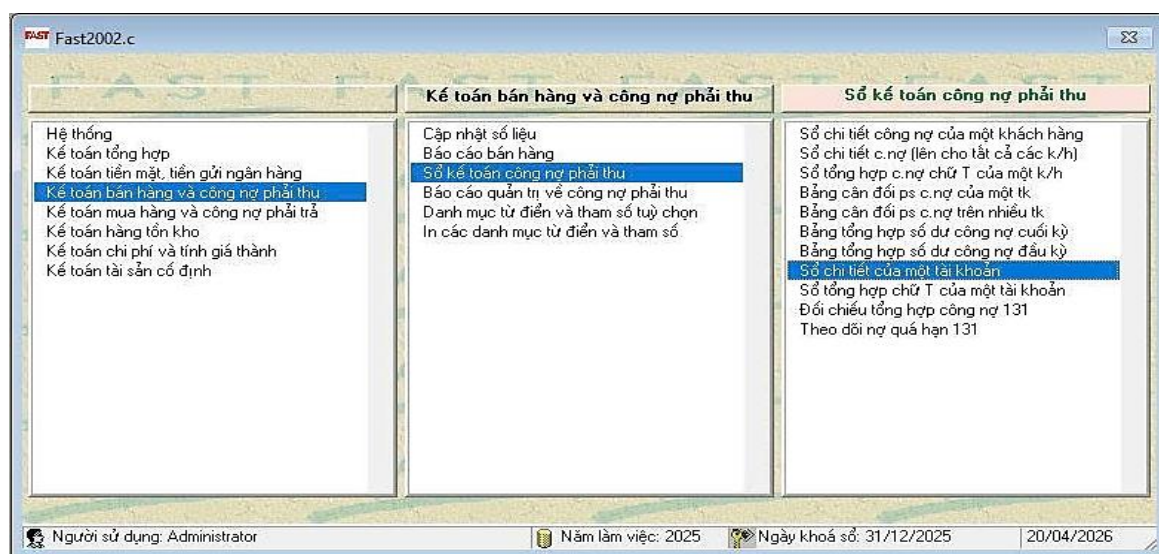
Bước 4: Lựa chọn loại sổ chi tiết của một tài khoản

Bước 5: Nhập các điều kiện lọc dữ liệu: Kỳ kế toán, tài khoản 511

Bước 6: Nhấn “Nhận” / “Xem báo cáo” để phần mềm hiển thị sổ.



Hình 2.7. Giao diện đăng nhập của phần mềm Fast.



Hình 2.8. Giao diện mở sổ chi tiết TK 511

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN

SỔ CHI TIẾT CỦA MỘT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có

.....

10/01	13	Xi măng wallcem xây tô (Cty TNHH Thịnh Phú Cường)	1311		6 666 667
10/01	14	Xi măng wallcem xây tô (Cty TNHH TM&TV Nghệ Giang)	1311		103 333 333
10/01	15	Xi măng wallcem xây tô (Công ty TNHH MTV TM & DV Lê Văn Sa)	1311		70 000 000

.....

31/12	1958	Gia công XM bao 40 KPK (Clinker Hải Vân) (Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hoàng Thạch)	1311		62 095 000
31/12	105032	Kết chuyển 511 -> 911 51121->911 ()	911	10 272 578 973	

.....

Tổng phát sinh nợ: 449 232 797 971

Tổng phát sinh có: 449 232 797 971

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày.... tháng.... năm....

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Biểu 2.3. Sổ chi tiết TK 511

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có

10/01	14	Xi măng wallcem xây tô (Cty TNHH TM&TV Nghệ Giang)	1311		103 333 333
10/01	15	Xi măng wallcem xây tô (Công ty TNHH MTV TM & DV Lê Văn Sa)	1311		70 000 000

.....

31/12	1958	Gia công XM bao 40 KPK (Clinker Hải Vân) (Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hoàng Thạch)	1311		62 095 000
31/12	105032	Kết chuyển 511 -> 911 51121->911 ()	911	10 272 578 973	

.....

Tổng phát sinh nợ: 449 232 797 971

Tổng phát sinh có: 449 232 797 971

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày.... tháng.... năm....

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Biểu 2.4. Sổ cái TK 511

2.2.1.2. Kế toán giảm trừ doanh thu tại Công ty

a. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT;
- Hợp đồng kinh tế
- Và một số chứng từ có liên quan khác

b. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 521
- Sổ chi tiết TK 521

c. Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng TK 521 - Chiết khấu bán thành phẩm (cụ thể là xi măng)

Điều kiện ghi nhận chiết khấu thương mại: Theo chính sách chiết khấu thương mại của công ty, đại lý hoặc khách hàng sẽ hưởng chiết khấu dựa trên số lượng hàng thực tế mua được, nghĩa là mua bao nhiêu sẽ được hưởng chiết khấu bấy nhiêu. Cụ thể, Công ty áp dụng chính sách chiết khấu thương mại theo sản lượng tiêu thụ với 3 mức rõ ràng:

- Mức 1: Nếu sản lượng tiêu thụ dưới 200 tấn, nhà phân phối không được hưởng chiết khấu (0 đồng/tấn).
- Mức 2: Nếu sản lượng tiêu thụ từ 200 tấn đến dưới 400 tấn, toàn bộ sản lượng trong khoảng này được hưởng mức chiết khấu 30.000 đồng/tấn.
- Mức 3: Nếu sản lượng tiêu thụ từ 400 tấn trở lên, chiết khấu được tính theo phương pháp lũy tiến:
 - + 200 tấn đầu tiên: hưởng 30.000 đồng/tấn
 - + Phần vượt trên 400 tấn: hưởng 50.000 đồng/tấn

Thời điểm xác nhận và chốt chiết khấu thương mại là định kỳ cuối mỗi tháng, căn cứ trên doanh số phát sinh thực tế.

➤ **Trường hợp kế toán chiết khấu thương mại:** Ngày 31/12/2025 bán hàng cho Công ty TNHH 738 số lượng 14,5 tấn Xi măng, theo Hợp đồng kinh tế đã ký kết giữa hai bên. Căn cứ vào điều khoản trong hợp đồng (xem phụ lục số 03), khách hàng được hưởng chiết khấu thương mại nếu đạt sản lượng theo quy định.

Kế toán căn cứ vào sản lượng tiêu thụ thực tế và điều khoản trong hợp đồng, Công ty lập Bảng tổng hợp chiết khấu để xác định số chiết khấu thương mại khách hàng được hưởng.

Trong tháng 12/2025, Công ty TNHH 738 được hưởng tổng số tiền chiết khấu thương mại là 645.000 đồng. Khoản chiết khấu này chủ yếu đến từ sản lượng tiêu thụ

xi măng PCB30 và PCB40, trong khi một phần sản lượng không đạt mức tối thiểu nên không được hưởng chiết khấu.

Căn cứ vào bảng tổng hợp, Công ty lập Hóa đơn từ phần mềm VNPT Invoice chiết khấu bán thành phẩm

XI NGHIỆP TIÊU THỤ **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

BẢNG TỔNG HỢP CHIẾT KHẤU THÁNG 12/2025
Tên Nhà phân phối : Công ty TNHH 738

Kính gửi : Tổng giám đốc
 Kế toán trưởng

Căn cứ Quyết định số 349/XMHV-XNTT ngày 30/11/2025 về việc chiết khấu thương mại đối với xi măng bao Vicem Hải Vân PCB30, PCB40 nhận hàng tại nh máy Vạn Ninh.

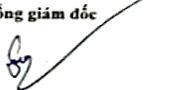
Căn cứ số 367A/XMHV-XNTT ngày 19/12/2025 về việc ban hành chiết khấu thương mại đối với xi măng bao Wallcem xây tô, xi măng Wallcem đa dụng PCB40 Xi măng Vicem Hải Vân PCB30/40 cho các Nhà phân phối nhận hàng tại nhà máy Hải Vân và nhà máy Vạn Ninh .

Xi Nghiệp Tiêu Thụ lập bảng tổng hợp chiết khấu để chỉ trả cho Nhà Phân Phối như sau :

Chung loại	Sản lượng tiêu thụ (tấn)	Mức chiết khấu (đồng/tấn)	Tiền chiết khấu được nhận (đồng)	Ghi chú
Dợt 2 (22/12-27/12)	7,50	40.000	-	
Xi măng Vicem Hải Vân PCB30 bao chạy chương trình	4,00	40.000	-	
Xi măng Vicem Hải Vân PCB40 bao chạy chương trình	3,50	40.000	-	
Sản lượng thực hiện chương trình CKKM	7,50		0,00	Không đạt sản lượng tối thiểu 20 tấn
Xi măng Vicem Hải Vân PCB30 bao	7,00	30.000	210.000	
Xi măng Vicem Hải Vân PCB40 bao	14,50		435.000	
Tổng sản lượng tháng 12	21,50		645.000	

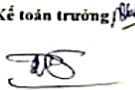
Bảng chữ : Sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng /.

Tổng giám đốc



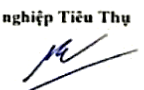
Trần Việt Hồng

Kế toán trưởng



Đinh Ngọc Châu

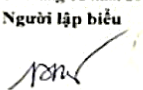
Xi nghiệp Tiêu Thụ



Nguyễn Ngọc Nghĩa

Liên Chiểu, ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu



Phan Thị Thanh Thảo

Biểu 2.5. Bảng tổng hợp chiết khấu

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
 (Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)
 Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã QGT: 00098191C302E64D388E4D856DE7155204

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN
 Mã hàng: 0400101235
 Địa chỉ: 65 Nguyễn Văn Cừ, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại: 0236.3842172
 Website: <https://haivancement.vn> | Email: info@haivancement.vn
 Mã số thuế: 110854699999 Ngân hàng: TMCP Công thương CN Đà Nẵng – PGD Hùng Vương

Người mua hàng:
 Tên: CÔNG TY TNHH 738
 Mã thuế: 3101009163
 Địa chỉ: Thôn Bền, Xã Trường Ninh, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam
 Mã số thuế:
 Phương thức thanh toán: CK/DT

Tên hàng hóa, dịch vụ	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Chiết khấu thương mại Xi măng Hải Vân PCB 30 bao KPK	Tấn	7,00	30.000,00	210.000
Chiết khấu thương mại Xi măng Hải Vân PCB 40 bao KPK	Tấn	14,50	30.000,00	435.000
				645.000
				51.600
				696.600

Tổng tiền hàng:
 Thuế suất thuế GTGT: 8 %
 Tổng tiền thanh toán:
 Tiền viết bằng chữ: Sáu trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm đồng

Người mua hàng (Ký và ghi rõ họ, tên)
 Người bán hàng (Ký và ghi rõ họ, tên)

Được ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN
 Ngày ký: 31/12/2025

Biểu 2.6. Hoá đơn CKTM

Kế toán dựa vào hóa đơn, chứng từ để ghi chép vào các sổ sách liên quan, đồng thời hạch toán lên phần mềm kế toán Fast và được theo dõi ở TK 521.

The image shows two screenshots of the 'FAST' accounting software interface, specifically the 'Hóa đơn bán hàng (xuất từ 1 kho)' (Sales Invoice (issued from 1 warehouse)) form.

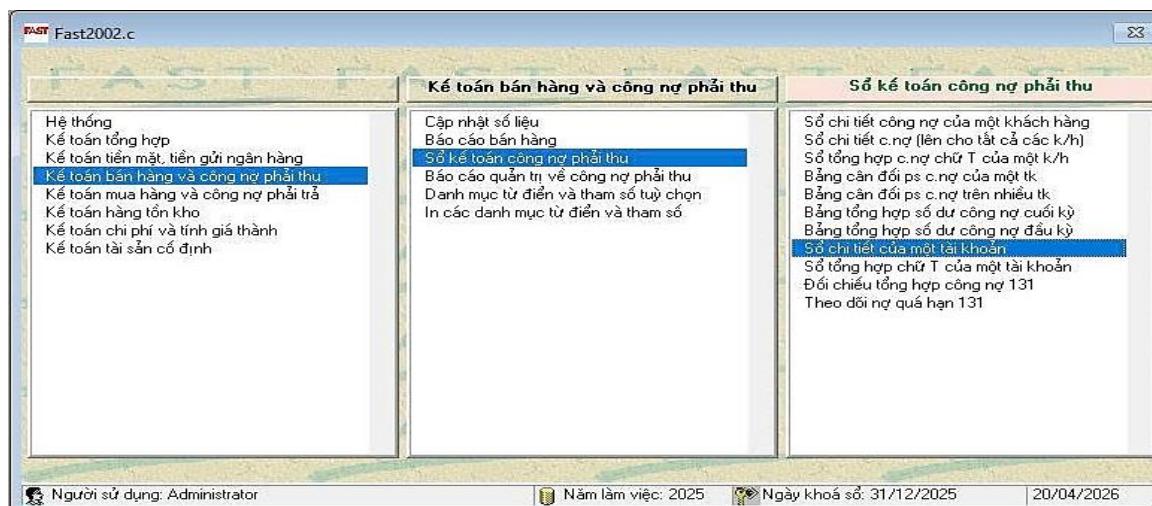
Screenshot 1 (Top): Shows the initial invoice entry. The customer is B13_317, Công ty TNHH 738. The address is Thôn Bến, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Qu. MST. The buyer is Lê Thành Long. The invoice number is 0047, and the series is 1C25TCD. The date of calculation and issue is 31/12/2025. The discount is 'Chiết khấu TM xi măng Vicem Hải Vân PCB 30'. The unit price is VND 1.00, and the net amount is 1311. The warehouse code is K_VN.

Screenshot 2 (Bottom): Shows the same form after calculation. The discount is now 'Chiết khấu thương mại XM Vicem Hải Vân PCB 40 Bao KPK'. The calculation results are shown at the bottom: Tiền vốn (Capital) is 210,000; Tiền hàng (Goods) is 210,000; Tiền thuế (Tax) is 8,00% Tk thuế 1311 / 33311; Tiền ck (Check) is 5212; Tổng TT (Total) is -210,000. The tax calculation results are: Tiền vốn (Capital) is -51,600; Tiền hàng (Goods) is 435,000; Tiền thuế (Tax) is 435,000; Tổng TT (Total) is -486,600.

Hình 2.9. Giao diện hạch toán vào TK 521 ở phần mềm Fast.

Phần mềm kế toán sẽ tự động ghi vào sổ kế toán, sau đó dữ liệu tự động ghi nhận vào Sổ Nhật ký chung (xem phụ lục số 01), đồng thời ghi nhận vào Sổ chi tiết TK 521. Sau đó số liệu tự động trích xuất vào Sổ cái TK 521.

Kế toán truy cập vào phân hệ Kế toán mua hàng và công nợ phải trả, sau đó chọn mục Sổ kế toán công nợ phải trả. Tại giao diện chức năng, tiếp tục chọn Sổ chi tiết của một tài khoản và nhập TK 521 để theo dõi chi tiết các khoản phát sinh liên quan.



Hình 2.10. Giao diện xem sổ chi tiết TK 521

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN

SỔ CHI TIẾT CỦA MỘT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu
Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TK d/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....					
31/12	0047	Chiết khấu TM xi măng Vicem Hải Vân PCB 30 (Công ty TNHH 738)	1311	210 000	
31/12	0047	Chiết khấu thương mại XM Vicem Hải Vân PCB 40 Bao KPK (Công ty TNHH 738)	1311	435 000	

Tổng phát sinh nợ: 6 822 307 408
Tổng phát sinh có: 6 822 307 408
Số dư cuối kỳ: 0
Ngày.... tháng.... năm....
NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Biểu 2.7. Sổ chi tiết TK 521

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu
Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Ngày	Chứng từ Số	Diễn giải	TK d/ư	Số phát sinh	
				Nợ	Có

.....

31/12	0046	Chiết khấu TM xi măng Vicem Hải Vân PCB 30 (Công ty TNHH Duy Tâm)	1311	1 274 390	
31/12	0047	Chiết khấu TM xi măng Vicem Hải Vân PCB 30 (Công ty TNHH 738)	1311	210 000	
31/12	0047	Chiết khấu thương mại XM Vicem Hải Vân PCB 40 Bao KPK (Công ty TNHH 738)	1311	435 000	

Tổng phát sinh nợ: 6 822 307 408

Tổng phát sinh có: 6 822 307 408

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày.... tháng.... năm....

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Biểu 2.8. Sổ cái TK 521

2.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty

a. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có

b. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung

- Sổ cái TK 515

- Sổ chi tiết TK 515

c. Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

d. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Hàng tháng khi ghi nhận được chứng từ giao dịch của ngân hàng Agribank về số tiền lãi tiền gửi không kỳ hạn, kế toán hạch toán vào Sổ Nhật ký chung, Sổ chi tiết và Sổ cái TK 515. Cuối kỳ kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính để xác định kết quả kinh doanh.

➤ **Trường hợp kế toán doanh thu hoạt động tài chính:** Ngày 31/12/2025 Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân nhận được tiền lãi tiền gửi ngân hàng theo giấy báo có số 5491 do Ngân hàng Agribank - Chi nhánh KCN Hòa Khánh, Đà Nẵng cung cấp. Căn cứ vào Giấy báo Có, số tiền lãi tiền gửi được hưởng là 320.800 đồng.

Thông tin giao dịch		Số tiền	LTT	Ghi chú
Số dư tích lũy:		58.553.548.967	VND	
Lãi nhập gốc:		320.800	VND	

Mẫu số: 012/2013 Ký hiệu: GL/25
Số chứng từ: 12310024000005491
Ngày giá trị: 31/12/2025
SGD: 5491 SBT:

CHỨNG TỪ GIAO DỊCH
Ngày: 31/12/2025
Liên 2: Khách hàng

AGRIBANK
CHI NHÁNH: 2013 - NH No&PTNT VN - CN KCN Hòa Khánh - Nam Đà Nẵng
Địa chỉ: Đường Số 2- KCN Hoà Khánh, Liên Chiểu, Đà Nẵng

Tên khách hàng: CTy CP Xi Măng Vicem Hải Vân
Địa chỉ: 65 Nguyễn Văn Cừ, P. Hải Vân- TP Đà Nẵng
Mã số khách hàng: 2013148319226

Mã số thuế: 0100686174-578
Điện thoại/Fax: 02363.738585/02363.7385

Mã số thuế: 0400101235
Số tài khoản: 2013201351016

Loại giao dịch: Lãi tiền gửi
Nội dung:

Mẫu số (DPO) theo văn bản số..... ngày.....

Khách hàng (Ký và ghi rõ họ tên) Thủ quỹ Giao dịch viên (Mã GDV: 2013GL) Kiểm soát (Mã KS:) Giám đốc

Biểu 2.9. Giấy báo có của ngân hàng

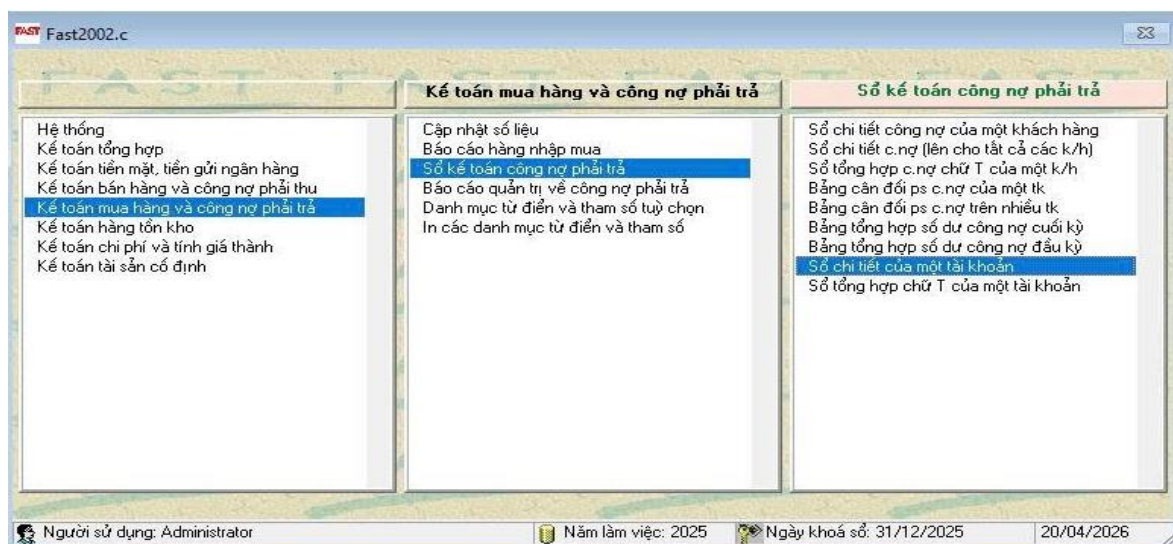


Hình 2.11. Cửa sổ menu chính của phân hệ Kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng trên phần mềm Fast.

Căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán hạch toán vào phần mềm Fast. Vào menu Báo cáo tiền mặt, tiền gửi ngân hàng/ chọn sổ quỹ/ nhập sổ TK và thời gian.

Hình 2.12. Cửa sổ Sổ quỹ / Lọc giao dịch tiền gửi trên phần mềm Fast.

Hình 2.13. Giao diện màn hình nhập liệu thu từ lãi tiền gửi.



Hình 2.14. Giao diện xem sổ chi tiết TK 515

Kế toán thực hiện mở Sổ chi tiết ở phần mềm Fast, sau đó nhập chọn TK 515, lọc dữ liệu (thời gian, mã đối tượng,...)

Căn cứ vào chứng từ kế toán, kế toán ghi nghiệp vụ vào Sổ Nhật ký chung (xem phụ lục số 01) và Sổ chi tiết TK 515. Sau đó, số liệu trích xuất vào Sổ cái TK 515. Cuối kỳ, kế toán tiến hành đối chiếu giữa Sổ cái và Sổ chi tiết, làm cơ sở lập báo cáo tài chính.

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN

SỔ CHI TIẾT CỦA MỘT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TK d/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....					
31/12	tn	Lai TGNH T12.2025 (Công Ty Cổ Phần Xi Măng Vicem Hải Vân)	1121F		320 800
31/12	tn	Lai TGNH T12.2025 (Công Ty Cổ Phần Xi Măng Vicem Hải Vân)	1121X		5 563
31/12	tn	Lai TGNH (Công Ty Cổ Phần Xi Măng Vicem Hải Vân)	1121O		5 357
31/12	55379	Kết chuyển 515 ->911 515->911 ()	911	1 390 563	

Tổng phát sinh nợ: 26 870 174

Tổng phát sinh có: 26 870 174

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày.... tháng.... năm....

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

Biểu 2.10. Sổ chi tiết TK 515

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính
Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TK d/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....					
31/12	tn	Lai TGNH T12.2025 (Công Ty Cổ Phần Xi Măng Vicem Hải Vân)	1121F		320 800
31/12	tn	Lãi TGNH T12.2025 (Công Ty Cổ Phần Xi Măng Vicem Hải Vân)	1121X		5 563
31/12	tn	Lai TGNH (Công Ty Cổ Phần Xi Măng Vicem Hải Vân)	1121O		5 357
31/12	55379	Kết chuyển 515 ->911 515->911 ()	911	1 390 563	

Tổng phát sinh nợ: 26 870 174

Tổng phát sinh có: 26 870 174

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày.... tháng.... năm....

NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Biểu 2.11. Sổ cái TK 515

2.2.1.4. Kế toán thu nhập khác tại Công ty

a. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu
- Hoá đơn GTGT

b. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 711
- Sổ chi tiết TK 711

c. Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng TK 711 - Thu nhập khác

d. Kế toán thu nhập khác tại Công ty

Trong kỳ phát sinh khoản thu khác - Phí cập cảng Hải Vân. Trong quá trình hoạt động, Công ty Hải Vân sở hữu và quản lý khu vực cầu bến phục vụ cho hoạt động vận chuyển đường thủy. Khi các doanh nghiệp khách hàng có nhu cầu đưa tàu vào neo đậu tại cầu bến của Công ty để thực hiện bốc dỡ hàng hóa, Công ty tiến hành thu phí neo đậu tàu theo thỏa thuận.

Khoản phí này do khách hàng chi trả và không gắn trực tiếp với hoạt động vận tải cốt lõi của doanh nghiệp, mà chỉ phát sinh mang tính chất hỗ trợ, không thường xuyên trong quá trình kinh doanh. Do đó, Công ty Hải Vân không xác định đây là doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính.

➤ **Trường hợp kế toán thu nhập khác:** Ngày 30/12/2025, Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân lập hóa đơn số 00000032 cho Công ty khách hàng, phản ánh việc thu phí cập cảng Hải Vân quý 4/2025. Giá 6.900.000 đồng (đã bao gồm VAT 10%).



Ký hiệu: **1C25TCD**
Số: **00000032**

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 30 tháng 12 năm 2025

Mã của CQT: 00310AFCBDF7F74F7083EBC90BCC635AAC

Đơn vị bán hàng:	CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN		
Mã số thuế:	0400101235		
Địa chỉ:	65 Nguyễn Văn Cừ, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam		
Điện thoại:	0236.3842172		
Website:	https://haivancement.vn Email: info@haivancement.vn		
Số tài khoản:	110854699999	Ngân hàng:	TMCP Công thương CN Đà Nẵng – PGD Hùng Vương
			
Họ & tên người mua hàng: Khách hàng không cung cấp MST, địa chỉ			
Tên đơn vị: KHÁCH HÀNG KHÔNG LẤY HÓA ĐƠN			
Mã số thuế:			
Địa chỉ:			
Hợp đồng số:			
Hình thức thanh toán: Tiền mặt			
Địa bàn:			

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Phí Tàu về cập cảng Hải Vân quý 4/2025 (kèm bảng kê ngày 30/12/2025)	VNĐ	0,00	0,00	6.272.727
Cộng tiền hàng:					6.272.727
Thuế suất thuế GTGT: 10 %					627.273
Tổng tiền thanh toán:					6.900.000
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu chín trăm nghìn đồng					

Người mua hàng
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký và ghi rõ họ, tên)

✓ Được ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN**
Ngày ký: 30/12/2025

Biểu 2.12. Hóa đơn GTGT số 00000032

Sau khi hóa đơn được phát hành, dữ liệu hóa đơn sẽ được kế toán tổng hợp và thực hiện nhập liệu vào phần mềm kế toán Fast để ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Mã khách	000_0001	Công Ty Cổ Phần Xi Măng Vicem Hải Vân	Số hóa đơn	032
Địa chỉ	65 Nguyễn Văn cử - Liên Chiểu - Đà Nẵng		Số seri	C25TCD
Người mua			Số dư	
Diễn giải	Phí cập cảng Hải Vân quý 4/2025		Ngày hạch toán	30/12/2025
Vụ việc			Ngày lập hồ	
BPKD	B006		Tỷ giá VND	1,00
			Tk nợ	1388

F4-Thêm dòng mới, F8-Xóa dòng, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết hạch toán

Tk dt	Tên tài khoản	Tiền VND	Diễn giải
711	Thu nhập khác	6 272 727	Phí cập cảng Hải Vân quý 4/2025

Mã thuế 10	10,00%	Tk thuế 1388 / 33311	Tiền hàng 6 272 727	Sửa HT thuế ☐
		Tk ck	Tiền thuế 627 273	Sửa tiền thuế ☐
			Tiền ck	Nhập tiền ck ☐
			Tổng TT 6 900 000	Hạn TT 0

Hình 2.15. Giao diện hoá đơn ở phần mềm Fast.

Căn cứ vào chứng từ kế toán, kế toán ghi nghiệp vụ vào Sổ Nhật ký chung (xem phụ lục số 01) và Sổ chi tiết TK 711. Sau đó, số liệu trích xuất vào Sổ Cái TK 711. Cuối kỳ, kế toán tiến hành đối chiếu giữa Sổ cái và Sổ chi tiết làm cơ sở lập báo cáo tài chính.

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN

SỔ CHI TIẾT CỦA MỘT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 711 - Thu nhập khác
Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Số dư đầu kỳ: **0**

Chứng từ		Diễn giải	TK d/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
31/03	456	Thu phí cập cảng Hải Vân quý 1/2025 (Công Ty Cổ Phần Xi Măng Vicem Hải Vân)	1388		3 818 182
31/03	103093	Kết chuyển 711 ->911 711->911 ()	911	3 818 182	
30/06	1334	Phí cập cảng Hải Vân quý 2/2025 (Công Ty Cổ Phần Xi Măng Vicem Hải Vân)	1388		11 181 818
30/06	103637	Kết chuyển 711 ->911 711->911 ()	911	11 181 818	
30/09	2948	Thu phí cập cảng Hải Vân quý 3/2025 (Công Ty Cổ Phần Xi Măng Vicem Hải Vân)	1388		11 454 545
30/09	80	Thu lại tiền theo phiếu chi 338 (Công Ty Cổ Phần Xi Măng Vicem Hải Vân)	1111		2 000
30/09	104324	Kết chuyển 711 ->911 711->911 ()	911	11 456 545	
30/12	032	Phí cập cảng Hải Vân quý 4/2025 (Công Ty Cổ Phần Xi Măng Vicem Hải Vân)	1388		6 272 727
31/12	55382	Kết chuyển 711 ->911 711->911 ()	911	6 272 727	

Tổng phát sinh nợ: **32 729 272**

Tổng phát sinh có: **32 729 272**

Số dư cuối kỳ: **0**

Ngày.... tháng.... năm....

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

Biểu 2.13. Sổ chi tiết TK 711

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 711 - Thu nhập khác
Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TK d/tr	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
31/03	456	Thu phí cập cảng Hải Vân quý 1/2025 (Công Ty Cổ Phần Xi Măng Vicem Hải Vân)	1388		3 818 182
31/03	103093	Kết chuyển 711 ->911 711->911 ()	911	3 818 182	
30/06	1334	Phí cập cảng Hải Vân quý 2/2025 (Công Ty Cổ Phần Xi Măng Vicem Hải Vân)	1388		11 181 818
30/06	103637	Kết chuyển 711 ->911 711->911 ()	911	11 181 818	
30/09	2948	Thu phí cập cảng Hải Vân quý 3/2025 (Công Ty Cổ Phần Xi Măng Vicem Hải Vân)	1388		11 454 545
30/09	80	Thu lại tiền theo phiếu chi 338 (Công Ty Cổ Phần Xi Măng Vicem Hải Vân)	1111		2 000
30/09	104324	Kết chuyển 711 ->911 711->911 ()	911	11 456 545	
30/12	032	Phí cập cảng Hải Vân quý 4/2025 (Công Ty Cổ Phần Xi Măng Vicem Hải Vân)	1388		6 272 727
31/12	55382	Kết chuyển 711 ->911 711->911 ()	911	6 272 727	

Tổng phát sinh nợ: 32 729 272

Tổng phát sinh có: 32 729 272

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày.... tháng.... năm....

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Biểu 2.14. Sổ cái TK 711

2.2.2. Kế toán các khoản chi phí tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty

a. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho

b. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 632
- Sổ chi tiết TK 632

c. Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng TK 632 - Giá vốn hàng bán

d. Phương pháp tính giá vốn

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và xác định giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Cuối mỗi kỳ kế toán (cuối tháng), kế toán tổng hợp tiến hành tổng hợp toàn bộ phiếu xuất kho trong kỳ. Dựa trên các chứng từ này, kế toán thực hiện tính toán giá vốn hàng bán. Việc tính toán được thực hiện trên file Excel, sau khi hoàn tất việc tính giá vốn, kế toán tiến hành nhập liệu số liệu đã tính được vào phần mềm kế toán Fast.

Khi dữ liệu được nhập thành công, hệ thống sẽ tự động cập nhật và hiển thị giá vốn hàng bán trên giao diện ghi sổ kế toán

e. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty

Kế toán bán hàng căn cứ vào hoá đơn bán hàng và phần mềm bán hàng hạch toán xuất kho cho lượng hàng hay dịch vụ xuất bán, và đồng thời phản ánh vào Sổ chi tiết TK 632 và TK 155

➤ **Trường hợp 1: Kế toán giá vốn bán xi măng:** Ngày 05/01/2025, Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân thực hiện xuất kho 63 tấn Xi măng Walcem xây tô theo Phiếu xuất kho số 03 để phục vụ hoạt động sản xuất, thi công.



Mẫu số 02 - VT

(Ban hành theo Thông tư số

200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 05 tháng 01 năm 2025

Số: 03

Nợ

Có

Họ và tên người nhận hàng: Lê Văn Sa

Địa chỉ (bộ phận): Công ty TNHH MTV TM&DV Lê Văn Sa

Lý do xuất kho: Xuất kho XM Walcem xây tô

Xuất tại kho (ngăn lô): Địa điểm:

Stt	Tên vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xi măng Walcem xây tô		Tấn		63		
	Cộng	x	x	x	x	x	

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Không đồng chẵn

Số chứng từ gốc kèm theo:.....

Ngày ... tháng... năm...

TÔNG GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

PHỤ TRÁCH CUNG TIÊU
(Ký, họ tên)

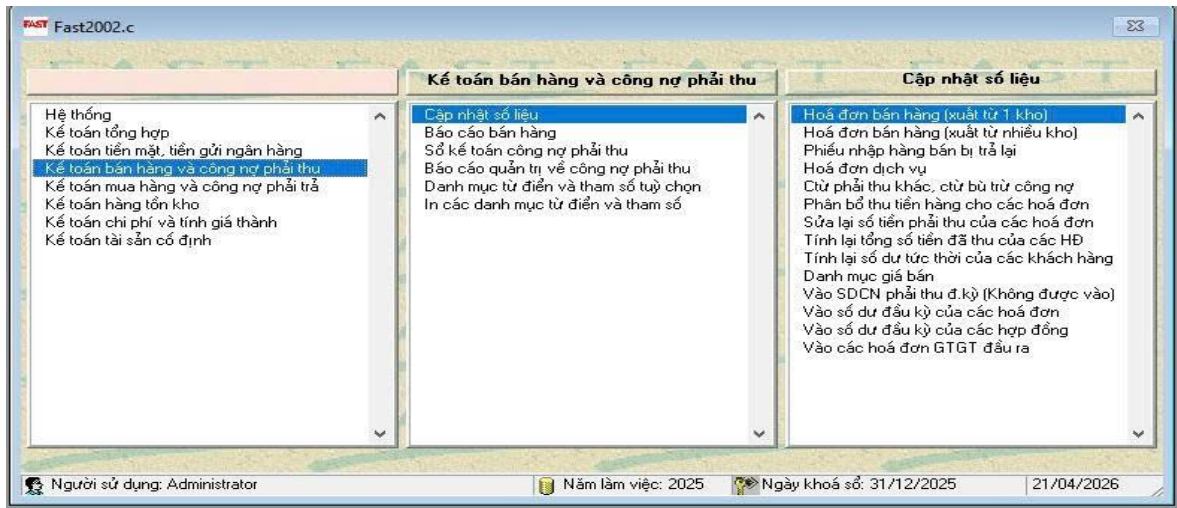
NGƯỜI NHẬN HÀNG
(Ký, họ tên)

THỦ KHO
(Ký, họ tên)

Biểu 2.15. Phiếu xuất kho số 03

Nhận được lệnh xuất kho kèm theo giấy xuất kho, thủ kho làm thủ tục xuất hàng.

Khi hàng hoá được bàn giao, kế toán tiến hành xuất hoá đơn GTGT giao cho khách hàng. Tại thời điểm này kế toán chưa hạch toán giá vốn do chưa xác định được đơn giá xuất kho thực tế



Hình 2.16. Đường dẫn vào nhập liệu TK 632 phần mềm Fast

Cuối kỳ (cuối tháng) kế toán thực hiện tính giá vốn và nhập số liệu ghi nhận vào phần mềm Fast. Kế toán vào phân hệ kế toán bán hàng và công nợ phải thu, chọn chức năng cập nhật số liệu/ hoá đơn bán hàng/ nhập thông tin của hoá đơn/Lưu.

Tên hàng	Đvt	T.C	Số lượng	Giá b	Thành tiền VT	Tk dt	Giá vốn VND	Tiền vốn VND	Tk kho
XM Walcem - Line 1- Bao - Vicem	Tấn		63,000	0,00	70 000 000	51121	1 033 651,31	65 120 033	1550214v

Hình 2.17. Giao diện nhập liệu giá vốn tại phần mềm Fast.

➤ **Trường hợp 2: Kế toán giá vốn gia công xi măng:** Ngày 05/01/2025, sau khi hoàn thành gia công xi măng PCB40 cho Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch, công ty lập Phiếu xuất kho số 157 để xuất kho sản phẩm gia công ghi nhận chi tiết số lượng và giá trị xuất kho cho khách hàng.



Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 10 tháng 12 năm 2025

Số: 157

Nợ

Có

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Thanh

Địa chỉ (bộ phận): Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch

Lý do xuất kho: Xuất kho xi măng PCB40 bao KPK

Xuất tại kho (ngăn ló): 110,04 Địa điểm:

Stt	Tên vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xi măng PCB40 bao KPK		Tấn		55		
	Cộng	x	x	x	x	x	

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Không đồng chẵn

Số chứng từ gốc kèm theo:.....

Ngày ... tháng ... năm ...

Biểu 2.16. Phiếu xuất kho số 157

Nhận được lệnh xuất kho kèm theo giấy xuất kho, thủ kho làm thủ tục xuất hàng và điền các thông tin cần thiết vào phiếu xuất kho. Sau đó hàng được giao cho khách hàng.

Phiếu xuất kho (xuất từ 1 kho)

Mã khách: B11_047 Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hoàng Thạch Số hóa đơn: 1958

Địa chỉ: Khu 2 Bích Nhôi, TT Minh Tân - Huyện Kinh Môn - T. MST 0800004797 Số seri: 0

Người mua: Lê Thành Long Số dư: 0 Ngày hạch toán: 31/12/2025

Diễn giải: Gia công XM bao 40 KPK (Clinker Hải Vân) Ngày lập hồ: 31/12/2025

Vụ việc/Hợp đồng: Tỷ giá VND: 1,00

Mã kho: K_002 Mã nx (tk nợ): 1311

☒ Xuất theo giá vốn đích danh cho VT giá TB F4:Thêm dòng, F8:Xóa dòng, F5:Xem PN, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Mã hàng	Tên hàng	Đvt	Tồn	Số lượng	Giá bán VND	Thành tiền VNE	Tk dt	Giá vế	Tiền vốn VND	Tk kho
01131372	XM PCB40 - Line 2 - B	Tấn		55,000	1 129 000,00	62 095 000	51131	0,00	48 599 763	1550222K

Số lượng: 55,000 Tiền vốn: 48 599 763

Mã thuế: 8 8,00% Tk thuế: 1311 / 33311 Tiền hàng: 62 095 000

Tk ck: Tiền thuế: 4 967 600

Tổng TT: 67 062 600

Sửa HT thuế: ☐ Sửa tiền thuế: ☒ Nhập tiền ck: ☐

Hạn TT: 11

Lưu Mới In cũ Sửa Xóa Xem Tìm Quay ra

Hình 2.18. Giao diện ghi sổ tại phần mềm Fast

Cuối kỳ, căn cứ vào phiếu xuất, hoá đơn, kế toán tính và ghi sổ vào phần mềm Fast. Sau đó dữ liệu tự động ghi nhận vào sổ Nhật ký chung (xem phụ lục số 01), Sổ chi tiết TK 632, sau đó số liệu tự động trích xuất vào Sổ cái TK 632.

SỔ CHI TIẾT CỦA MỘT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán
Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TK d/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....					
10/01	15	Xi măng wallcem xây tô (Công ty TNHH MTV TM & DV Lê Văn Sa)	1550214	65 120 033	
10/01	16	Xi măng wallcem xây tô (Công ty TNHH Thương mại xây dựng dịch vụ Thuận Sương)	1550214	15 504 770	
.....					
31/12	1958	Gia công XM bao 40 KPK (Clinker Hải Vân) (Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hoàng Thạch)	1550222	48 599 763	
31/12	55376	Kết chuyển 632 -> 911 63211->911 ()	911		8 585 662 063
31/12	55376	Kết chuyển 632 -> 911 63212->911 ()	911		836 415 140

Tổng phát sinh nợ: 414 247 028 875

Tổng phát sinh có: 414 247 028 875

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày.... tháng.... năm....

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Biểu 2.17. Sổ chi tiết TK 632

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán
Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TK d/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....					
10/01	15	Xi măng wallcem xây tô (Công ty TNHH MTV TM & DV Lê Văn Sa)	1550214	65 120 033	
10/01	16	Xi măng wallcem xây tô (Công ty TNHH Thương mại xây dựng dịch vụ Thuận Sương)	1550214	15 504 770	
.....					
31/12	1958	Gia công XM bao 40 KPK (Clinker Hải Vân) (Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hoàng Thạch)	1550222	48 599 763	
31/12	55376	Kết chuyển 632 -> 911 63211->911 ()	911		8 585 662 063
31/12	55376	Kết chuyển 632 -> 911 63212->911 ()	911		836 415 140

Tổng phát sinh nợ: 414 247 028 875

Tổng phát sinh có: 414 247 028 875

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày.... tháng.... năm....

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Biểu 2.18. Sổ cái TK 632

2.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính tại Công ty

a. Chứng từ sử dụng

- Sổ phụ ngân hàng

b. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung

- Sổ cái TK 635

- Sổ chi tiết TK 635

c. Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng TK 635 - Chi phí tài chính

d. Kế toán chi phí tài chính

Tại Công ty, các khoản chi phí tài chính liên quan đến hoạt động thanh toán qua ngân hàng, chủ yếu là phí dịch vụ ngân hàng, phí chuyển tiền, phí duy trì tài khoản,... được ghi nhận vào TK 635 - Chi phí tài chính. Do các khoản chi phí này phát sinh trực tiếp từ giao dịch ngân hàng, nên căn cứ hạch toán chủ yếu được lấy từ sổ phụ ngân hàng do ngân hàng cung cấp.

Căn cứ vào sổ phụ ngân hàng, kế toán tiến hành đối chiếu và xác định các khoản phí phát sinh trong kỳ. Các nghiệp vụ này thường không lập chứng từ riêng mà được tổng hợp định kỳ từ sổ phụ ngân hàng để hạch toán vào sổ kế toán.

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM



LỊCH SỬ GIAO DỊCH - TRANSACTION HISTORY

VietinBank eFAST

1. Thông tin chi tiết tài khoản/ Account detail

Công ty/Company name: CTY CP XI MANG VICEM HAI VAN
Số tài khoản/Account No: 110854699999
Loại tài khoản/Account type: Tài khoản thanh toán
Loại tiền tệ/Currency: VND
Số dư hiện tại/Account Balance: 14,551,074,474
Số dư khả dụng/ Available Balance: 14,551,074,474
Số dư đầu kỳ/Opening Balance: 55,768,556
Số dư cuối kỳ/Closing Balance: 246,062,807
Chu kỳ yêu cầu/From date- to date: 2025-12-01 - 2025-12-31
Tổng giá trị ghi có/ Total credits: 15,327,562,516
Tổng giá trị ghi nợ/Total debits: 15,137,268,265
Tổng số giao dịch ghi có: 12
Tổng số giao dịch ghi nợ: 27
(Total number of credit) (Total number of debits)

2. Chi tiết lịch sử giao dịch/ Transaction history detail

STT/ No	Ngày hạch toán/Accounting date	Mô tả giao dịch/ Transaction description	Nợ/ Debit	Có/ Credit	Số dư TK/ Account Balance	Số giao dịch/ Transaction number	Số tài khoản đối ứng/ Corresponding account	Tên tài khoản đối ứng/ Corresponding name	Mã định danh TK thụ hưởng/ To virtual account	Ngày phát sinh giao dịch/ Transaction date
1	31-12-2025 17:00:00	CT DI.480K25C1G16BY9LP Vicem Hai Van thanh toán tiền mua vật tư	35,252,720	0	246,062,807	480K25C1G16BY9LP	98886609	CONG TY CO PHAN KY THUAT VIET SON		31-12-2025 17:00:00
2	31-12-2025 16:57:32	So GD: 480A25C1G104N6K3 Vicem Hai Van thanh toán tiền mua clinker T10.2025	1,300,000,000	0	281,315,527	480A25C1G104N6K3	4620039746	CONG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI TRƯỜNG THANH		31-12-2025 16:57:32
3	31-12-2025 16:52:50	CT DI.480K25C1G0WW5FEL Vicem Hai Van thanh toán tiền mua vật tư T9.2025	75,265,200	0	1,581,315,527	480K25C1G0WW5FEL	020002079225	CONG TY CO PHAN NGAN LOI		31-12-2025 16:52:50
4	31-12-2025 16:52:03	So GD: 480A25C1G0U0G7VH Vicem Hai Van thanh toán chi phí bảo trì sửa chữa hệ thống quan trắc	64,800,000	0	1,656,580,727	480A25C1G0U0G7VH	11066011086686	CTCP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG VIETMAP		31-12-2025 16:52:03

.....

2. Chi tiết lịch sử giao dịch/ Transaction history detail										
STT/ No	Ngày hạch toán/Accounting date	Mô tả giao dịch/ Transaction description	Nợ/ Debit	Có/ Credit	Số dư TK/ Account Balance	Số giao dịch/ Transaction number	Số tài khoản đối ứng/ Correspondive account	Tên tài khoản đối ứng/ Correspondive name	Mã định danh TK thu hướng/ To virtual account	Ngày phát sinh giao dịch/ Transaction date
23	30-12-2025 18:14:54	TPC chuyển tiền Hai Van	0	300,000,000	15,022,453,338	3p3cu-85m/RMbUr	112606476789	CONG TY TNHH THINH PHU CUONG		30-12-2025 18:14:54
24	30-12-2025 16:34:11	VICEM HOANG THACH TRA TIEN GIA CONG XI MANG THANG 12.2025 HD 186 XMHT KHCL 30.06.2025	0	12,232,458,082	14,722,453,338	5573				30-12-2025 16:34:11
25	30-12-2025 15:05:49	Số GD gốc: 10012938 CÔNG TY TNHH PHUC TRAN CHAU THANH TOAN TIEN HANG	0	1,000,000,000	2,489,995,256	480B25C1E8TYJYQJ	1063372243	CONG TY TNHH PHUC TRAN CHAU		30-12-2025 15:05:49
26	30-12-2025 14:19:51	Số GD gốc: 10010783 - CTY LE VAN SA TT XM VICEM HAI VAN	0	200,000,000	1,489,995,256	480B25C1E718JG66	1063372176	CONG TY TNHH MTV TM & DV LE VAN SA		30-12-2025 14:19:51
27	30-12-2025 10:46:23	Cty Thuan suong Thanh toan tien xi mang	0	400,000,000	1,289,995,256	bQLi-85mC47Ky3	116000166450	CONG TY TNHH TM XD DV THUAN SUONG		30-12-2025 10:46:23
28	30-12-2025 10:34:26	CT DI:480K25C1D9Y9KJURA Vicem Hai Van chuyển trả tiền mua vo bao xi mang	300,000,000	0	889,995,256	480K25C1D9Y9KJURA	5610001297	CONG TY CO PHAN VICEM VAT LIU XAY DUNG DA NANG		30-12-2025 10:34:26
29	30-12-2025 10:20:45	THANH NGA NTM	0	300,000,000	1,189,995,256	5568				30-12-2025 10:20:45
30	29-12-2025 09:54:25	CTY LE VAN SA CT XIMANG VICEM HAI VAN	0	100,000,000	889,995,256	3c8PI-85kcLthPN	112000111600	CONG TY TNHH MTV TM VA DV LE VAN SA		29-12-2025 09:54:25
31	26-12-2025 16:54:19	Số GD gốc: 10016027 - TPC thanh toán tiền mua xi mang hv	0	400,000,000	789,995,256	480B25C17TAULQZ	1063286325	CONG TY TNHH THINH PHU CUONG		26-12-2025 16:54:19
32	26-12-2025 14:36:11	CTY LE VAN SA CT XM VICEM HAI VAN	0	100,000,000	389,995,256	klvC-85gLvMM5	112000111600	CONG TY TNHH MTV TM VA DV LE VAN SA		26-12-2025 14:36:11
33	26-12-2025 13:42:10	CT DEN:480T25C17KV39H72 Cty Thuan suong thanh	0	265,000,000	289,995,256	480T25C17KV39H72	19133500967014	CONG TY TNHH TM XD DV THUAN SUONG		26-12-2025 13:42:10

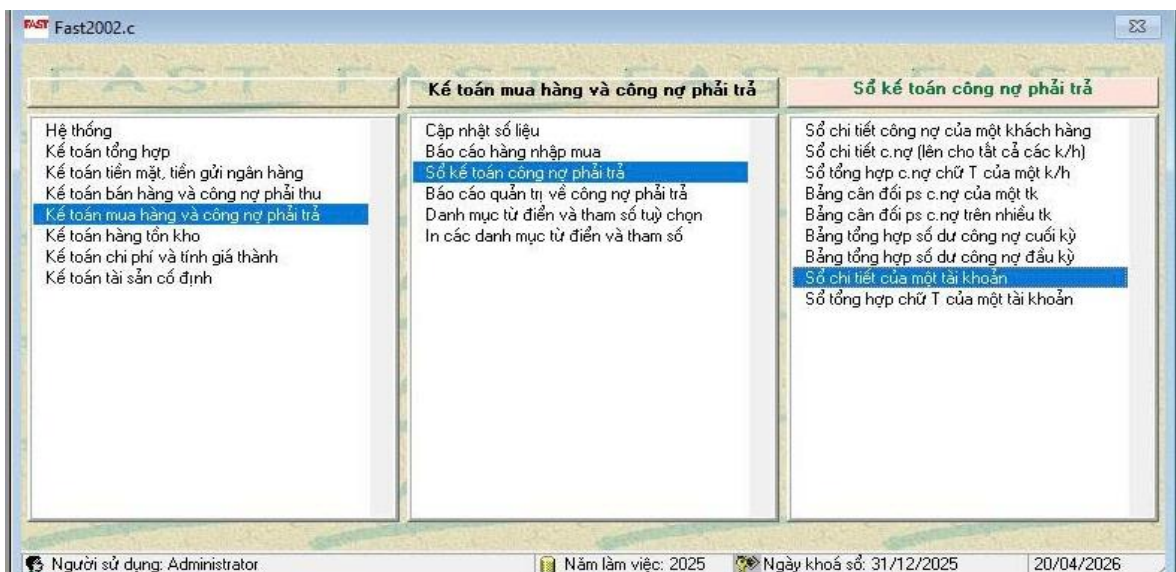
Người tạo lập bảng/Reporter

Người phê duyệt/Approver

Biểu 2.19. Sổ phụ ngân hàng

Trên cơ sở sổ phụ ngân hàng, kế toán thực hiện hạch toán vào phần mềm Fast, từ đó hệ thống tự động ghi nhận nghiệp vụ vào Sổ Nhật ký chung (xem phụ lục số 01) và Sổ chi tiết TK 635 theo trình tự thời gian phát sinh. Đồng thời, dữ liệu được cập nhật vào Sổ cái TK 635. Kế toán vào phân hệ Kế toán mua hàng và công nợ phải trả/ chọn mục Sổ kế toán công nợ phải trả. Tại giao diện báo cáo, tiếp tục chọn Sổ chi tiết của một tài khoản và nhập TK 635.

Sau khi lọc thông tin (thời gian, chứng từ,...), hệ thống sẽ hiển thị toàn bộ các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến chi phí tài chính.



Hình 2.19. Giao diện vào sổ chi tiết TK 635

SỔ CHI TIẾT CỦA MỘT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 635 - Chi phí hoạt động tài chính
Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TK d/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
22/01	lai1	Trích L vay NH VICEM HĐ 2391 T1/2025 ()	3351K	71 342 466	
22/01	lai1	Trích L vay NH VICEM HĐ 783 T1/2025 ()	3351K	65 100 001	
22/01	lai1	Trích L vay NH NH VIB_ĐN T1/2025 ()	3351V	131 278 665	
31/01	103002	Kết chuyển 635 ->911 63515->911 ()	911		136 442 467
31/01	103002	Kết chuyển 635 ->911 63518->911 ()	911		131 278 665
24/02	lai2	Trích L vay NH VICEM HĐ 2391 T2/2025 ()	3351K	64 438 356	
24/02	lai2	Trích L vay NH VICEM HĐ 783 T2/2025 ()	3351K	58 800 000	
.....					
24/11	Lai11	Trích L vay NH VICEM HĐ 2391 T11/2025 ()	3351K	72 328 767	
24/11	Lai11	Trích L vay NH VICEM HĐ 783 T11/2025 ()	3351K	64 301 370	
30/11	104999	Kết chuyển 635 ->911 63515->911 ()	911		136 630 137
18/12	Lai12	Trích L vay NH VICEM HĐ 2391 T12/2025 ()	3351K	81 534 247	
18/12	Lai12	Trích L vay NH VICEM HĐ 783 T12/2025 ()	3351K	72 361 643	
31/12	55380	Kết chuyển 635 ->911 63515->911 ()	911		153 895 890

Tổng phát sinh nợ: 2 913 624 903
Tổng phát sinh có: 2 913 624 903
Số dư cuối kỳ: 0

Biểu 2.20. Sổ chi tiết TK 635

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 635 - Chi phí hoạt động tài chính
Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TK d/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
22/01	lai1	Trích L vay NH VICEM HĐ 2391 T1/2025 ()	3351K	71 342 466	
22/01	lai1	Trích L vay NH VICEM HĐ 783 T1/2025 ()	3351K	65 100 001	
22/01	lai1	Trích L vay NH NH VIB_ĐN T1/2025 ()	3351V	131 278 665	
31/01	103002	Kết chuyển 635 ->911 63515->911 ()	911		136 442 467
31/01	103002	Kết chuyển 635 ->911 63518->911 ()	911		131 278 665
.....					
31/10	104987	Kết chuyển 635 ->911 63518->911 ()	911		28 642 466
24/11	Lai11	Trích L vay NH VICEM HĐ 2391 T11/2025 ()	3351K	72 328 767	
24/11	Lai11	Trích L vay NH VICEM HĐ 783 T11/2025 ()	3351K	64 301 370	
30/11	104999	Kết chuyển 635 ->911 63515->911 ()	911		136 630 137
18/12	Lai12	Trích L vay NH VICEM HĐ 2391 T12/2025 ()	3351K	81 534 247	
18/12	Lai12	Trích L vay NH VICEM HĐ 783 T12/2025 ()	3351K	72 361 643	
31/12	55380	Kết chuyển 635 ->911 63515->911 ()	911		153 895 890

Tổng phát sinh nợ: 2 913 624 903
Tổng phát sinh có: 2 913 624 903
Số dư cuối kỳ: 0

Biểu 2.21. Sổ cái TK 635

2.2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng tại Công ty

- a. Chứng từ sử dụng
 - Hoá đơn GTGT
 - Phiếu chi
 - Tờ trình đề nghị thanh toán
- b. Sổ sách sử dụng
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái TK 641
 - Sổ chi tiết TK 641

- c. Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng TK 641 - Chi phí bán hàng và được chi tiết thành 4 TK cấp 2:

- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK 6412: Chi phí vật liệu bao bì
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Chi phí khác

- d. Kế toán chi phí bán hàng tại Công ty

Chi phí bán hàng là các khoản chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến quá trình tiêu thụ sản phẩm xi măng bao gồm một số khoản mục chủ yếu như: Chi phí tiếp khách, chi phí xuất hàng tặng phẩm, chi phí công tác thị trường phí tư vấn, hỗ trợ và chuyển giao bí quyết liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm và công tác tổ chức, quản lý tiêu thụ hàng hóa, chi phí tái chế vỏ bao, chi phí khoán, chi phí công tác thị trường,... và các chi phí bằng tiền khác phục vụ hoạt động tiêu thụ sản phẩm.

Kế toán sử dụng TK 641 - Chi phí bán hàng để phản ánh toàn bộ các chi phí liên quan, đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung chi phí nhằm phục vụ công tác quản lý và kiểm soát chi phí.

➤ **Trường hợp 1: Kế toán chi phí tiếp khách:** Ngày 08/12/2025, Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân lập tờ trình đề xuất chi phí tổ chức gặp mặt thầu thợ tại Đà Nẵng nhằm phục vụ hoạt động bán hàng và quảng bá sản phẩm. Tờ trình được trình lên Ban lãnh đạo Công ty và đã được tiếp nhận, phê duyệt với chi phí dự kiến 10.000.000 đồng (xem phụ lục số 04).

Công ty tiến hành tổ chức gặp mặt thầu thợ theo kế hoạch đã đề ra. Trong quá trình thực hiện, các khoản chi phí tiếp khách phục vụ hoạt động bán hàng thực tế phát sinh và được nhà cung cấp xuất hóa đơn GTGT.

Cụ thể, Công ty nhận các hóa đơn GTGT số 406 ngày 13/12/2025 và số 420 ngày 18/12/2025 với tổng giá trị 9.700.000 đồng (đã bao gồm VAT).

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
Ngày 13 tháng 12 năm 2025

Ký hiệu: 1C25MTH
Số: 406

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MTV SÀI GÒN HƯNG THỊNH PHÁT
Mã số thuế: 0402280212
Địa chỉ: 01 Hồ Tùng Mậu, Phường Hoà Khánh, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại: 0905394727
Số tài khoản: Ngân hàng:

Họ tên người mua hàng (Customer's name):
Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN
Mã số thuế: 0400101235
Địa chỉ: 65 Nguyễn Văn Cừ, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng
Mã đơn vị quan hệ ngân sách:
Số tài khoản: Ngân hàng:
Hình thức thanh toán: TM/CK Ghi chú:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất	Tiền thuế	Thành tiền sau thuế
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5	7	8 = 6 x 7	9 = 6 + 8
1	Coca Cola	lon	1	13.888,888	13.889	8%	1.111	15.000
2	Bia Tiger bạc lon	Lon	70	19.090,909	1.336.364	10%	133.636	1.470.000
3	Bia Heineken bạc lon	Lon	42	21.818,181	916.364	10%	91.636	1.008.000
4	Khăn lạnh	cái	25	4.629,629	115.741	8%	9.259	125.000
5	Lẩu cá đĩa	Phần	1	351.851,852	351.852	8%	28.148	380.000
6	sò huyết nướng mỡ hành	phần	2	100.925,926	201.852	8%	16.148	218.000
7	heo xào sả ớt	Phần	2	100.925,925	201.852	8%	16.148	218.000
8	Sườn nướng ngũ vị	Phần	1	110.185,185	110.185	8%	8.815	119.000
9	Gỏi hoa chuối	Phần	1	91.666,666	91.667	8%	7.333	99.000
10	rau muống xào tỏi	phần	2	46.296,296	92.593	8%	7.407	100.000
11	Nui xào	Phần	2	73.148,148	146.296	8%	11.704	158.000
12	Mực nướng	Lạng	22	41.666,666	916.667	8%	73.333	990.000
Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ:					4.495.322		404.678	4.900.000
Tổng cộng tiền thanh toán:								4.900.000

Biểu 2.22. Hoá đơn GTGT số 406

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
Ngày 18 tháng 12 năm 2025

Ký hiệu: 1C25MTH
Số: 420

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MTV SÀI GÒN HƯNG THỊNH PHÁT
Mã số thuế: 0402280212
Địa chỉ: 01 Hồ Tùng Mậu, Phường Hoà Khánh, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại: 0905394727
Số tài khoản: Ngân hàng:

Họ tên người mua hàng (Customer's name):
Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN
Mã số thuế: 0400101235
Địa chỉ: 65 Nguyễn Văn Cừ, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng
Mã đơn vị quan hệ ngân sách:
Số tài khoản: Ngân hàng:
Hình thức thanh toán: TM/CK Ghi chú:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất	Tiền thuế	Thành tiền sau thuế
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5	7	8 = 6 x 7	9 = 6 + 8
1	Nước suối	chai	2	9.259,259	18.519	8%	1.481	20.000
2	Khăn lạnh	cái	7	4.629,629	32.407	8%	2.593	35.000
3	Bia Larue Smooth	Lon	22	13.636,363	300.000	10%	30.000	330.000
4	Thuốc White Horse	gói	1	13.636,363	13.636	10%	1.364	15.000
5	Bia Tiger bạc lon	Lon	122	19.090,909	2.329.091	10%	232.909	2.562.000
6	Sườn nướng ngũ vị	Phần	2	110.185,185	220.370	8%	17.630	238.000
7	Ngũ quả kho quẹt	phần	2	82.407,407	164.815	8%	13.185	178.000
8	Gỏi hoa chuối	Phần	2	91.666,666	183.333	8%	14.667	198.000
9	rau cải xào	phần	2	45.370,37	90.741	8%	7.259	98.000
10	Cánh gà chiên mắm	Phần	2	73.148,148	146.296	8%	11.704	158.000
11	mỹ xào	Phần	2	73.148,148	146.296	8%	11.704	158.000
12	Mực nướng	Lạng	18	41.666,666	750.000	8%	60.000	810.000
Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ:					4.395.504		404.496	4.800.000
Tổng cộng tiền thanh toán:								4.800.000

Biểu 2.23. Hoá đơn GTGT số 420

Ngày 22/12/2025, Công ty lập tờ trình đề nghị thanh toán số tiền 9.700.000 đồng cho các khoản chi phí tiếp khách thầu thợ phục vụ hoạt động bán hàng theo các hóa đơn đã phát sinh trước đó. Tờ trình được trình lên Ban lãnh đạo xem xét và phê duyệt làm căn cứ thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN
XÍ NGHIỆP TIÊU THỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 12 năm 2025

TỜ TRÌNH ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN
V/v thanh toán chi phí tiếp khách thầu thợ tại Đà Nẵng

Kính gửi: Lãnh đạo công ty

Căn cứ Tờ trình ngày 08/12/2025 của Xí nghiệp Tiêu thụ về việc gấp mặt thầu thợ tại Đà Nẵng đã được Lãnh đạo Công ty phê duyệt.
Xí Nghiệp Tiêu Thụ kính đề nghị Lãnh đạo Công ty phê duyệt thanh toán chi phí theo nội dung như sau:

- Họ tên người đề nghị: Phan Thị Thanh Thảo
- Đơn vị/Phòng ban: Xí Nghiệp Tiêu Thụ
- Nội dung thanh toán: Thanh toán chi phí tiếp khách thầu thợ
 - Chi phí theo hoá đơn số 406: 4.900.000 đồng
 - Chi phí theo hóa đơn số 420: 4.800.000 đồng

Tổng cộng: 9.700.000 đồng
(Bằng chữ: Chín triệu, bảy trăm nghìn đồng./.)

- Hình thức thanh toán: Tiền mặt
- Chứng từ kèm theo bao gồm:
 - Hóa đơn số 406 ngày 13/12/2025;
 - Hóa đơn số 420 ngày 18/12/2025
 - Tờ trình đề xuất ngày 08/12/2025.

Kính trình./.

Tổng Giám đốc: *[Signature]* Kế toán trưởng: *[Signature]* Xí Nghiệp Tiêu Thụ: *[Signature]* Người đề nghị: *[Signature]*
Trần Việt Hồng Đinh Ngọc Châu Nguyễn Ngọc Nghĩa Phan Thị Thanh Thảo

Biểu 2.24. Tờ trình đề nghị thanh toán.

Căn cứ vào tờ trình đề nghị thanh toán đã được phê duyệt, ngày 29/12/2025, Công ty lập phiếu chi để thanh toán số tiền 9.700.000 đồng cho các khoản chi phí tiếp khách thầu thợ phục vụ hoạt động bán hàng.

FAST Phiếu chi tiền mặt

Mã khách	000_0001	Công Ty Cổ Phần Xi Măng Vicem Hải Vân	Số pc	682	
Người nhận tiền	Phan Thị Thanh Thảo	Số dư	0	Ngày pc	29/12/2025
Địa chỉ	Xí nghiệp tiêu thụ	Tỷ giá	VND	1,00	
Diễn giải	Thanh toán chi phí tiếp khách	Tk có	1111		
Lập phiếu ngày	29/12/2025	Số	68		

F4-Thêm dòng mới, F8-Xóa dòng, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết hạch toán

Tk nợ	Tên tài khoản	Ps nợ VND	Diễn giải	Vụ việc
641706	Chi phí tiếp khách	8 890 826	Thanh toán chi phí tiếp khách	

Số HĐ: _____

HĐ GTGT 4 Tk thuế 1331

Tiền hh, dv 8 890 826
Tiền thuế 809 174
Tổng TT 9 700 000

Lưu Mới In cũ Sửa Xóa Xem Tìm Quay ra

Hình 2.20. Phiếu chi trên phần mềm Fast.

CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM HẢI VÂN
65 Nguyễn Văn Cừ, Liên Chiểu, Đà Nẵng

MẪU SỐ 02 - TT
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 29 tháng 12 năm 2025

Họ và tên người nhận tiền: Phan Thị Thanh Thảo
Địa chỉ: Xí nghiệp tiêu thụ
Lý do chi: Thanh toán chi phí tiếp khách
Số tiền: 9 700 000 đồng (Viết bằng chữ): (Chín triệu, bảy trăm nghìn đồng chẵn)

Kèm theo: 0 Chứng từ gốc.

Ngày tháng năm

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu) Kế toán trưởng (Ký, họ tên) Thủ quỹ (Ký, họ tên) Người lập phiếu (Ký, họ tên) Người nhận tiền (Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Chín triệu bảy trăm nghìn đồng
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):
+ Số tiền quy đổi:
(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Biểu 2.25. Phiếu chi khi in ra

➤ **Trường hợp 2: Kế toán chi phí xuất hàng tặng phẩm:** Ngày 31/12/2025, Công ty xuất kho hàng hóa để tặng cho các nhà phân phối. Căn cứ vào bảng kê hàng hoá và hóa đơn GTGT số 00000036 (ký hiệu 1C25TCD), Công ty đã mua các mặt hàng gồm rượu, bánh kẹo, trà, cà phê, hạt dinh dưỡng và các hộp quà Tết. Tổng giá trị hàng hóa thanh toán là 121.300.000 đồng (đã bao gồm VAT)

Căn cứ sản lượng xi măng thực tế do Nhà phân phối tiêu thụ, Công ty thực hiện tổng hợp số lượng hàng thưởng trên bảng kê theo dõi trong năm và đến cuối năm sẽ lập hóa đơn xuất hàng tặng theo chính sách bán hàng đã ban hành.

CN CÔNG TY CP XM VICEM HẢI VÂN- XÍ NGHIỆP TIÊU THỤ - MÃ SỐ: E04_006
Tổ 24 Nguyễn Phước Chu, P Hòa Hiệp Bắc, Liên Chiểu, 102010000195290

0 4 0 0 1 0 1 2 3 5 0 0 4
Xuất hàng tặng phẩm T12/2025 cho XNTT

K_005

1	Trà olong hộp giấy BG100G	hộp	17,000	97 222,24	1 652 778
2	BÁNH QUY HỖN HỘP LUCKYSUN 220G	hộp	17,000	199 074,06	3 384 259
3	Kẹo SOCOLA 16 VIÊN	hộp	17,000	64 814,82	1 101 852
4	Hạt MACCA 400G	hộp	17,000	143 518,53	2 439 815
5	Hạt ĐIỀU RANG MUỐI 350G	hộp	17,000	152 777,76	2 597 222
6	Bộ Vỏ Hộp Quà Tết	hộp	17,000	83 333,35	1 416 667
7	TRÀ LÀI SONG HOÀNG COLDEN FAMILY 80G	hộp	103,000	64 814,82	6 675 926
8	Kẹo CHOCO DUKES LON GIẤY 100G	hộp	103,000	37 037,04	3 814 815
9	Kẹo SOCOLA LỤC LẮNG LEXUS 168G	hộp	103,000	50 925,92	5 245 370
10	NHO LETS GO RAISING HỘP GIẤY CN 100G	cái	103,000	46 296,30	4 768 519
11	CF JOCDAN (Cà PHÊ JOCDAN)	hộp	103,000	55 555,55	5 722 222
12	Bộ Vỏ Hộp Quà Tết	hộp	103,000	83 333,33	8 583 333
					47 402 778
					3 792 222
					51 195 000

Năm mươi một triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn đồng chẵn

Biểu 2.26. Bảng kê hàng hoá xuất tặng nhà phân phối



Ký hiệu: **1C25TCD**
Số: **00000036**

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã của CQT: 00211899BAB8184DF5BFBDC7D68DFA9774

Đơn vị bán hàng:	CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN		
Mã số thuế:	0400101235		
Địa chỉ:	65 Nguyễn Văn Cừ, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam		
Điện thoại:	0236.3842172		
Website:	https://haivancement.vn Email: info@haivancement.vn		
Số tài khoản:	110854699999	Ngân hàng:	TMCP Công thương CN Đà Nẵng – PGD Hùng Vương
Họ & tên người mua hàng:	Họ & tên người mua hàng:		
Tên đơn vị:	CÁC NPP NHẬN QUÀ TẶNG		
Mã số thuế:	Mã số thuế:		
Địa chỉ:	Địa chỉ:		
Hợp đồng số:	Hợp đồng số:		
Hình thức thanh toán:	TM/CK		
Địa bàn:	Địa bàn:		

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	(QUÀ TẶNG CHO CÁC NPP THEO BẢNG KÊ NGÀY 30/12/2025)		0,00	0,00	0
2	RƯỢU CHIVAS REGAL 18Y MIZUNARA OAK CASKS BMS 70CL	Chai	17,00	2.454.545,47	41.727.273
3	TRÀ OOLONG HỘP GIẤY BG 100G	Hộp	17,00	97.222,24	1.652.778
4	BÁNH QUY HỖN HỘP LUCKYSUN 220G	Hộp	17,00	199.074,06	3.384.259
5	KẸO SOCOLA 16 VIÊN	Hộp	17,00	64.814,82	1.101.852
6	HẠT MACCA 400G	Hộp	17,00	143.518,53	2.439.815
7	HẠT ĐIỀU RANG MUỐI 350G	Hộp	17,00	152.777,76	2.597.222
8	BỘ VỎ HỘP QUÀ TẾT	Hộp	17,00	83.333,35	1.416.667
9	RƯỢU VANG SANTAKAROLINI	Hộp	103,00	213.636,36	22.004.545
10	TRÀ LÀI SONG HOÀNG COLDEN FAMILY 80G	Hộp	103,00	64.814,82	6.675.926

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	KẸO CHOCO DUKES LON GIẤY 100G	Hộp	103,00	37.037,04	3.814.815
2	KẸO SOCOLA LỤC LẮNG LEXUS 168G	Hộp	103,00	50.925,92	5.245.370
3	NHO LETS GO RAISING HỘP GIẤY CN 100G	Hộp	103,00	46.296,30	4.768.519
4	CF JOCDAN (CÀ PHÊ JOCDAN)	Hộp	103,00	55.555,55	5.722.222
5	BỘ VỎ HỘP QUÀ TẾT	Hộp	103,00	83.333,33	8.583.333
Cộng tiền hàng:					111.134.596
Thuế suất thuế GTGT: 0 %					0
Thuế suất thuế GTGT: 8 %					3.792.222
Thuế suất thuế GTGT: 10 %					6.373.182
Tổng tiền thanh toán:					121.300.000
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm hai mươi một triệu ba trăm nghìn đồng					

Người mua hàng
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký và ghi rõ họ, tên)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM
HẢI VÂN
Ngày ký: 31/12/2025

Biểu 2.27. Hoá đơn GTGT số 00000036

Kế toán tiến hành nhập liệu trên phần mềm kế toán FAST căn cứ vào bảng kê xuất hàng và hóa đơn GTGT đã lập.

FAST Hoa đơn bán hàng (xuất từ 1 kho)

Mã khách	E04_006	CN Công ty CP XM Vicem Hải Vân- Xí nghiệp Tiêu Thụ	Số hóa đơn	0036
Địa chỉ	Tổ 24 Nguyễn Phước Chu, P Hòa Hiệp Bắc, Liên Chi	MST	0400101235 004	Số seri
Người mua	Lê Thành Long	Số dư	0	Ngày hạch toán
Diễn giải	Xuất hàng tặng phẩm T12/2025 cho XNTT	Ngày lập hồ	31/12/2025	
Vụ việc/Hợp đồng		Tỷ giá	VND	1,00
Mã kho	K_005	Mã nx (tk nợ)	6417045	

☐ Xuất theo giá vốn đích danh cho VT giá TB F4-Thêm dòng, F8-Xóa dòng, F5-Xem PN, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Mã hàng	Tên hàng	Đvt	Tồn kho	Số lượng	Giá bán VND	Thành tiền VND
V06_02233	Rượu chivas 18	chai		17,000	2 454 545,47	41 727 273 !
V06_02724	RƯỢU VANG SANTAKAROLINI	chai		103,000	213 636,36	22 004 545 !

Số lượng	120,000	Tiền vốn	63 731 818
Mã thuế 10	10,00%	Tiền hàng	63 731 818
Tk thuế	641704E / 33311	Tiền thuế	6 373 182
Tk ck		Tiền ck	
		Tổng TT	70 105 000

Sửa HT thuế ☐
Sửa tiền thuế ☒
Nhập tiền ck ☐

Hạn TT 0

Lưu Mới In cũ Sửa Xóa Xem Tìm Quay ra

FAST Hoa đơn bán hàng (xuất từ 1 kho)

Mã khách	E04_006	CN Công ty CP XM Vicem Hải Vân- Xí nghiệp Tiêu Thụ	Số hóa đơn	0036
Địa chỉ	Tổ 24 Nguyễn Phước Chu, P Hòa Hiệp Bắc, Liên Chi	MST	0400101235 004	Số seri
Người mua	Lê Thành Long	Số dư	0	Ngày hạch toán
Diễn giải	Xuất hàng tặng phẩm T12/2025 cho XNTT	Ngày lập hồ	31/12/2025	
Vụ việc/Hợp đồng		Tỷ giá	VND	1,00
Mã kho	K_005	Mã nx (tk nợ)	6417045	

☐ Xuất theo giá vốn đích danh cho VT giá TB F4-Thêm dòng, F8-Xóa dòng, F5-Xem PN, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Mã hàng	Tên hàng	Đvt	Tồn kho	Số lượng	Giá bán VND	Thành tiền VND
V06_02237	Trà long hộp giấy BG100G	hộp		17,000	97 222,24	1 652 778 !
V06_02719	BÁNH QUY HỖN HỢP LUCKYSUN 22	hộp		17,000	199 074,06	3 384 259 !
V06_02720	Kẹo SOCOLA 16 VIÊN	hộp		17,000	64 814,82	1 101 852 !
V06_02721	HẠT MACCA 400G	hộp		17,000	143 518,53	2 439 815 !
V06_02722	HẠT ĐIỀU RANG MUỐI 350G	hộp		17,000	152 777,76	2 597 222 !
V06_02723	BỘ VỎ HỘP QUÀ TẾT	hộp		17,000	83 333,35	1 416 667 !
V06_02725	TRÀ LÀI SONG HOÀNG GOLDEN FA	hộp		103,000	64 814,82	6 675 926 !
V06_02726	Kẹo CHOCO DIUKES 100G GIẤY 100	hộp		103,000	37 037,04	3 814 815 !

Số lượng	720,000	Tiền vốn	47 402 778
Mã thuế 8	8,00%	Tiền hàng	47 402 778
Tk thuế	641704E / 33311	Tiền thuế	3 792 222
Tk ck		Tiền ck	
		Tổng TT	51 195 000

Sửa HT thuế ☐
Sửa tiền thuế ☒
Nhập tiền ck ☐

Hạn TT 0

Lưu Mới In cũ Sửa Xóa Xem Tìm Quay ra

Hình 2.21. Giao diện nhập liệu trên phần mềm Fast

➤ **Trường hợp 3: Kế toán trích chi phí tái chế vỏ bao:** Ngày 31/12/2025, căn cứ Bảng tổng hợp chi phí tái chế vỏ bao do Phòng Kỹ thuật lập, trên cơ sở sản lượng bao bì xi măng đã đưa ra thị trường trong năm 2025, Công ty thực hiện trích trước một khoản chi phí tái chế vỏ bao theo tỷ lệ tái chế và đơn giá quy định nhằm phân bổ, ghi nhận trước chi phí phải trả do giá trị phát sinh lớn liên quan đến nghĩa vụ tái chế bao bì của năm tài chính.

CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM HẢI VÂN
PHÒNG KỸ THUẬT

CHI PHÍ TÁI CHẾ VỎ BAO
Quý 4 - 2025

Danh mục bao bì	Tên vỏ bao bì	Số liệu vỏ bao xi măng đưa ra thị trường năm 2026			Tỷ lệ tái chế tối thiểu năm 2025 (%)	Định mức chi phí tái chế năm 2025, Fs (đồng/kg)	Thành tiền
		Tổng số lượng (cái)	Khối lượng/1 vỏ bao (kg/cái)	Tổng khối lượng V (KG)			
1	2	3	4	5=3*4	6	7	8=5*6*7
A.1.2. Bao bì giấy hỗn hợp	Vỏ bao KPK 50 kg	159,452	0.2	31,890	15%	6,548	31,322,751
TỔNG		159,452		31,890			31,322,751

Biểu 2.28. Bảng tính chi phí tái chế vỏ bao

The screenshot shows the 'FAST But toán dinh ky' (FAST Accounting) window. It displays a transaction entry for 'Chi phí bao bì đóng gói' (Packaging cost) with a total amount of 31,322,751 VND. The interface includes fields for account number, date, and currency, as well as a table for transaction details. The bottom of the window shows a summary of the transaction and navigation buttons.

Tk	Tên tài khoản	Mã khách	Tên khách hàng	Ps nợ VND	Ps có VND	Diễn giải
641203	Chi phí bao bì đóng gói			31 322 751	0	Trích chi phí tái chế vỏ bao
33534	Trích chi phí nguyên vật liệu			0	31 322 751	Trích chi phí tái chế vỏ bao

Summary: 31 322 751 31 322 751

Buttons: Lưu, Mới, Copy Từ, In từ, Sửa, Xóa, Xem, Tìm, Quay ra, and navigation arrows.

Hình 2.22. Giao diện nhập liệu trên phần mềm Fast.

➤ **Trường hợp 4: Kế toán chi phí dịch vụ:** Ngày 31/12/2025, Công ty nhận hóa đơn GTGT số 228 từ Tổng Công ty Xi măng Việt Nam về dịch vụ tư vấn quản trị doanh nghiệp cung cấp nhằm phục vụ công tác quản lý, điều hành, hỗ trợ chuyên môn và phối hợp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong Quý IV năm 2025. Tổng thanh toán 111.027.037 đồng (đã bao gồm 8% VAT).



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Ký hiệu: 1C25TXM

Mã cơ quan thuế cấp: 00533F7857AF244F4CA5767C15B4E6EBE4
Số: 228

Đơn vị bán hàng:

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

VIET NAM CEMENT INDUSTRY CORPORATION

Mã số thuế:

0100106320

Địa chỉ:

Số 228, Đường Lê Duẩn, Phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, TP Hà Nội

Điện thoại:

024.38512425

Số tài khoản:

1899228555, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán:

Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hải Vân

65 Nguyễn Văn Cừ, Phường Hải Vân, TP. Đà Nẵng, Việt Nam.

5320191381, TMCP Đầu tư và PT VN- Chi nhánh Bắc Quảng Bình

Chuyển khoản

MST

0400101235

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Dvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Phí tư vấn quản trị doanh nghiệp Quý IV năm 2025.				102.802.812
Cộng tiền hàng:					102.802.812
Thuế suất GTGT:		8%	Tiền thuế GTGT:		8.224.225
Tổng cộng tiền thanh toán:					111.027.037
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm mười một triệu, không trăm hai mươi bảy nghìn, không trăm ba mươi bảy đồng chẵn					

Người mua hàng

(Ký, họ tên)

Người bán hàng

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM.

Ký ngày: 31/12/2025

ĐÃ KÝ

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Biểu 2.29. Hoá đơn GTGT số 228 được nhận từ Tổng Công ty Xi măng Việt Nam.

Kế toán dựa vào hóa đơn, chứng từ để ghi chép và hạch toán lên phần mềm kế toán Fast. Kế toán truy cập vào phân hệ Tổng hợp, chọn chức năng Bút toán định kỳ (hoặc Chứng từ nghiệp vụ khác). Tại màn hình nhập liệu, kế toán nhập thông tin (ngày chứng từ, số chứng từ, diễn giải).

FAST Hoa đơn mua hàng (dịch vụ)

Nhà cung cấp	A01_761	Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam	Số từ	227
Địa chỉ	228 Lê Duẩn, P.Văn Miếu - Quốc Tử Giám, TP HMST		Ngày từ	31/12/2025
Người giao hàng		Số dư	Số hoá đơn	227
Diễn giải	Phí chuyển giao KNQL&PTTT Q4-2025		Ngày hoá đơn	31/12/2025
Hợp đồng			Tỷ giá	VND 1,00
			Tk có	331

Thêm dòng mới, F8-Xóa dòng, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết hạch toán

Tk nợ	Tên tài khoản	Tiền VND	Diễn giải
33538	Trích chi phí khác	102 802 812	Phí chuyển giao KNQL&PTTT Q4-2025

Thuế suất	0,00	% Tk thuế	1331	Tiền hàng	102 802 812
				Tiền thuế	8 224 225
				Tổng TT	111 027 037
				Hạn TT	0

Lưu Mới In từ Sửa Xóa Xem Tìm Quay ra

Hình 2.23. Giao diện nhập liệu tại phần mềm Fast.

Sau khi bấm Lưu, dữ liệu sẽ tự động ghi nhận vào các sổ sách kế toán liên quan. Cụ thể, thông tin sẽ được phản ánh vào Sổ Nhật ký chung (xem phụ lục số 01), đồng thời, dữ liệu sẽ được ghi vào Sổ chi tiết TK 641. Cuối cùng, dữ liệu sẽ được trích xuất vào Sổ cái TK 641.

SỔ CHI TIẾT CỦA MỘT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 641 - Chi phí bán hàng

Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....					
31/10	3394	Phí tư vấn hỗ trợ và chuyển giao bí quyết về TT sản phẩm và tổ chức QLTT ()	33538	31 358 645	
.....					
30/11	73	Thanh toán chi phí khoán cho XNTT T11.2025 (Phan Thị Thanh Thảo-Xí nghiệp tiêu thụ)	141	3 000 000	
30/11	3395	Phí tư vấn hỗ trợ và chuyển giao bí quyết về TT sản phẩm và tổ chức QLTT ()	33538	31 561 283	
.....					
29/12	682	Thanh toán chi phí tiếp khách (Công Ty Cổ Phần Xi Măng Vicem Hải Vân)	1111	8 890 826	
.....					
31/12	0036	Xuất hàng tặng phẩm T12/2025 cho XNTT (CN Công ty CP XM Vicem Hải Vân- Xí nghiệp Tiêu Thu)	51182	47 402 778	
31/12	0036	Xuất hàng tặng phẩm T12/2025 cho XNTT (CN Công ty CP XM Vicem Hải Vân- Xí nghiệp Tiêu Thu)	33311	3 792 222	
31/12	0036	Xuất hàng tặng phẩm T12/2025 cho XNTT (CN Công ty CP XM Vicem Hải Vân- Xí nghiệp Tiêu Thu)	51182	63 731 818	
31/12	0036	Xuất hàng tặng phẩm T12/2025 cho XNTT (CN Công ty CP XM Vicem Hải Vân- Xí nghiệp Tiêu Thu)	33311	6 373 182	
31/12	1	Trích chi phí tái chế vỏ bao T12/2025 ()	33534	31 322 751	
31/12	1	Phí tư vấn hỗ trợ và chuyển giao bí quyết về TT sản phẩm và tổ chức QLTT ()	33538	39 882 884	
				Tổng phát sinh nợ:	3 106 158 679
				Tổng phát sinh có:	3 106 158 679
				Số dư cuối kỳ:	0

Biểu 2.30. Sổ chi tiết TK 641

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 641 - Chi phí bán hàng
Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TK d/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....					
31/10	TT10	Thanh toán chi phí khoán tháng 10.2025 cho XNTT (Phan Thị Thanh Thảo-Xí nghiệp tiêu thụ)	141	29 986 311	
31/10	3394	Phí tư vấn hỗ trợ và chuyển giao bí quyết về TT sản phẩm và tổ chức QLTT ()	33538	31 358 645	
.....					
30/11	3395	Phí tư vấn hỗ trợ và chuyển giao bí quyết về TT sản phẩm và tổ chức QLTT ()	33538	31 561 283	
30/11	104996	Kết chuyển 641 -> 911 641101->911 ()	911		121 602 000
.....					
29/12	682	Thanh toán chi phí tiếp khách (Công Ty Cổ Phần Xi Măng Vicem Hải Vân)	1111	8 890 826	
29/12	681	Thanh toán chi phí công tác thị trường (Công Ty Cổ Phần Xi Măng Vicem Hải Vân)	1111	2 942 892	
.....					
31/12	0036	Xuất hàng tặng phẩm T12/2025 cho XNTT (CN Công ty CP XM Vicem Hải Vân- Xí nghiệp Tiêu Thu)	51182	47 402 778	
31/12	0036	Xuất hàng tặng phẩm T12/2025 cho XNTT (CN Công ty CP XM Vicem Hải Vân- Xí nghiệp Tiêu Thu)	33311	3 792 222	
31/12	0036	Xuất hàng tặng phẩm T12/2025 cho XNTT (CN Công ty CP XM Vicem Hải Vân- Xí nghiệp Tiêu Thu)	51182	63 731 818	
31/12	0036	Xuất hàng tặng phẩm T12/2025 cho XNTT (CN Công ty CP XM Vicem Hải Vân- Xí nghiệp Tiêu Thu)	33311	6 373 182	
31/12	1	Trích chi phí tái chế vỏ bao T12/2025 ()	33534	31 322 751	
31/12	1	Phí tư vấn hỗ trợ và chuyển giao bí quyết về TT sản phẩm và tổ chức QLTT ()	33538	39 882 884	

Tổng phát sinh nợ: 3 106 158 679
Tổng phát sinh có: 3 106 158 679
Số dư cuối kỳ: 0

Ngày.... tháng.... năm....
NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Biểu 2.31. Sổ cái TK 641

2.2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty

- a. Chứng từ sử dụng
 - Hoá đơn GTGT
 - Phiếu xuất kho
 - Bảng kê chứng từ
 - Biên bản nghiệm thu
- b. Sổ sách sử dụng
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái TK 642
 - Sổ chi tiết TK 642

c. Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

d. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chi phí điện, chi phí phụ cấp cho nhân viên thăm định, chi phí dịch vụ thăm định giá theo hoá đơn, chi phí tích hợp và xuất hoá đơn điện tử, chi phí văn phòng phẩm,...

Căn cứ vào các chứng từ: Phiếu chi, Phiếu xuất kho, Bảng kê,... kế toán ghi nhận các khoản chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng vào Sổ nhật ký chung Sổ chi tiết TK 642 và Sổ cái TK 642.

➤ **Trường hợp 1: Kế toán chi phí văn phòng:** Ngày 23/12/2025, Công ty nhận được biên bản kiểm tra trang thiết bị văn phòng hư hỏng từ Xưởng Xi măng (xem phụ lục số 05). Biên bản này ghi nhận việc kiểm tra hai máy in tại xưởng 2, hiện đang bị hư hỏng không thể sử dụng do hỏng 02 hộp mực. Sau khi kiểm tra, các đại diện của Phòng TCHC và Xưởng Xi măng đã thống nhất biện pháp xử lý, đó là thay thế hộp mực. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Bảo Tín sẽ thực hiện thay mới.

Công ty nhận được phiếu xuất kho mực in 12A (xem phụ lục số 06) và dịch vụ sửa chữa (xem phụ lục số 07) từ Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Bảo Tín, sau đó Công ty Bảo Tín thực hiện sửa chữa máy in, thay mực cho các máy in bị hỏng.

Sau khi thay thế hộp mực và sửa chữa xong, Công ty lập biên bản nghiệm thu công việc đã hoàn thành cho Công ty Bảo Tín vào ngày 24/12/2025 (xem phụ lục số 08)

Khi nhận được biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành, Công ty tiếp tục nhận được bảng kê chứng từ đã lập (xem phụ lục số 09) để tổng hợp và kiểm tra tính hợp lệ.

Công ty lập tờ trình đề nghị thanh toán (xem phụ lục số 10) cho Công ty Bảo Tín về chi phí thay mực và sửa chữa máy in.

Ngày 29/12/2025 Công ty thanh toán tiền mua các mặt hàng và dịch vụ theo hóa đơn GTGT số 00000288 kí hiệu 1C25TTB với tổng tiền thanh toán là 4.736.782 đồng (đã bao gồm 8% VAT).

Mẫu số - Ký hiệu (Serial No.): 1C25TTB
Số (Invoice No.): 00000288

HÒA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ngày (day) 29 tháng (month) 12 năm (year) 2025

Mã của Cơ quan thuế: 000CEF136E694F4611AE4F936804235ECA

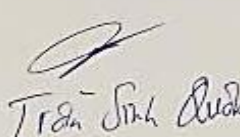
Đơn vị bán (Seller): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ BẢO TÍN
MST (Tax Code): 0400387947
Địa chỉ (Address): 778/26 Trần Cao Vân, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại (Tel.): 02363810145
STK (Account No.): 100214851001721 - Ngân Hàng Eximbank - Chi nhánh Đà Nẵng

Người mua (Buyer):
Đơn vị (Co. name): CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN
MST (Tax Code): 0400101235
Địa chỉ (Address): 65 Nguyễn Văn Cừ, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
HTTT (Pay. method): Tiền mặt/Chuyển khoản
STK (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	SL (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Mực chấm	Bình	9	81.818,2	736.364
2	Hộp mực in 12A (2900)	Hộp	2	681.818,2	1.363.636
3	Hộp mực in 26A	Hộp	1	863.636	863.636
4	Hộp mực in 35A	Hộp	1	727.273	727.273
5	Dịch vụ sửa chữa bộ cơ nhận giấy máy in 2900	Dịch vụ	1	695.000	695.000
Cộng tiền hàng (Sub total):					4.385.909
Thuế suất GTGT (Tax rate): 8%					Cộng tiền thuế GTGT (VAT amount): 350.873
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					4.736.782

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Bốn triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi hai đồng chẵn./.

Người mua hàng (Buyer)


Trần Sinh Quốc

Người bán hàng (Seller)

Đã được ký điện tử bởi
(Signed digitally by)
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
DỊCH VỤ BẢO TÍN
Ngày: 29/12/2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Giải pháp Hóa đơn Điện tử được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Bkav - MST 0101360697 - ĐT 1900 545414 - <http://ehoadoc.vn>
Hóa đơn Điện tử (HĐĐT) được tra cứu trực tuyến tại <http://tracuu.ehoadon.vn>. Mã tra cứu HĐĐT này: KOFCX14062F

Biểu 2.32. Hoá đơn GTGT số 00000288

Sau khi hóa đơn điện tử được lập và phát hành trên phần mềm VNPT Invoice, kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lệ của hóa đơn (thông tin nhà cung cấp, nội dung dịch vụ, số tiền, thuế suất...). Sau khi đối chiếu đảm bảo chính xác, kế toán thực hiện nhập liệu hóa đơn vào phần mềm kế toán Fast để ghi nhận nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

FAST Hoa đơn mua hàng (dịch vụ)

Nhà cung cấp	A01_742	Công ty TNHH TM DV Bảo Tín	Số cũ	288
Địa chỉ	21 Lê Đình Lý TP Đà Nẵng	MST	Ngày cũ	29/12/2025
Người giao hàng		Số dư	Số hoá đơn	288
Diễn giải	Chi phí chăm mực, thay mực máy in		Ngày hoá đơn	29/12/2025
Hợp đồng			Tỷ giá	VND 1.00
			Tk có	331

Thêm dòng mới, F8-Xóa dòng, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết hạch toán

Tk nợ	Tên tài khoản	Tiền VND	Diễn giải
6421201	Văn phòng phẩm	4 385 909	Chi phí chăm mực, thay mực máy in

Tiền hàng	4 385 909
Thuế suất 0,00 % Tk thuế 1331	Tiền thuế 350 873
Tổng TT	4 736 782
Hạn TT	0

Lưu Mới In cũ Sửa Xóa Xem Tìm Quay ra

Hình 2.24. Giao diện ghi sổ tại phần mềm Fast

➤ **Trường hợp 2: Kế toán chi phí dịch vụ:** Ngày 09/01/2025, Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT để sử dụng dịch vụ tư vấn công bố thông tin và cung cấp cổng quan hệ cổ đông trực tuyến EZIR trong năm 2025 (xem phụ lục số 11)

Sau khi dịch vụ được cung cấp, Công ty FPT lập hóa đơn GTGT với giá trị dịch vụ 66.000.000 đồng (đã bao gồm VAT 10 %)

FPT Securities **HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG** (VAT INVOICE)
 Ngày (Date) 09 Tháng (Month) 01 Năm (Year) 2025
 Ký hiệu: IK25TFS
 Số: 00000029

Người bán (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT - CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH
 Địa chỉ (Address): Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN
 Số thuế (Tax code): 0102324187-001
 Tài khoản (Bank account): 00006888002
 Ngân hàng (Bank): Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại (Tel): 19006446

Mua và tên người mua hàng (Buyer):
 Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN
 Địa chỉ (Address): 65 Nguyễn Văn Cừ, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam
 Mã số thuế (Tax Code): 0100101235

Phương thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản
 Đồng tiền (Currency): VND
 Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Product/Service)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (Amount excluding VAT)	Thuế suất (VAT Rate)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Phí dịch vụ tư vấn công bố thông tin và cung cấp cổng quan hệ nhà đầu tư trực tuyến EZIR 01/01/2025-31/12/2025, HĐ 536-2024/FPT/FCF-HCM/HI-VX	Dịch vụ	1	60.000.000	60.000.000	10%
Tổng cộng (Total)						
				Thành tiền chưa có thuế GTGT (Amount excluding VAT)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)	Thành tiền có thuế GTGT (Amount including VAT)
Loại không chịu thuế (Tax-exempt):				0	0	0
Loại thuế suất 0% (Tax rate 0%):				0	0	0
Loại thuế suất 5% (Tax rate 5%):				0	0	0
Loại thuế suất 8% (Tax rate 8%):				0	0	0
Loại thuế suất 10% (Tax rate 10%):				60.000.000	6.000.000	66.000.000
Tổng tiền thanh toán (Total Amount)				60.000.000	6.000.000	66.000.000

Số tiền bằng chữ (Sum in word): Sáu mươi sáu triệu đồng chẵn

Biểu 2.33. Hoá đơn GTGT số 00000029

Căn cứ vào hóa đơn GTGT do Công ty FPT phát hành và hợp đồng dịch vụ đã ký kết trước đó, kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lệ, đối chiếu nội dung dịch vụ, giá trị thanh toán và các điều khoản liên quan. Sau đó, lập tờ đề nghị thanh toán (xem phụ lục số 12) kèm theo đầy đủ chứng từ gốc (hợp đồng, hóa đơn GTGT) trình lên cấp trên phê duyệt làm căn cứ thực hiện thanh toán.

Kế toán chọn phân hệ mua hàng/hoá đơn mua dịch vụ/ khai báo thông tin (ngày hạch toán, nhà cung cấp, diễn giải) cuối cùng kiểm tra lại thông tin chọn lưu/ ghi sổ.

FAST Hoa don mua hang (dich vu)

Nhà cung cấp	A01_985	Cty CP chứng khoán FPT-CN TPHCM (FPTS)	Số chữ	29
Địa chỉ	tầng 3, tòa nhà 136-138 Nguyễn Công Trứ, P.NgũMST		Ngày chữ	14/01/2025
Người giao hàng		Số dư	Số hoá đơn	29
Diễn giải	Chi phí dịch vụ tư vấn công bố thông tin và cung cấp cổng quan hệ nhà đầu t		Ngày hoá đơn	09/01/2025
Hợp đồng		Tỷ giá	VND	1,00
		Tk có		331

Thêm dòng mới, F8-Xóa dòng, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết hạch toán

Tk nợ	Tên tài khoản	Tiền VND	Diễn giải
6421709	Dịch vụ mua ngoài khác	60 000 000	Chi phí dịch vụ tư vấn công bố thông tin

Tiền hàng: 60 000 000
Thuế suất: 0,00 % Tk thuế: 1331
Tiền thuế: 6 000 000
Tổng TT: 66 000 000
Hạn TT: 0

Buttons: Lưu, Mới, In chữ, Sửa, Xóa, Xem, Tìm, Quay ra

Hình 2.25. Giao diện nhập liệu tại phần mềm Fast.

Sau khi kế toán hoàn tất việc nhập liệu và ghi sổ trên phần mềm Fast, hệ thống sẽ tự động cập nhật số liệu vào Sổ Nhật ký chung (xem phụ lục số 01), Sổ chi tiết TK 642 đồng thời số liệu được trích xuất vào Sổ cái TK 642.

➤ **Trường hợp 3: Kế toán chi phí kiểm kê khí nhà kính:** Ngày 14/03/2025 Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân ký hợp đồng số 146/2025-IEG với Viện Khoa học Môi trường và Chứng nhận chất lượng hàng hóa về dịch vụ tư vấn kiểm kê khí nhà kính với giá 100.000.000 đồng (xem phụ lục số 13)

Ngày 27/03/2025, Công ty nhận được văn bản đề nghị tạm ứng số tiền 50.000.000 đồng từ Viện Khoa học Môi trường (xem phụ lục số 14) nhằm phục vụ việc triển khai thực hiện hợp đồng dịch vụ tư vấn kiểm kê khí nhà kính, đảm bảo đơn vị có đủ kinh phí để tiến hành các công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng

Ngày 15/04/2025, Phòng Kỹ thuật của ông ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân lập tờ trình đề nghị Tổng Giám đốc phê duyệt tạm ứng 50.000.000 đồng (xem phụ lục số 15), tương đương 50% giá trị hợp đồng số 146/2025-IEG với Viện Khoa học Môi trường, nhằm đảm bảo Viện có đủ kinh phí triển khai các công việc tư vấn kiểm

kê khí nhà kính theo hợp đồng. Số tiền tạm ứng được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Viện, với thời hạn hoàn ứng sau khi kết thúc hợp đồng.

Sau khi tờ trình được phê duyệt, Công ty thực hiện chuyển khoản tạm ứng số tiền này vào tài khoản ngân hàng của Viện theo thông tin trong tờ trình. Trong quá trình triển khai hợp đồng, Phòng Kỹ thuật Công ty phối hợp với Viện tiến hành nghiệm thu công việc hoàn thành và lập biên bản nghiệm thu (xem phụ lục số 16), đảm bảo các công việc đã được thực hiện đầy đủ theo thỏa thuận.

Ngày 26/12/2025, Công ty nhận hóa đơn GTGT số 00000006 từ Viện, với tổng giá trị thanh toán 100.000.000 đồng (bao gồm 5% VAT), kèm theo biên bản nghiệm thu và hồ sơ hoàn thiện.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)				Mẫu số - Ký hiệu (Serial No.): 1C25TAB Số (Invoice No.): 00000006	
Ngày (day) 26 tháng (month) 12 năm (year) 2025					
Mã của Cơ quan thuế: 00F72102104A544B94991C7C8004505F97					
Đơn vị bán (Seller): Viện Khoa học môi trường và chứng nhận chất lượng hàng hóa					
MST (Tax Code): 0110820284					
Địa chỉ (Address): Số 21 hẻm 38/58/14 đường Xuân La, Phường Xuân Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam					
STK (Account No.): 737363636 - Ngân hàng TMCP Quân Đội chi nhánh Tây Hồ					
Người mua (Buyer):					
Đơn vị (Co. name): CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HÀI VÂN					
MST (Tax Code): 0400101235					
Địa chỉ (Address): 65 Nguyễn Văn Cừ, Phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam					
HTTT (Pay. method): Chuyển khoản					
STK (Account No.): 110854699999 - Ngân hàng Vietinbank CN Đà Nẵng - PGD Hùng Vương					
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	SL (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	Dịch vụ tư vấn kiểm kê khí nhà kính theo Hợp đồng dịch vụ khoa học và công nghệ số 146/2025-IEG ký ngày 14/03/2025				95.238.095
Cộng tiền hàng (Sub total):					95.238.095
Thuế suất GTGT (Tax rate): 5%			Cộng tiền thuế GTGT (VAT amount):		4.761.905
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					100.000.000
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Một trăm triệu đồng chẵn.					
Người mua hàng (Buyer)			Người bán hàng (Seller)		
			Đã được ký điện tử bởi (Signed digitally by) Viện Khoa học môi trường và chứng nhận chất lượng hàng hóa Ngày: 26/12/2025		
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu 2.34. Hoá đơn GTGT số 00000006 nhận từ Viện

Ngay sau khi nhận hóa đơn GTGT và biên bản nghiệm thu công việc, Phòng Kỹ thuật của công ty lập tờ trình đề nghị thanh toán phần còn lại 50.000.000 đồng (xem phụ lục số 17), trình Tổng Giám đốc phê duyệt nhằm hoàn tất nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng dịch vụ tư vấn kiểm kê khí nhà kính.

Sau khi hoàn tất thanh toán, Công ty sẽ căn cứ vào hợp đồng dịch vụ, biên bản nghiệm thu công việc, hóa đơn GTGT và tờ trình đề nghị thanh toán để nhập liệu đầy đủ vào phần mềm kế toán Fast theo trình tự hợp lý.

FAST Hóa đơn mua hàng (dịch vụ)

Nhà cung cấp: A02_875 Viện Khoa học môi trường và Chứng nhận chất lượng hàng hóa Số từ: 6

Địa chỉ: Tổ 35 cụm 5, Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội MST: Ngày từ: 29/12/2025

Người giao hàng: Số dư: Số hoá đơn: 6

Diễn giải: Chi phí tư vấn kiểm kê khí nhà kính theo HĐ 146/2025-IEG ngày 14/3/2025 Ngày hoá đơn: 26/12/2025

Hợp đồng: Tỷ giá: VND 1,00

Tk có: 331

Thêm dòng mới, F8-Xóa dòng, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết hạch toán

Tk nợ	Tên tài khoản	Tiền VND	Diễn giải
6421817	Chi phí vệ sinh môi trường	95 238 095	Chi phí tư vấn kiểm kê khí nhà kính theo

Tiền hàng: 95 238 095

Thuế suất 0,00 % Tk thuế 1331 Tiền thuế: 4 761 905

Tổng TT: 100 000 000 Hạn TT: 0

Buttons: Lưu, Mới, In từ, Sửa, Xóa, Xem, Tìm, Quay ra

Hình 2.26. Giao diện nhập liệu tại phần mềm Fast

Kế toán vào phân hệ Hóa đơn mua hàng (dịch vụ), nhập thông tin nhà cung cấp, số và ngày hóa đơn. Sau đó nhập diễn giải nghiệp vụ, chọn TK nợ 642 TK có, đồng thời nhập số tiền và thuế GTGT (TK 1331). Cuối cùng kiểm tra lại dữ liệu và bấm Lưu để hoàn tất.

Khi hoàn tất, chứng từ được lưu trên hệ thống, từ đó dữ liệu tự động cập nhật vào Sổ nhật ký chung (xem phụ lục số 01), Sổ chi tiết TK 642 đồng thời số liệu được trích xuất ghi vào Sổ cái TK 642, đảm bảo phản ánh đầy đủ và kịp thời nghiệp vụ phát sinh trong kỳ kế toán.

SỔ CHI TIẾT CỦA MỘT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp
Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TK d/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....					
14/01	tn	Phí ct (Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam_CN Đà Nẵng)	1121X	600 000	
14/01	tn	Phí ct (Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam_CN Đà Nẵng)	1121X	50 000	
14/01	29	Chi phí dịch vụ tư vấn công bố thông tin và cung cấp công quan hệ nhà đầu tư trực tuyến EZIR 01/01/2025-31/12/2025 (Cty CP chứng khoán FPT-CN TPHCM (FPTS))	331	60 000 000	
.....					
29/12	339	Chi phí dịch vụ thẩm định giá theo HD 5250119B/BTCMT-VCHV/11-25 ngày 17/11/2025 (Công ty CP Thẩm Định Giá và Dịch Vụ Tài Chính BTC Miền Trung)	331	32 407 407	
29/12	288	Chi phí chăm mực, thay mực máy in (Công ty TNHH TM DV Bảo Tín)	331	4 385 909	
29/12	679	Thanh toán chi phí tiếp khách (Công Ty Cổ Phần Xi Măng Vicem Hải Vân)	1111	13 657 313	
.....					
29/12	6	Chi phí tư vấn kiểm kê khí nhà kính theo HD 146/2025-IEG ngày 14/3/2025 (-Tổ 35 cụm 5, Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội)	331	95 238 095	
29/12	tn	Phí ct (Ngân hàng NN & PT NT VN - CN KCN Hoà Khánh Nam Đà Nẵng)	1121F	18 000	

Tổng phát sinh nợ: 27 667 286 990
Tổng phát sinh có: 27 667 286 990
Số dư cuối kỳ: 0

Biểu 2.35. Sổ chi tiết TK 642

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp
Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TK d/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....					
14/01	tn	Phí ct (Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam_CN Đà Nẵng)	1121X	600 000	
14/01	tn	Phí ct (Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam_CN Đà Nẵng)	1121X	50 000	
14/01	29	Chi phí dịch vụ tư vấn công bố thông tin và cung cấp công quan hệ nhà đầu tư trực tuyến EZIR 01/01/2025-31/12/2025 (Cty CP chứng khoán FPT-CN TPHCM (FPTS))	331	60 000 000	
14/01	3	Chi phí lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt mỏ đá Hòa Phát (Công ty CP Tư vấn Đạt Phương)	331	27 000 000	
.....					
29/12	288	Chi phí chăm mực, thay mực máy in (Công ty TNHH TM DV Bảo Tín)	331	4 385 909	
29/12	679	Thanh toán chi phí tiếp khách (Công Ty Cổ Phần Xi Măng Vicem Hải Vân)	1111	13 657 313	
.....					
29/12	6	Chi phí tư vấn kiểm kê khí nhà kính theo HD 146/2025-IEG ngày 14/3/2025 (-Tổ 35 cụm 5, Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội)	331	95 238 095	
29/12	tn	Phi ct (Ngân hàng NN & PT NT VN - CN KCN Hoà Khánh Nam Đà Nẵng)	1121F	18 000	

Tổng phát sinh nợ: 27 667 286 990
Tổng phát sinh có: 27 667 286 990
Số dư cuối kỳ: 0

Biểu 2.36. Sổ cái TK 642

2.2.2.5. Kế toán chi phí khác tại Công ty

- a. Chứng từ sử dụng
 - Bảng trích khấu hao
 - Bảng tổng hợp chi phí phân bổ
- b. Sổ sách sử dụng
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái TK 811
 - Sổ chi tiết TK 811
- c. Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng TK 811 - Chi phí khác

- d. Kế toán chi phí khác tại Công ty

Các khoản chi phí khác tại công ty chủ yếu bao gồm: chi phí liên quan đến giải phóng mặt bằng, chi phí khấu hao tài sản cố định không phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh bởi vì chi nhánh tại Vạn Ninh đang dừng hoạt động, chi phí phân bổ vật liệu chịu lửa (VLCL) trong trường hợp không tính vào giá thành sản phẩm, cùng một số khoản chi phí bất thường khác phát sinh trong quá trình hoạt động.

Các khoản chi phí này được ghi nhận khi phát sinh thực tế, căn cứ vào chứng từ hợp lệ và tuân thủ quy định hiện hành về kế toán. Kế toán sử dụng TK 811 để tập hợp và phản ánh các khoản chi phí khác, nhằm tách biệt với chi phí sản xuất kinh doanh thông thường.

➤ **Trường hợp 1: Kế toán chi phí khấu hao TSCĐ:** Chi phí khấu hao tại Vạn Ninh là khoản chi phí phát sinh từ việc trích khấu hao các tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất tại chi nhánh. Căn cứ vào Bảng tổng hợp trích khấu hao TSCĐ tháng 12/2025, doanh nghiệp thực hiện trích khấu hao định kỳ hàng tháng với tổng mức khấu hao 3.107.255.446 đồng/tháng theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

TỔNG HỢP TRÍCH KHẤU HAO TSCD THÁNG 12 NĂM 2025

STT	TSCD/Phần đơn sản xuất	Mã HT	Số dư đầu tháng		Phát sinh tăng		Phát sinh giảm		Trích khấu hao tháng		Số dư cuối tháng	
			Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Đã khấu hao	Nguyên giá	T. giảm KHI	Mức khấu hao tháng	Nguyên giá	Đã khấu hao
			E	F	G	H	I	J	L	M	N	O = F + M
A	C											
A	TSCD HỮU HÌNH		850.483.406.789	494.974.499.444	355.478.907.166	342.000.000	-	-	-	3.092.259.638	850.795.406.759	498.066.759.282
1	Nhà cửa vật liệu trực		356.043.107.839	152.991.908.181	203.451.199.658	0	0	0	0	960.121.130	356.043.107.839	153.552.029.311
1	PD SX Clinker	11Lo	119.728.833.722	32.761.410.249	86.967.423.473	-	-	-	-	208.418.691	119.728.833.722	32.969.828.940
2	PD nghiên cứu	11Liệu	167.607.836.040	85.846.238.633	81.761.577.357	-	-	-	-	550.681.242	167.607.836.040	86.396.939.925
3	PD chuẩn bị N liệu thô	11NL thô	0	0	0	-	-	-	-	-	0	0
4	Xưởng sửa chữa & BPQL	11Phụ trợ	68.706.438.077	33.984.239.249	34.722.198.828	-	-	-	-	201.021.197	68.706.438.077	34.185.260.446
II	Máy móc thiết bị		486.385.281.336	335.073.169.732	151.312.111.654	342.000.000	0	0	0	2.121.652.633	486.727.281.386	337.194.872.365
1	PD SX Clinker	12Lo	215.373.439.321	146.903.387.857	68.465.051.464	-	-	-	-	935.314.913	215.373.439.321	147.843.702.770
2	PD nghiên cứu	12Liệu	205.719.045.912	139.910.907.272	65.808.138.640	-	-	-	-	899.018.286	205.719.045.912	140.809.925.558
3	PD chuẩn bị N liệu thô	12NL thô	0	0	0	-	-	-	-	-	0	0
4	Xưởng sửa chữa & BPQL	12Phụ trợ	65.292.796.153	48.253.874.603	17.038.921.550	342.000.000	-	-	-	287.319.434	65.634.796.153	48.541.194.037
III	Phương tiện vận tải		7.248.982.479	6.609.520.367	639.462.112	0	0	0	0	7.058.081	7.248.982.479	6.616.578.448
1	PD SX Clinker	13Lo	0	0	0	-	-	-	-	-	0	0
2	PD nghiên cứu	13Liệu	1.016.363.636	376.991.524	639.462.112	-	-	-	-	7.058.081	1.016.363.636	383.959.605
3	PD chuẩn bị N liệu thô	13NL thô	0	0	0	-	-	-	-	-	0	0
4	Xưởng sửa chữa & BPQL	13Phụ trợ	6.232.618.843	6.232.618.843	0	-	-	-	-	-	6.232.618.843	6.232.618.843
IV	Dụng cụ quản lý		776.035.046	699.901.364	76.133.682	0	0	0	0	3.427.794	776.035.046	703.329.158
1	PD SX Clinker	14Lo	326.031.818	291.134.072	34.897.741	-	-	-	-	2.726.515	326.031.818	293.460.592
2	PD nghiên cứu	14Liệu	77.227.273	67.573.901	9.653.372	-	-	-	-	643.561	77.227.273	68.217.462
3	PD chuẩn bị N liệu thô	14NL thô	0	0	0	-	-	-	-	-	0	0
4	Xưởng sửa chữa & BPQL	14Phụ trợ	372.273.955	341.193.386	31.082.569	-	-	-	-	457.718	372.273.955	341.651.104
B	TSCD VỐ HÌNH		5.398.490.788	2.319.656.524	3.078.834.264	0	0	0	0	14.595.808	5.398.490.788	2.334.652.332
1	PD SX Clinker	20Lo	0	0	0	-	-	-	-	-	0	0
2	PD nghiên cứu	20Liệu	5.398.490.788	2.319.656.524	3.078.834.264	-	-	-	-	14.995.808	5.398.490.788	2.334.652.332
3	PD chuẩn bị N liệu thô	20NL thô	0	0	0	-	-	-	-	-	0	0
4	Xưởng sửa chữa & BPQL	20Phụ trợ	0	0	0	-	-	-	-	-	0	0
	CỘNG		855.851.897.538	497.294.156.168	358.557.741.370	342.000.000	-	-	-	3.107.255.446	856.193.897.538	500.401.411.614
												355.792.485.924

Biểu 2.37. Bảng tổng hợp trích khấu hao tháng 12/2025

➤ **Trường hợp 2: Kế toán chi phí khác:** Căn cứ vào Bảng Tổng hợp chi phí phân bổ tháng 12, Nhà máy Vạn Ninh đã thực hiện phân bổ các khoản chi phí trả trước liên quan đến chi phí giải phóng mặt bằng và chi phí vật liệu chịu lửa như sau:

- Chi phí giải phóng mặt bằng: Trong kỳ, phân bổ 108.643.989 đồng từ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh, đồng thời tiếp tục theo dõi phần còn lại để phân bổ cho các kỳ sau.

Quảng Trị, ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giám đốc

Hoàng Xuân Thịnh

Phòng Kế toán

Đào Thị Thắm

Lập biểu

Trần Hải Hiền

- Chi phí vật liệu chịu lửa: Nhà máy đã phân bổ toàn bộ 242.790.980 đồng chi phí vật liệu chịu lửa (gạch, bê tông chịu lửa) từ chi phí trả trước ngắn hạn vào chi phí sản xuất trong kỳ.

TỔNG HỢP CHI PHÍ PHÂN BỐ TÀI KHOẢN 242 THÁNG 12 NĂM 2025

TT	TK	Nội dung	ĐVT	Số dư đầu kỳ căn PB 01/12/2025 (Dư nợ)	Số PS trong kỳ (PS nợ)	Số đã PB trong kỳ (PS có)	Số cuối kỳ căn PB 31/12/2025 (Dư nợ)	Ghi chú
I. Chi phí ngắn hạn				7.660.821.672	6.246.512.359	6.717.378.248	7.189.955.783	
1	TK24213	Chi phí TSNH PB dưới 1 năm	Đồng	92.636.100	-	92.636.100	-	
		Chi phí SCTX cụm nghiền xi	Đồng	92.636.100	-	92.636.100	-	
2	TK24214	Chi phí vật liệu chịu lửa căn PB	Đồng	242.790.980	-	242.790.980	-	
		Gạch chịu lửa căn PB	Đồng	181.843.036	-	181.843.036	-	
		Bê tông chịu lửa căn PB	Đồng	60.947.944	-	60.947.944	-	
3	TK 24215	Chi phí vật liệu nghiền căn PB	Đồng	909.873.655	-	11.988.769	897.884.886	
		Bì đạn	Đồng	758.431.461	-	-	758.431.461	
		Tầm lốt	Đồng	151.442.194	-	11.988.769	139.453.425	
4	TK 24216	Chi phí thuê dây chuyền nghiền xi	Đồng	-	-	-	-	
5	TK 24217	Chi phí cải tạo vôi đóng bao	Đồng	62.024.996	-	6.891.663	55.133.333	
6	TK 24218	Phí cấp quyền khai thác mỏ	Đồng	6.353.495.941	-	116.558.377	6.236.937.564	
		Mỏ đá vôi lên ánh	Đồng	2.901.380.120	-	107.564.606	2.793.815.514	
		Mỏ sét	Đồng	3.011.421.000	-	-	3.011.421.000	
		Mỏ cát kết	Đồng	440.694.821	-	8.993.771	431.701.050	
7	TK 24219	Chi phí trả trước ngắn hạn khác	Đồng	-	6.246.512.359	6.246.512.359	-	
II. Chi phí dài hạn				26.809.733.157	-	128.107.852	26.681.625.305	
1	TK 24221	Chi phí SCL TSCĐ PB 3 năm	Đồng	-	-	-	-	
		Chi phí đền bù GPMB xung quanh nhà máy	Đồng	23.460.598.199	-	60.155.380	23.400.442.819	
2	TK 24222	Chi phí đền bù GPMB mỏ cát kết	Đồng	2.375.941.818	-	48.488.609	2.327.453.209	
3	TK 24223	Chi phí trồng rừng thay thế	Đồng	973.193.140	-	19.463.863	953.729.277	
4	TK 2422		Đồng					
Tổng				34.470.554.829	6.246.512.359	6.845.486.100	33.871.581.088	

Người lập

Trần Hải Hiền

PT Kế toán

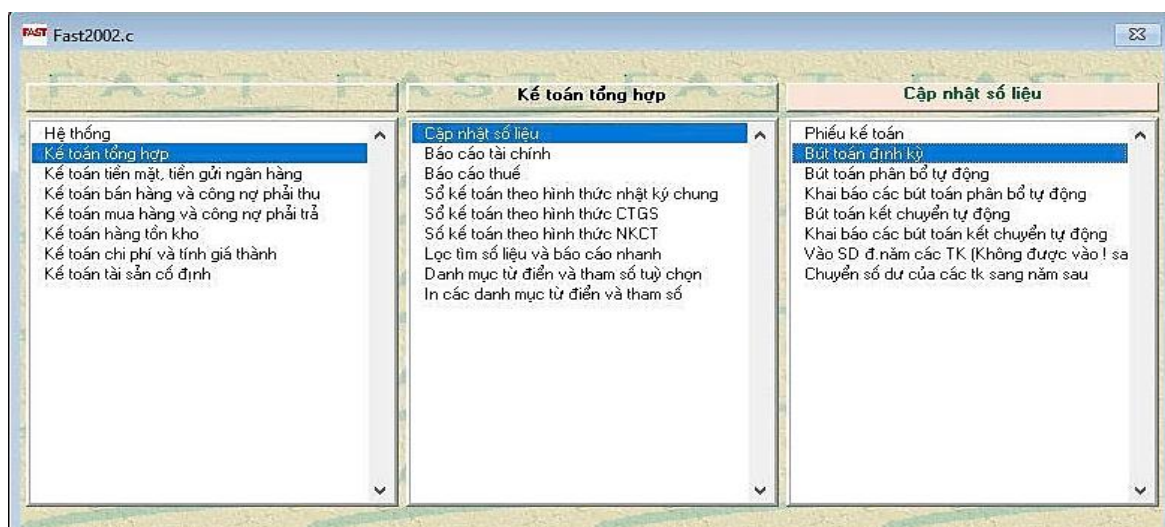
Đào Thị Thắm

Quảng Trị, ngày 31 tháng 12 năm 2025
Giám đốc nhà máy

Hoàng Xuân Thịnh

Biểu 2.38. Bảng tổng hợp chi phí phân bổ

Tại nhà máy, các khoản chi phí như chi phí khấu hao TSCĐ và chi phí phân bổ được theo dõi chi tiết theo từng nội dung phát sinh. Tuy nhiên, khi tổng hợp số liệu về Tổng công ty, các khoản chi phí này được phân loại và ghi nhận chung vào TK 811. Cụ thể, nghiệp vụ được phản ánh vào Sổ nhật ký chung (xem phụ lục số 01), đồng thời cập nhật vào Sổ chi tiết TK 811, đồng thời số liệu được trích xuất vào Sổ cái TK 811.



Hình 2.27. Giao diện vào sổ tại phần mềm Fast

FAST Hoa đơn mua hàng (dịch vụ) 23

Nhà cung cấp	E04_002	CN Công ty CP Xi măng Vicem Hải Vân- NM XM Vạn Ninh	Số từ	TAM
Địa chỉ	thôn Ấng Sơn, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tMST		Ngày từ	31/12/2025
Người giao hàng			Số hoá đơn	
Diễn giải	hạch toán chi phí dừng lò t12.2025		Ngày hoá đơn	/ /
Hợp đồng			Tỷ giá	VND 1,00
			Tk có	13684

Thêm dòng mới, F8-Xóa dòng, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết hạch toán

Tk nợ	Tên tài khoản	Tiền VND	Diễn giải
63282	Giá vốn nội bộ khác Vạn Ninh	1 200 019 725	Chi phí lương tại Vạn Ninh
63282	Giá vốn nội bộ khác Vạn Ninh	908 746 410	Chi phí sửa chữa tại Vạn Ninh
63282	Giá vốn nội bộ khác Vạn Ninh	410 157 183	Chi phí cố định sx tại Vạn Ninh
63282	Giá vốn nội bộ khác Vạn Ninh	268 898 626	Chi phí khác tại Vạn Ninh
811	Chi phí khác	3 107 255 446	Chi phí khấu hao tại Vạn Ninh
811	Chi phí khác	108 643 989	Chi phí GPMB tại Vạn Ninh
811	Chi phí khác	242 790 980	Chi phí PB VCL tại Vạn Ninh

Tiền hàng: 6 246 512 359

Thuế suất 0,00 % Tk thuế: Tiền thuế:

Tổng TT: 6 246 512 359 Hạn TT: 0

Hình 2.28. Giao diện ghi số TK 811

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN

SỔ CHI TIẾT CỦA MỘT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 811 - Chi phí khác
Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TK d/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
09/01	CHAMNOP	Tiền chậm nộp thuế đất lần 2 ()	3338	3 840 000	
.....					
31/12	CNOP	Tiền chậm nộp TNCN,GTGT Nguyễn Vũ Khanh ()	3338	9 912	
31/12	thue NK	Nộp thuế TNCN Nguyễn Vũ Khanh ()	3335	722 222	
31/12	thue NK	Nộp thuế GTGT Nguyễn Vũ Khanh ()	3338	722 222	
31/12	TAM	Chi phí khấu hao tại Vạn Ninh (CN Công ty CP Xi măng Vicem Hải Vân- NM XM Vạn Ninh)	13684	3 107 255 446	
31/12	TAM	Chi phí GPMB tại Vạn Ninh (CN Công ty CP Xi măng Vicem Hải Vân- NM XM Vạn Ninh)	13684	108 643 989	
31/12	TAM	Chi phí PB VCL tại Vạn Ninh (CN Công ty CP Xi măng Vicem Hải Vân- NM XM Vạn Ninh)	13684	242 790 980	
31/12	55381	Kết chuyển 811 ->911 811->911 ()	911		3 462 144 771

Tổng phát sinh nợ: 42 474 704 655

Tổng phát sinh có: 42 474 704 655

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày.... tháng.... năm....

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

NGƯỜI GHI SỐ
(Ký, họ tên)

Biểu 2.39. Sổ chi tiết TK 811

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 811 - Chi phí khác
Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TK d/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
09/01	CHAMNOP	Tiền chậm nộp thuế đất lần 2 ()	3338	3 840 000	
....					
31/12	TAM	Chi phí khấu hao tại Vạn Ninh (CN Công ty CP Xi măng Vicem Hải Vân- NM XM Vạn Ninh)	13684	3 107 255 446	
31/12	TAM	Chi phí GPMB tại Vạn Ninh (CN Công ty CP Xi măng Vicem Hải Vân- NM XM Vạn Ninh)	13684	108 643 989	
31/12	TAM	Chi phí PB VCL tại Vạn Ninh (CN Công ty CP Xi măng Vicem Hải Vân- NM XM Vạn Ninh)	13684	242 790 980	
31/12	Loại T	Tự loại HĐ 6 ngày 09/01/2024 phòng ngừ có dấu hiệu rủi ro ()	6421804	1 851 852	
31/12	Loại T	Loại thuế HĐ 06 ngày 9/1/24 ()	33311	148 148	

Tổng phát sinh nợ: 42 474 704 655

Tổng phát sinh có: 42 474 704 655

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày.... tháng.... năm....

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Biểu 2.40. Sổ cái TK 811

2.2.2.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty

a. Chứng từ sử dụng

- Tờ khai thuế TNDN

b. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung

- Sổ cái TK 821

- Sổ chi tiết TK 821

c. Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng TK 821 - Chi phí thuế TNDN

d. Kế toán chi phí thuế TNDN tại Công ty

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán tiến hành xác định số thuế TNDN phải nộp và thực hiện kê khai trên tờ khai thuế theo quy định.. Thuế TNDN theo luật hiện hành được tính theo:

$$\text{Thuế TNDN} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{thuế suất } 20\%$$

Trong năm tài chính, do doanh nghiệp kinh doanh bị lỗ nên không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, vì vậy kế toán không thực hiện hạch toán thuế TNDN. Tuy nhiên, trong trường hợp phát sinh thuế, việc hạch toán được thực hiện trên phần mềm Fast như sau:

- Kế toán vào phân hệ “Kế toán tổng hợp”, chọn “Chứng từ nghiệp vụ khác” để ghi nhận chi phí thuế TNDN với bút toán Nợ TK 821 và Có TK 3334.

- Khi nộp thuế, kế toán hạch toán Nợ TK 3334, Có TK 112.
- Cuối kỳ, thực hiện kết chuyển chi phí thuế bằng bút toán Nợ TK 911, Có TK 821 để xác định kết quả kinh doanh.

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế 2025 Từ ngày 01/01/2025 Đến ngày 31/12/2025

[02] Lần đầu: ☒ [03] Bổ sung lần thứ: ☐

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: C23 - Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác

[05] Tỷ lệ (%): 90.00

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN

[07] Mã số thuế: 0400101235

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số _____ ngày _____

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	(45,722,107,110)
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	42,982,607,224
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	42,982,607,224
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	(2,739,499,886)
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	(2,739,499,886)
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	(2,739,499,886)
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0

.....

Biểu 2.41. Tờ khai quyết toán thuế TNDN.

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

a. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 911S
- Sổ chi tiết TK 911

b. Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

c. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

FAST Công ty Xi măng Hải Vân

Tro giúp Table

FAST Tổng hợp ps theo tk đối ứng của tk 911. F5 - Xem chi tiết, Esc - Quay ra

Tk_du	Ten_tk	Ps_no	Ps_co
	Số dư có đầu kỳ		
	Số phát sinh trong kỳ	488 175 183 230	488 175 183 230
	Số dư có cuối kỳ		
4212	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		45 722 107 110
51121	Doanh thu bán xi măng		120 483 842 960
51181	Doanh thu ở Cảng Quy Nhơn		3 384 092 070
51182	Doanh thu khác		111 134 596
51192	Doanh thu nội bộ khác của Vạn Ninh		11 198 271 721
515	Doanh thu hoạt động tài chính		26 870 174
63211	Giá vốn Xi măng Hải Vân	98 487 789 599	
63212	Giá vốn Xi măng Vạn Ninh	11 369 221 668	
63213	Giá vốn gia công xi măng	261 026 813 360	
63231	Giá vốn khác	4 017 415 397	
63234	Giá vốn QN	5 604 016 766	
63282	Giá vốn nội bộ khác Vạn Ninh	32 122 245 456	
63515	Chi phí lãi vay ngắn hạn khác	1 591 708 220	
63518	Chi phí lãi vay ngắn hạn VIB-ĐN	1 321 916 683	
641101	Tiền lương bán hàng	1 355 671 541	
641102	Kinh phí công đoàn	17 698 795	
641103	BHĐH, BHYT, BHTN	192 262 790	
641106	Phụ cấp ăn ca	48 475 000	
641203	Chi phí bảo bì đóng gói	632 105 026	
641606	Chi phí công tác (ăn, nghỉ, công tác phí)	96 456 994	
641611	Phí Tổng công ty		
641702	Chi phí tuyên truyền quảng cáo	98 770 000	
6417042	Chi phí hỗ trợ vận chuyển	8 400 000	
6417045	Chi phí hỗ trợ tiêu thụ khác	121 300 000	
641705	Chi phí hội nghị	2 400 000	
641706	Chi phí tiếp khách	512 646 733	
641707	Chi phí bằng liên khác	1 596 800	
6418	Chi phí khác	17 326 247	
6421101	Chi phí tiền lương quản lý	14 263 927 268	
6421102	Kinh phí công đoàn	184 322 649	
6421103	BHĐH, BHYT, BHTN	2 040 813 751	
6421106	Chi phí ăn ca	510 600 000	
6421107	Chi phí khác	10 389 600	

Hình 2.29. Cửa sổ TK 911 ở phần mềm Fast

Cuối kỳ, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển các doanh thu và chi phí vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh. Các bút toán kết chuyển xác định kết quả kinh doanh được theo dõi chi tiết trên Sổ chi tiết và Sổ cái TK 911.

Các thông tin liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty được trình bày ở các chỉ tiêu trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các bút toán kết chuyển xác định kết quả kinh doanh được theo dõi chi tiết trên Sổ nhật ký chung (xem phụ lục số 01), Sổ chi tiết và Sổ cái TK 911.

SỔ CHI TIẾT CỦA MỘT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 911 - Xác định kết quả kinh doanh
Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TK d/tr	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
31/01	102997	Kết chuyển 511 -> 911 51121->911 ()	51121		7 578 855 758
31/01	102997	Kết chuyển 511 -> 911 51181->911 ()	51181		6 064 094
31/01	102997	Kết chuyển 511 -> 911 51192->911 ()	51192		391 047 327
31/01	102998	Kết chuyển 632 -> 911 63211->911 ()	63211	6 011 546 802	
31/01	102998	Kết chuyển 632 -> 911 63212->911 ()	63212	1 041 189 888	
31/01	102998	Kết chuyển 632 -> 911 63213->911 ()	63213	9 595 537 781	
31/01	102998	Kết chuyển 632 -> 911 63231->911 ()	63231	216 440 644	
31/01	102998	Kết chuyển 632 -> 911 63234->911 ()	63234	456 477 565	
31/01	102998	Kết chuyển 632 -> 911 63282->911 ()	63282	2 049 351 304	
31/01	102999	Kết chuyển 641 -> 911 641101->911 ()	641101	73 000 000	
31/01	102999	Kết chuyển 641 -> 911 641102->911 ()	641102	1 288 523	
31/01	102999	Kết chuyển 641 -> 911 641103->911 ()	641103	13 851 624	
31/01	102999	Kết chuyển 641 -> 911 641106->911 ()	641106	3 025 000	
31/01	102999	Kết chuyển 641 -> 911 641203->911 ()	641203	40 928 700	
31/01	102999	Kết chuyển 641 -> 911 641606->911 ()	641606	2 619 630	
31/01	102999	Kết chuyển 641 -> 911 641611->911 ()	641611	24 495 562	
31/01	102999	Kết chuyển 641 -> 911 641706->911 ()	641706	44 246 650	

.....

31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 64217061->911 ()	64217061	66 450 926	
31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 6421707->911 ()	6421707	7 500 000	
31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 6421709->911 ()	6421709	165 404 816	
31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 6421801->911 ()	6421801	2 314 000	
31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 6421802->911 ()	6421802	241 841 550	
31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 6421803->911 ()	6421803	68 716 482	
31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 6421804->911 ()	6421804	12 838 148	
31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 6421805->911 ()	6421805	26 940 000	
31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 6421806->911 ()	6421806	22 000 000	
31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 6421807->911 ()	6421807	185 600 000	
31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 6421808->911 ()	6421808	31 859 332	
31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 6421809->911 ()	6421809	1 785 000	
31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 6421811->911 ()	6421811	50 000 000	
31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 6421817->911 ()	6421817	208 655 197	
31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 6421819->911 ()	6421819	51 954 000	
31/12	55379	Kết chuyển 515 ->911 515->911 ()	515		1 390 563
31/12	55380	Kết chuyển 635 ->911 63515->911 ()	63515	153 895 890	
31/12	55381	Kết chuyển 811 ->911 811->911 ()	811	3 462 144 771	
31/12	55382	Kết chuyển 711 ->911 711->911 ()	711		6 272 727
31/12	55383	Kết chuyển Lỗ 911->4212 ()	4212		3 743 877 150

Tổng phát sinh nợ: 488 175 183 230
Tổng phát sinh có: 488 175 183 230
Số dư cuối kỳ: 0

Ngày.... tháng.... năm....

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

Biểu 2.42. Sổ chi tiết TK 911

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
31/01	102997	Kết chuyển 511 -> 911 51121->911 ()	51121		7 578 855 758
31/01	102997	Kết chuyển 511 -> 911 51181->911 ()	51181		6 064 094
31/01	102997	Kết chuyển 511 -> 911 51192->911 ()	51192		391 047 327
31/01	102998	Kết chuyển 632 -> 911 63211->911 ()	63211	6 011 546 802	
31/01	102998	Kết chuyển 632 -> 911 63212->911 ()	63212	1 041 189 888	
31/01	102998	Kết chuyển 632 -> 911 63213->911 ()	63213	9 595 537 781	
31/01	102998	Kết chuyển 632 -> 911 63231->911 ()	63231	216 440 644	
31/01	102998	Kết chuyển 632 -> 911 63234->911 ()	63234	456 477 565	
31/01	102998	Kết chuyển 632 -> 911 63282->911 ()	63282	2 049 351 304	
31/01	102999	Kết chuyển 641 -> 911 641101->911 ()	641101	73 000 000	
31/01	102999	Kết chuyển 641 -> 911 641102->911 ()	641102	1 288 523	
31/01	102999	Kết chuyển 641 -> 911 641103->911 ()	641103	13 851 624	
31/01	102999	Kết chuyển 641 -> 911 641106->911 ()	641106	3 025 000	
31/01	102999	Kết chuyển 641 -> 911 641203->911 ()	641203	40 928 700	

.....

31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 6421702->911 ()	6421702	8 176 577	
31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 6421703->911 ()	6421703	19 828 733	
31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 6421704->911 ()	6421704	13 733 070	
31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 64217061->911 ()	64217061	66 450 926	
31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 6421707->911 ()	6421707	7 500 000	
31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 6421709->911 ()	6421709	165 404 816	
31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 6421801->911 ()	6421801	2 314 000	
31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 6421802->911 ()	6421802	241 841 550	
31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 6421803->911 ()	6421803	68 716 482	
31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 6421804->911 ()	6421804	12 838 148	
31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 6421805->911 ()	6421805	26 940 000	
31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 6421806->911 ()	6421806	22 000 000	
31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 6421807->911 ()	6421807	185 600 000	
31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 6421808->911 ()	6421808	31 859 332	
31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 6421809->911 ()	6421809	1 785 000	
31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 6421811->911 ()	6421811	50 000 000	
31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 6421817->911 ()	6421817	208 655 197	
31/12	55378	Kết chuyển 642 -> 911 6421819->911 ()	6421819	51 954 000	
31/12	55379	Kết chuyển 515 ->911 515->911 ()	515		1 390 563
31/12	55380	Kết chuyển 635 ->911 63515->911 ()	63515	153 895 890	
31/12	55381	Kết chuyển 811 ->911 811->911 ()	811	3 462 144 771	
31/12	55382	Kết chuyển 711 ->911 711->911 ()	711		6 272 727
31/12	55383	Kết chuyển Lỗ 911->4212 ()	4212		3 743 877 150

Tổng phát sinh nợ: 488 175 183 230

Tổng phát sinh có: 488 175 183 230

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày.... tháng.... năm....

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

Biểu 2.43. Sổ cái TK 911

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MẪU SỐ B02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	437.906.377.765	353.924.030.956
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	6.822.307.408	6.114.837.139
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	21	431.084.070.357	347.809.193.817
4. Giá vốn hàng bán	11	22	401.318.095.929	315.291.949.586
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.765.974.428	32.517.244.231
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		26.870.174	17.611.038
7. Chi phí tài chính	22		2.913.624.903	4.120.516.223
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.913.624.903	4.120.516.223
8. Chi phí bán hàng	25	23	3.105.109.926	2.861.292.339
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	27.054.241.500	26.486.996.171
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.280.131.727)	(933.949.464)
11. Thu nhập khác	31		32.729.272	105.851.209
12. Chi phí khác	32	24	42.474.704.655	42.988.189.162
13. Lợi nhuận khác	40		(42.441.975.383)	(42.882.337.953)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(45.722.107.110)	(43.816.287.417)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	17.501.182
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(45.722.107.110)	(43.833.788.599)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	(1.101)	(1.056)

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 01 năm 2026

Người lập



Lê Thị Thanh Chung

Kế toán trưởng



Đinh Ngọc Châu

Tổng giám đốc



Trương Phú Cường

Biểu 2.44. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CHƯƠNG III: MỘT SỐ NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN

3.1. Những nhận xét, đánh giá về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

3.1.1. Nhận xét chung

Nhìn chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân được tổ chức khá bài bản, tuân thủ cơ bản đúng quy định theo Thông tư 200/2014/TT-BTC. Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên phần mềm Fast Accounting kết hợp hóa đơn điện tử VNPT Invoice, giúp xử lý chứng từ nhanh chóng và hạn chế sai sót. Đồng thời, việc phân công công việc rõ ràng trong phòng kế toán góp phần nâng cao hiệu quả chuyên môn và đáp ứng kịp thời sự thay đổi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2025.

3.1.2. Ưu điểm

- **Về tổ chức hạch toán ban đầu:** Công ty tổ chức bộ máy kế toán tập trung, phân công nhiệm vụ rõ ràng, chứng từ được sử dụng và luân chuyển hợp lý, đảm bảo phản ánh đầy đủ nghiệp vụ phát sinh.
- **Về công tác hạch toán:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá xuất kho bình quân gia quyền, phù hợp với đặc thù sản xuất xi măng và đảm bảo xác định chính xác giá vốn.
- **Về hệ thống sổ sách kế toán:** Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung trên phần mềm Fast Accounting, giúp ghi chép, kiểm tra, tổng hợp số liệu và lập báo cáo nhanh chóng, chính xác.

3.1.3. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty vẫn còn một số hạn chế sau:

- Chiết khấu thương mại thiếu các ưu đãi hỗ trợ đại lý nhỏ và chính sách thanh toán sớm và mức chiết khấu tối đa chưa đủ sức cạnh tranh so với các đối thủ trên thị trường.
- Một số khoản chi phí phát sinh có tính chất phục vụ công tác quản lý doanh nghiệp nhưng hiện đang được hạch toán vào chi phí bán hàng, dẫn đến việc phân loại chi phí chưa thực sự hợp lý. Điều này có thể ảnh hưởng đến tính chính xác trong việc phản ánh cơ cấu chi phí cũng như kết quả hoạt động của từng bộ phận, gây khó khăn cho công tác phân tích và đánh giá hiệu quả quản lý chi phí của doanh nghiệp.

- Quy mô hoạt động của Công ty tương đối lớn và nghiệp vụ phát sinh nhiều, việc tính giá vốn chủ yếu bằng file Excel rồi mới nhập số liệu vào phần mềm Fast để ghi sổ vẫn còn mang tính thủ công, dễ xảy ra sai sót và mất nhiều thời gian đối chiếu số liệu. Đồng thời, phiên bản phần mềm cũ cũng còn hạn chế trong việc tự động hóa quy trình kế toán và liên kết dữ liệu giữa các bộ phận.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

3.2.1. Về bộ máy kế toán

- Công ty nên cử 1-2 nhân viên kế toán (ưu tiên kế toán tổng hợp hoặc kế toán trưởng tương lai) tham gia các chương trình đào tạo chuyên sâu về chuyên đổi số và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong kế toán.

3.2.2. Về khoản chiết khấu thương mại

Nhằm nâng cao sức cạnh tranh và khuyến khích nhà phân phối, em đề xuất bảng chiết khấu thương mại mới cho Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân như sau:

TT	Địa bàn	Nhà phân phối	Sản lượng giao tối thiểu (tấn)		Mức chiết khấu (đồng/tấn)			Ưu đãi
			Cột 1	Cột 2	Cột 3	Cột 4	Cột 5	
1	Xã Lệ Thủy, Cam Hồng, Sen Ngự, Tân Mỹ, Trường Phú, Lệ Ninh, Kim Ngân (Quảng Trị)	Duy Tâm	250	450	40.000	70.000	125.000	Hỗ trợ vận chuyển
2	Xã Quảng Ninh, Trường Ninh, Trường Sơn, Ninh Châu (Quảng Trị)	Hòa Phát	85	200	40.000	70.000	125.000	Trà chậm 15 ngày
3	Phường Đồng Hới (Quảng Trị)	738	30	90	40.000	70.000	125.000	Hỗ trợ marketing
4	Các dự án, công trình tại Quảng Trị	Tân Gia Phát	30	80	40.000	70.000	125.000	Ưu tiên giao hàng
5	Các dự án, công trình tại Quảng Trị	Vicem VLXD	60	110	40.000	70.000	125.000	Hỗ trợ kỹ thuật

Biểu 2.45. Bảng CKTM sau khi điều chỉnh

Căn cứ vào đề xuất điều chỉnh chính sách chiết khấu thương mại hỗ trợ cho nhà phân phối, bảng tổng hợp chiết khấu của Công ty 738 sẽ được cập nhật tương ứng như sau:

XÍ NGHIỆP TIÊU THU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

BẢNG TỔNG HỢP CHIẾT KHẤU THÁNG 12/2025

Tên Nhà phân phối: Công ty TNHH 738

Kính gửi: Tổng giám đốc

Kế toán trưởng

Chủng loại	Sản lượng tiêu thụ (Tấn)	Mức chiết khấu (Đồng/Tấn)	Tiền chiết khấu được nhận (Đồng)	Ghi chú
Xi măng Vicem Hải Vân PCB30 bao	15,00	40.000	600.000	
Xi măng Vicem Hải Vân PCB40 bao	18,00		720.000	
Tổng sản lượng tháng 12	33,00		1.320.000	

Biểu 2.46. Bảng tổng hợp chiết khấu sau khi điều chỉnh

3.2.3. Về hạch toán giá vốn hàng bán

- Công ty nên từng bước nâng cấp phần mềm kế toán hoặc bổ sung thêm các chức năng hỗ trợ quản lý kho và tính giá vốn tự động nhằm giảm bớt thao tác thủ công trên Excel.

3.2.4. Về hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- Công ty cần thực hiện phân loại chi phí phù hợp với nội dung và mục đích sử dụng của từng khoản chi phí phát sinh. Đối với các khoản chi phí mang tính chất phục vụ công tác quản lý chung của doanh nghiệp, Công ty nên hạch toán vào TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp thay vì ghi nhận vào TK 641 - Chi phí bán hàng như hiện nay.
- Em đã đề xuất điều chỉnh lại Sổ cái TK 641, TK 642 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhằm phản ánh chính xác hơn cơ cấu chi phí của doanh nghiệp. Cụ thể:

SỔ CÁI TÀI KHOẢN					
Tài khoản: 641 – Chi phí bán hàng					
Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025					
CHỨNG TỬ		DIỄN GIẢI	TÀI KHOẢN	SỐ PHÁT SINH	
Ngày	Số			Nợ	Có
		...			
29/12	682	Thanh toán chi phí tiếp khách (công ty cổ phần xi măng vicem hải vân)	1111	8.890.826	
31/12	0036	Xuất hàng tặng phẩm T12/2025 cho XNTT (CN Công ty CP XM Vicem Hải Vân-Xi nghiệp Tiêu Thụ)	51182	47.402.778	
31/12	0036	Xuất hàng tặng phẩm T12/2025 cho XNTT (CN Công ty CP XM Vicem Hải Vân-Xi nghiệp Tiêu Thụ)	33311	3.792.222	
31/12	0036	Xuất hàng tặng phẩm T12/2025 cho XNTT (CN Công ty CP XM Vicem Hải Vân-Xi nghiệp Tiêu Thụ)	51182	63.731.818	
31/12	0036	Xuất hàng tặng phẩm T12/2025 cho XNTT (CN Công ty CP XM Vicem Hải Vân-Xi nghiệp Tiêu Thụ)	33311	6.373.182	
31/12	1	Trích chi phí tài chế vô báo T12/2025	33534	31.322.751	
		...			
Tổng phát sinh nợ: 3.003.355.867				3.003.355.867	
Tổng phát sinh có: 3.003.355.867				3.003.355.867	
Số dư cuối kỳ:				0	

Biểu 2.47. Sổ cái TK 641 sau khi điều chỉnh

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
Tài khoản: 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp
Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TÀI KHOẢN	SỐ PHÁT SINH	
Ngày	Số			Nợ	Có
		...			
14/01	29	Chi phí dịch vụ tư vấn công bố thông tin và cung cấp công quan hệ nhà đầu tư trực tuyến EZIR 01/01/2025-31/12/2025 (Cty CP chứng khoán FPT-CN TP HCM (FPTS)	331	60.000.000	Trường hợp 2
		...			
31/10	3394	Phí tư vấn hỗ trợ và chuyển giao bí quyết về TT sản phẩm và tổ chức QLTT O	33538	31.358.645	641-> 642
		...			
30/11	3395	Phí tư vấn hỗ trợ và chuyển giao bí quyết về TT sản phẩm và tổ chức QLTT O	33538	31.561.283	641-> 642
		...			
29/12	288	Chi phí chăm mực, thay mực máy in (Công ty TNHH TM DV Bảo Tín)	331	4.385.909	Trường hợp 1
		...			
29/12	6	Chi phí tư vấn kiểm kê khi nhà kinh theo HĐ 146/2025-IEG ngày 14/03/2025 (Tổ 35 cụm 5, Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội)	331	95.238.095	Trường hợp 3
		...			
31/12	1	Phí tư vấn hỗ trợ và chuyển giao bí quyết về TT sản phẩm và tổ chức QLTT O	33538	39.882.884	641-> 642
		...			

Tổng phát sinh nợ: 27.770.089.802

Tổng phát sinh có: 27.770.089.802

Số dư cuối kỳ: 0

Biểu 2.48. Sổ cái TK 642 sau khi điều chỉnh

PHỤ LỤC 03-1A			
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)			
Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam			
STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	437,906,377,765
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	6,822,307,408
a	Chiết khấu thương mại	[07]	6,822,307,408
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	26,870,174
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	0
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	431,477,447,355
a	Giá vốn hàng bán	[13]	401,318,095,929
b	Chi phí bán hàng	[14]	3,003,355,867
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	27,770,089,802
5	Chi phí tài chính	[16]	2,913,624,903
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	2,913,624,903
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	(3,280,131,727)
7	Thu nhập khác	[19]	32,729,272
8	Chi phí khác	[20]	42,474,704,655
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	(42,441,975,383)
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	(45,722,107,110)

Biểu 2.49. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sau khi điều chỉnh

KẾT LUẬN

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ vai trò then chốt, là “bộ não tài chính” giúp nhà quản trị đánh giá đúng hiệu quả hoạt động và đưa ra những quyết định kịp thời, đúng đắn.

Trong bối cảnh ngành xi măng đang gặp nhiều khó khăn do dư cung và cạnh tranh gay gắt, Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân vẫn duy trì hoạt động nhờ tập trung vào kinh doanh xi măng và kiểm soát tốt quy trình hạch toán. Công ty đã cơ bản tuân thủ chế độ kế toán hiện hành, áp dụng hóa đơn điện tử và hình thức kế toán Nhật ký chung trên phần mềm kế toán. Bộ máy kế toán được tổ chức khá rõ ràng, phản ánh kịp thời tình hình doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh. Tuy nhiên, công ty vẫn còn một số hạn chế về công nghệ phần mềm, quy trình xử lý nghiệp vụ và khả năng hỗ trợ thông tin cho công tác quản trị.

Trên cơ sở phân tích thực trạng, khóa luận đã đề xuất một số giải pháp đồng bộ nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty, tập trung vào việc nâng cấp hệ thống phần mềm, hoàn thiện quy trình hạch toán, tăng cường kiểm soát nội bộ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực kế toán.

Trong thời gian tới, cùng với sự phục hồi của ngành xây dựng tại khu vực miền Trung - Tây Nguyên, Vicem Hải Vân sẽ có nhiều cơ hội phát triển hơn. Đây cũng là lúc công tác kế toán cần tiếp tục đổi mới, hiện đại hóa để nâng cao chất lượng thông tin, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả quản lý của doanh nghiệp.

Với thời gian thực tập có hạn và kinh nghiệm thực tiễn còn chưa nhiều, khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý chân thành của quý Thầy Cô và các anh chị trong Công ty để đề tài được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn ThS. Huỳnh Thị Trang - giảng viên hướng dẫn đã tận tình chỉ bảo, định hướng và sửa chữa cho em trong suốt quá trình thực hiện khóa luận. Em cũng xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Ban lãnh đạo cùng toàn thể anh chị Phòng Kế toán - Tài chính Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân đã tạo điều kiện, hỗ trợ nhiệt tình và cung cấp số liệu giúp em hoàn thành đề tài này.

Em xin cảm ơn quý Thầy Cô Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đã trang bị cho em nền tảng kiến thức vững chắc trong suốt thời gian học tập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thông tư 200/2014/TT - BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành.
2. Thông tư 99/2025/TT - BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành.
3. Bộ phận kế toán Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân (2025), Báo cáo tài chính thường niên năm 2025.
4. Sổ sách kế toán và chứng từ nội bộ của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân (2025).
5. Trang web của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân [<https://vicem.vn/cong-ty-co-phan-xi-mang-vicem-hai-van-356.html>].
6. Chuẩn mực Kế toán Việt Nam - Vietnam Accounting Standards (VAS).
7. Giáo trình Kế toán tài chính 3.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC
ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN ...KẾ...TOÁN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 06. năm 2026

MẪU ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI

Khai báo của Sinh viên về việc Sử dụng Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh có Trách nhiệm

Tôi,Phạm Thị Minh Hà....., cam đoan rằng tôi đã sử dụng có trách nhiệm các công cụ Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh (GenAI) trong quá trình chuẩn bị Khoá luận này.

Bằng việc ký vào đơn này, tôi xác nhận các nội dung sau:

1. Khai báo sử dụng AI

Vui lòng cho biết bạn có sử dụng bất kỳ công cụ AI tạo sinh nào (ví dụ: ChatGPT, Gemini, v.v.) trong việc tạo ra bài làm này hay không:

- ☒ **Có**, tôi có sử dụng các công cụ AI trong bài đánh giá này.
- ☐ **Không**, tôi không sử dụng bất kỳ công cụ AI nào.

2. Chi tiết về việc sử dụng AI (Nếu bạn chọn "Có" ở trên)

- Các công cụ AI đã sử dụng:**

.....Chat GPT.....
.....Gemini.....
.....

- Mục đích sử dụng AI** (ví dụ: tìm ý tưởng, soạn thảo, tóm tắt, chỉnh sửa):

.....Kiểm tra và sửa lỗi chính tả, tóm tắt, diễn đạt lại một số.....
.....nội dung để hiểu và logic hơn.....

- Các phần cụ thể có sự hỗ trợ của AI:**

.....Sửa lỗi chính tả toàn bộ khóa luận.....
.....Hỗ trợ diễn đạt lại phần giải thích của chương II.....
.....

Tôi xác nhận rằng tôi đã xem xét kỹ lưỡng và xác thực tất cả nội dung do AI tạo ra về tính chính xác, tính nguyên bản và sự phù hợp.

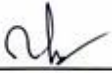
- ☒ **Có**

3. Liêm chính, Trách nhiệm Học thuật và Tuân thủ Đạo đức và Pháp luật

- Tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung của bài nộp này và xác nhận rằng AI chỉ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, không phải là tác giả chính cho bài làm của tôi.
- Tôi xác nhận rằng AI không được sử dụng để ngụy tạo, làm giả hoặc thao túng dữ liệu.
- Tôi đã đảm bảo rằng không có dữ liệu bí mật hoặc riêng tư nào được chia sẻ với các công cụ AI mà không có sự cho phép thích hợp.
- Tôi đã tuân thủ tất cả các yêu cầu pháp lý liên quan đến bảo vệ dữ liệu và sở hữu trí tuệ, đồng thời đã trích dẫn nguồn một cách thích hợp.
- Bài đánh giá này phản ánh nỗ lực trí tuệ cá nhân của tôi, và trách nhiệm đối với bài làm này hoàn toàn thuộc về cá nhân tôi.

Cam kết

- Tôi hiểu rằng bất kỳ sự thiếu tuân thủ nào đối với việc sử dụng AI có trách nhiệm, bao gồm việc không khai báo sử dụng AI hoặc trình bày sai sự thật, có thể dẫn đến việc Khóa luận tốt nghiệp của tôi bị từ chối mà không cần xem xét thêm.
- Bằng việc ký vào đơn này, tôi khẳng định rằng bài nộp này phản ánh trung thực bài làm của tôi và tôi đã tuân thủ các nguyên tắc sử dụng AI có trách nhiệm.

Chữ ký:  Ngày: 01/06/2026

PHỤ LỤC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày: 01/01/2025 đến ngày: 31/12/2025

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....					
		Văn Sa)			
		Phải thu của khách hàng - VNĐ	1311	70 000 000	
		Doanh thu bán xi măng	51121		70 000 000
		Giá vốn Xi măng Hải Vân	63211	65 120 033	
		Thành phẩm - Line 1 - Wallcem - Bao - Vicem	1550214VC		65 120 033
		Phải thu của khách hàng - VNĐ	1311	5 600 000	
		Thuế GTGT đầu ra phải nộp	33311		5 600 000
.....					
14/01	PKT 29	Chi phí dịch vụ tư vấn công bố thông tin và cung cấp cổng quan hệ nhà đầu tư trực tuyến EZIR 01/01/2025-31/12/2025 (Cty CP chứng khoán FPT-CN TPHCM (FPTS))			
		Phải trả cho người bán	331		66 000 000
		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá vật tư	1331	6 000 000	
		Dịch vụ mua ngoài khác	6421709	60 000 000	
.....					
29/12	PC 682	Thanh toán chi phí tiếp khách (Công Ty Cổ Phần Xi Măng Vicem Hải Vân)			
		Tiền Việt Nam	1111		9 700 000
		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá vật tư	1331	809 174	
		Chi phí tiếp khách	641706	8 890 826	
.....					
29/12	PKT 288	Chi phí chăm mực, thay mực máy in (Công ty TNHH TM DV Bảo Tín)			
		Phải trả cho người bán	331		4 736 782
		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá vật tư	1331	350 873	
		Văn phòng phẩm	6421201	4 385 909	
.....					
29/12	PKT 6	Chi phí tư vấn kiểm kê khí nhà kính theo HD 146/2025-IEG ngày 14/3/2025 (Viện Khoa học môi trường và Chứng nhận chất lượng hàng hóa)			
		Phải trả cho người bán	331		100 000 000
		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá vật tư	1331	4 761 905	
		Chi phí vệ sinh môi trường	6421817	95 238 095	
.....					
30/12	HD 032	Phí cập cảng Hải Vân quý 4/2025 (Công Ty Cổ Phần Xi Măng Vicem Hải Vân)			
		Phải thu khác	1388	6 272 727	
		Thu nhập khác	711		6 272 727
		Phải thu khác	1388	627 273	
		Thuế GTGT đầu ra phải nộp	33311		627 273
.....					

31/12	HD	1958	Gia công XM bao 40 KPK (Clinker Hải Vân) (Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hoàng Thạch)			
			Phải thu của khách hàng - VNĐ	1311	62 095 000	
			Doanh thu gia công xi măng	51131		62 095 000
			Giá vốn gia công xi măng	63213	48 599 763	
			Thành phẩm - Line 2 - PCB40 - Bao KPK GC H.Thạch	1550222KP		48 599 763
			Phải thu của khách hàng - VNĐ	1311	4 967 600	
			Thuế GTGT đầu ra phải nộp	33311		4 967 600

....

31/12	HD	0047	Chiết khấu TM xi măng Vicem Hải Vân PCB 30 (Công ty TNHH 738)			
			Chiết khấu bán thành phẩm	5212	210 000	
			Phải thu của khách hàng - VNĐ	1311		210 000
			Thành phẩm - Vạn ninh - PCB30 - Bao - Vicem	1553231VC		
			Giá vốn Xi măng Vạn Ninh	63212		
31/12	HD	0047	Chiết khấu thương mại XM Vicem Hải Vân PCB 40 Bao KPK (Công ty TNHH 738)			
			Chiết khấu bán thành phẩm	5212	435 000	
			Phải thu của khách hàng - VNĐ	1311		435 000
			Thành phẩm - Vạn ninh - PCB40 - Bao - Vicem	1553232VC		
			Giá vốn Xi măng Vạn Ninh	63212		
			Phải thu của khách hàng - VNĐ	1311	-51 600	
			Thuế GTGT đầu ra phải nộp	33311		-51 600

....

31/12	UNC	tn	Lai TGNH T12.2025 (Công Ty Cổ Phần Xi Măng Vicem Hải Vân)			
			Tiền gửi ngân hàng NN & PT NT KCN Hòa Khánh	1121F	320 800	
			Doanh thu hoạt động tài chính	515		320 800

....

31/10	PKT	3394	Phí tư vấn hỗ trợ và chuyển giao bí quyết về TT sản phẩm và tổ chức QLTT			
			Phí Tổng công ty	641611	31 358 645	
			Trích chi phí khác	33538		31 358 645
			Phí Tổng công ty	6421503	31 358 645	
			Trích chi phí khác	33538		31 358 645

....

31/12	HD	0036	Xuất hàng tặng phẩm T12/2025 cho XNTT (CN Công ty CP XM Vicem Hải Vân- Xí nghiệp Tiêu Thụ)			
			Chi phí hỗ trợ tiêu thụ khác	6417045	47 402 778	
			Doanh thu khác	51182		47 402 778
			Giá vốn khác	63231	47 402 778	
			Vật liệu phụ	1527		47 402 778
			Chi phí hỗ trợ tiêu thụ khác	6417045	3 792 222	
			Thuế GTGT đầu ra phải nộp	33311		3 792 222
31/12	HD	0036	Xuất hàng tặng phẩm T12/2025 cho XNTT (CN Công ty CP XM Vicem Hải Vân- Xí nghiệp Tiêu Thụ)			

....

			Chi phí hỗ trợ tiêu thụ khác	6417045	63 731 818	
			Doanh thu khác	51182		63 731 818
			Giá vốn khác	63231	63 731 818	
			Vật liệu phụ	1527		63 731 818
			Chi phí hỗ trợ tiêu thụ khác	6417045	6 373 182	
			Thuế GTGT đầu ra phải nộp	33311		6 373 182

....

31/12	PKT	1	Trích chi phí tái chế vỏ bao T12/2025			
			Chi phí bao bì đóng gói	641203	31 322 751	
			Trích chi phí nguyên vật liệu	33534		31 322 751

.....

31/12	PKT	1	Phí tư vấn hỗ trợ và chuyển giao bí quyết về TT sản phẩm và tổ chức QLTT			
			Phí Tổng công ty	641611	39 882 884	
			Trích chi phí khác	33538		39 882 884
			Phí Tổng công ty	6421503	39 882 884	
			Trích chi phí khác	33538		39 882 884

....

31/12	PKT	TAM	hạch toán chi phí dừng lò t12.2025 (CN Công ty CP Xi măng Vicem Hải Vân- NM XM Vạn Ninh)			
			Phải thu nội bộ khác tại Chi nhánh Vạn Ninh	13684		6 246 512 359
			Giá vốn nội bộ khác Vạn Ninh	63282	2 787 821 944	
			Chi phí khác	811	3 458 690 415	

.....

Tổng cộng: 5 173 246 402 304 5 173 246 402 304

Ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI GHI SỔ
Ký, họ tên

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Ký, họ tên

GIÁM ĐỐC
Ký, họ tên, đóng dấu

Đinh Ngọc Châu

Trương Phú Cường

Phụ lục số 01. Sổ nhật ký chung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO HÀNG HÓA

Tháng 01/2025

Căn cứ Hợp đồng số 1385/XMHV.LVS.2025 ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc mua bán Xi măng giữa Công ty CP Xi măng Vicem Hải Vân và Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Lê Văn Sa

Hôm nay, ngày 10 tháng 01 năm 2025. Tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân, chúng tôi gồm có:

I. Bên bán: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN (Bên A)

- Ông: **Trần Việt Hồng** Chức vụ: **Tổng giám đốc**
- Địa chỉ: 65 Nguyễn Văn Cừ, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
- Điện thoại: 0236.3842648 Fax: 0236.3842441

II. Bên mua: CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LÊ VĂN SA (Bên B)

- Ông: **Lê Văn Sa** Chức vụ: **Giám đốc**
- Địa chỉ: Khối 7B, Phường Điện Nam Đông, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
- Điện thoại: 0913.477.446 Fax: 0235.3758564

Hai bên thống nhất sản lượng tiêu thụ xi măng Vicem Hải Vân từ 0h ngày 10/01/2025 đến 24h ngày 31/01/2025 như sau:

TT	Tên hàng hóa	Địa bàn	Số lượng (tấn)
1	Xi măng Walcem xây tô	Huyện Điện Bàn (Quảng Nam)	63,00
	Tổng cộng		63,00

Hai bên thống nhất số liệu tiêu thụ trên. Biên bản này là cơ sở cho việc xuất hóa đơn giá trị gia tăng của hai bên.

Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**
Trần Việt Hồng

**ĐẠI DIỆN BÊN B**
Lê Văn Sa

Phụ lục số 02. Biên bản giao hàng hoá

Số: 349 /XMHV-XNTT

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức chiết khấu thương mại đối với xi măng bao Vicem Hải Vân PCB30, PCB40 cho các Nhà phân phối nhận xi măng tại Nhà máy Vạn Ninh tiêu thụ tại Quảng Trị.

**TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN**

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân;
Căn cứ Quy chế bán xi măng số 30/QĐ/XMHV-HĐQT ngày 31/12/2008 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Hải Vân;
Căn cứ Tờ trình ngày 27/11/2025 của Xi nghiệp Tiêu thụ về việc chính sách bán hàng tháng 12/2025 cho Nhà phân phối tiêu thụ xi măng đã được Lãnh đạo Công ty phê duyệt.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức chiết khấu thương mại đối với xi măng bao Vicem Hải Vân PCB30, PCB40 cho các Nhà phân phối nhận xi măng tại máng xuất nhà máy Vạn Ninh tiêu thụ tại Quảng Trị:

1. Chiết khấu thương mại cho Nhà phân phối

1.1. Sản lượng giao tối thiểu và mức chiết khấu thương mại:

TT	Địa bàn	Nhà phân phối	Sản lượng giao tối thiểu (tấn)		Mức chiết khấu (đồng/tấn)		
			Cột 1	Cột 2	Cột 3	Cột 4	Cột 5
1	Xã Lệ Thủy, Cam Hồng, Sen Ngư, Tân Mỹ, Trường Phú, Lệ Ninh, Kim Ngân (Quảng Trị)	Duy Tâm	200	400	30.000	50.000	100.000
2	Xã Quảng Ninh, Trường Ninh, Trường Sơn, Ninh Châu (Quảng Trị)	Hòa Phát	75	150	30.000	50.000	100.000
3	Phường Đồng Hới (Quảng Trị)	738	20	80	30.000	50.000	100.000
4	Các dự án, công trình tại Quảng Trị	Tân Gia Phát	20	80	30.000	50.000	100.000
5	Các dự án, công trình tại Quảng Trị	Vicem VLXD	50	100	30.000	50.000	100.000

1.2. Điều kiện hưởng mức chiết khấu thương mại

- Nhà phân phối tiêu thụ không đạt sản lượng giao tại cột 1, mức chiết khấu thương mại 0 đồng/tấn.

- Nhà phân phối tiêu thụ sản lượng đạt bằng cột 1 đến dưới cột 2 thì được hưởng mức chiết khấu thương mại tại cột 3 và được hưởng từ lần thứ nhất đến lần cuối cùng.

- Nhà phân phối tiêu thụ sản lượng đạt bằng cột 2 thì được hưởng mức chiết khấu thương mại tại cột 4 và được hưởng từ lần thứ nhất đến lần cuối cùng.

- Nhà phân phối tiêu thụ sản lượng đạt từ cột 2 trở lên thì được hưởng mức chiết khấu thương mại như sau:

+ Mức chiết khấu 50.000 đồng/tấn (cột 4), được hưởng từ lần thứ nhất đến lần cuối cùng.

+ Mức chiết khấu 100.000 đồng/tấn (cột 5), được hưởng từ lần trên cột 2 (cột 2 + 1) đến lần cuối cùng.

Điều 2. Hình thức chi trả chiết khấu thương mại bằng cách ghi trên hóa đơn GTGT cho Nhà phân phối. Các mức chiết khấu trên chưa bao gồm thuế GTGT.

Điều 3. Thời gian thực hiện: Từ 0h ngày 01/12/2025 đến 24h ngày 31/12/2025.

Điều 4. Các ông, bà: Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kế hoạch, Phụ trách Xi nghiệp Tiêu thụ và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, TCHC, XNTT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Việt Hồng



QUYẾT ĐỊNH

V/v chiết khấu thương mại cho các Nhà phân phối tiêu thụ xi măng bao (xi măng Wallcem xây tô, Wallcem đa dụng PCB40, Vicem Hải Vân PCB30, PCB40) nhận hàng tại Nhà máy Hải Vân (P. Hải Vân, Đà Nẵng) và NM Vạn Ninh (xã Trường Ninh, Quảng Trị)

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân;
Căn cứ Tờ trình chính sách ngày 27/11/2025 của Xí nghiệp Tiêu thụ về việc chính sách bán hàng cho Nhà phân phối tiêu thụ xi măng trong tháng 12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quyết định về việc chiết khấu thương mại cho các Nhà phân phối tiêu thụ xi măng bao (bao gồm xi măng Wallcem xây tô; Wallcem đa dụng PCB40; Vicem Hải Vân PCB30, PCB40) nhận hàng tại Nhà máy Hải Vân (P.Hải Vân, Đà Nẵng) và Nhà máy Vạn Ninh (xã Trường Ninh, Quảng Trị) như sau:

1. Sản lượng giao và mức chiết khấu

Chủng loại	Tổng sản lượng giao tối thiểu (tấn)	Mức chiết khấu (đồng/tấn)
	Cột 1	Cột 2
Xi măng bao (Bao gồm xi măng Wallcem xây tô; Wallcem đa dụng PCB40 và xi măng Vicem Hải Vân PCB30, PCB40)	20	40.000

- Nhà phân phối tiêu thụ không đạt sản lượng giao tại cột 1, mức chiết khấu thương mại 0 đồng/tấn.
- Nhà phân phối tiêu thụ đạt sản lượng giao tại cột 1, thì được hưởng mức chiết khấu tại cột 2 và được hưởng từ tấn thứ nhất đến tấn cuối cùng.

2. Chi trả chiết khấu thương mại

Chiết khấu thương mại được chi trả bằng cách ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng. Mức chiết khấu trên chưa bao gồm thuế GTGT.

Điều 2. Thời gian thực hiện: Từ 0h ngày 22/12/2025 đến 24h ngày 27/12/2025.

Phụ lục số 03. Hợp đồng CKTM với các nhà phân phối (2 chương trình)

TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VICEM HẢI VÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

XÍ NGHIỆP TIÊU THỤ

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 12 năm 2025

TỜ TRÌNH

"V/v tiếp thầu thợ sử dụng xi măng Wallcem đa dụng PCB40, Wallcem xây tô tại Đà Nẵng"

Kính gửi: Lãnh đạo Công ty

Sản phẩm xi măng Wallcem đa dụng PCB40 bao đang trong quá trình tiếp cận các khách hàng xây dựng thông qua đội ngũ thầu thợ, nhờ những đánh giá tích cực của đội ngũ thầu thợ trong suốt thời gian qua nên sản phẩm ngày càng được tin dùng vào các dự án công trình.

Nhằm cảm ơn và gắn kết hơn nữa với đội ngũ thầu thợ và nhà sản xuất, tạo niềm tin vào sản phẩm xi măng của Vicem Hải Vân, Xí nghiệp Tiêu thụ đề xuất tổ chức buổi gặp mặt với các chủ thầu và thợ xây dựng đã thường xuyên ủng hộ, giới thiệu sản phẩm đến đại đa số khách hàng, dự kiến buổi gặp mặt như sau:

- Gặp mặt thợ thầu tại phường Hải Vân, phường Liên Chiểu: số lượng dự kiến 15 người.
- Gặp mặt thợ thầu tại phường Hòa Khánh: số lượng dự kiến 15 người.
- Dự kiến thời gian tổ chức: Trong tháng 12
- Dự kiến chi phí: 10.000.000 đồng. Thanh toán theo thực tế.

Kính trình Lãnh đạo công ty phê duyệt để thực hiện.

Xí nghiệp Tiêu thụ


Nguyễn Ngọc Nghĩa

Tổng giám đốc phê duyệt

Người đề nghị


Phan Mạnh


Trần Việt Hồng

Phụ lục số 04. Tờ trình để giám đốc phê duyệt

BM01-HC-5/02/01.7.2017

CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM HÀI VÂN
PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Về việc kiểm tra trang thiết bị văn phòng hư hỏng

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 00 ngày 23 tháng 12 năm 2025;

Tại: Văn phòng Công ty, số 65 Nguyễn Văn Cừ

Đại diện các bên gồm có:

1. Ông: Nguyễn Hoàng Trí

Chức vụ: PTGD kiêm TP Kỹ thuật

2. Ông: Nguyễn Hồng Kỳ

Chức vụ: PP TCHC

3. Bà: Lê Thị Thanh Chung

Chức vụ: PP Kế toán

Cùng tiến hành lập biên bản kiểm tra trang thiết bị Văn phòng gồm những nội dung sau:

2. Tên thiết bị :

- Máy in Canon 2900

- Đơn vị sử dụng: Phòng Tài chính Kế toán.

2. Tình trạng:

- Máy không bị mờ, bộ cơ nhận giấy bị hỏng.

3. Nguyên nhân hư hỏng:

- Sử dụng lâu ngày.

4. Biện pháp xử lý:

- Thuê đơn vị ngoài thay mới 01 hộp mực in loại 12A cho máy Canon 2900 và sửa chữa bộ cơ nhận giấy. (Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Bảo Tín theo HĐ số 1500 HĐNT/BT-XMHV)

Biên bản kết thúc 8 giờ 20 cùng ngày./.

P.TGD KIỂM TP KỸ THUẬT

PHÒNG TCHC

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG





Nguyễn Hoàng Trí

Nguyễn Hồng Kỳ

Lê Thị Thanh Chung

Phụ lục số 05. Biên bản kiểm tra thiết bị hư hỏng

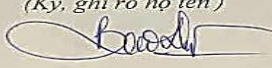
Đơn vị: Công Ty Bảo Tín
Địa chỉ:.....

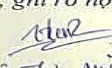
PHIẾU XUẤT KHO Số:.....
Ngày 24 tháng 12 năm 2025

Đơn vị : Công Ty CP Xi Măng Vicem Hải Vân
Bộ Phận : Phòng Hành chính

TT	Hàng hóa	ĐVT	SL	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
01	Hộp mực in 12A (2900)	Hộp	01		

Đà Nẵng, Ngày 24 tháng 12 năm 2025

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)


Người nhận hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Mỹ Tiên

Phụ lục số 06. Phiếu xuất kho mực in 12A

Đơn vị: Công Ty Bảo Tín
Địa chỉ:.....

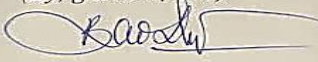
PHIẾU XUẤT KHO Số:.....

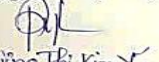
Ngày 24 tháng 12 năm 2025

Đơn vị : Công Ty CP Xi Măng Vicem Hải Vân
Bộ Phận : Kế Toán

TT	Hàng hóa	ĐVT	SL	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
01	Dịch vụ sửa chữa bộ cơ nhận giấy máy in 2900	Dịch vụ	01		

Đà Nẵng, Ngày 24 tháng 12 năm 2025

Người lập phiếu (Ký, ghi rõ họ tên) 

Người nhận hàng (Ký, ghi rõ họ tên) 
Trương Thị Kim Yến

Phục lục số 07. Phiếu xuất kho dịch vụ sửa chữa.

BM02-HIC-5/02/01.7.2017

CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM HẢI VÂN
PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Nghiệm thu công việc hoàn thành

Hôm nay, vào lúc 10 giờ 00 ngày 24 tháng 12 năm 2025;

Tại: Văn phòng Công ty, số 65 Nguyễn Văn Cừ

Dại diện các bên gồm có:

- Ông: Nguyễn Hoàng Trí
- Ông: Nguyễn Hồng Kỳ
- Bà: Lê Thị Thanh Chung

Chức vụ: PTGD kiêm TP Kỹ thuật

Chức vụ: PP TCHC

Chức vụ: PP Kế toán

Cùng tiến hành lập biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành gồm những nội dung sau:

1. Tên thiết bị :

- Máy in 2900
- Đơn vị sử dụng: Phòng Tài chính Kế toán

2. Nội dung nghiệm thu:

- Biên bản ngày 23/12/2025.
- Thay mới 01 hộp mực 12A và sửa chữa bộ cơ nhận giấy máy in Canon 2900.

3. Tình trạng thiết bị

- Máy in sau khi sửa chữa hoạt động bình thường.

4. Kết luận:

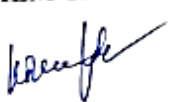
- Kính đề nghị Lãnh đạo Công ty đồng ý nghiệm thu.

Biên bản kết thúc 10 giờ 10 cùng ngày.

P.TGD KIỂM TP KỸ THUẬT

PHÒNG TCHC

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG


Nguyễn Hoàng Trí


Nguyễn Hồng Kỳ


Lê Thị Thanh Chung

Phụ lục số 08. Biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành

CÔNG TY TNHH TMẠI DỊCH VỤ BẢO TÍN
Địa chỉ: 778/26 Trần Cao Vân - Đà Nẵng
Tel: 3.8101486-0913.457850

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 12 năm 2025



BẢNG KÊ CHỨNG TỪ

(CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN)

STT	NGÀY PHÓ	MẶT HÀNG	SL	ĐƠN GIÁ (VND)	THÀNH TIỀN (VND)	BỘ PHẬN
01	04/12/2025	Mực chấm	01	81.818,2	81.818	P. Thí Nghiệm
02	05/12/2025	Mực chấm	01	81.818,2	81.818	P. Kế Toán
03	09/12/2025	Mực chấm	01	81.818,2	81.818	P. Kế Toán
04		Mực chấm	01	81.818,2	81.818	P. Kế Hoạch
05	11/12/2025	Mực chấm	01	81.818,2	81.818	P. Kế Toán
06		Mực chấm	01	81.818,2	81.818	P. Hành Chính
07	16/12/2025	Hộp mực in 26A	01	863.636,0	863.636	P. Vật Tư
08		Mực chấm	01	81.818,2	81.818	P. Kế Toán
09	22/12/2025	Mực chấm	01	81.818,2	81.818	Trạm Cân 2
10	23/12/2025	Mực in 12A (2900)	01	681.818,2	681.818	P. Kế Toán
11		Mực chấm	01	81.818,2	81.818	Trạm Cân 2
12		Mực in 12A (2900)	01	681.818,2	681.818	Trạm Cân 2
13	24/12/2025	Dịch vụ sửa chữa bộ cơ nhận giấy máy in 2900	01	695.000,0	695.000	P. Kế Toán
14	25/12/2025	Hộp mực in 35A	01	727.273,0	727.273	Trạm Cân 2
CỘNG					4.385.909	
Thuế GTGT 8%					350.873	
TỔNG CỘNG (giá sau thuế)					4.736.782	

Người lập

Huỳnh Thị Hồng Hạnh

Phụ lục số 09. Bảng kê chứng từ.

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 12 năm 2025

TỜ TRÌNH ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN
*V/v thanh toán chi phí chấm mực, thay hộp mực,
Sửa chữa máy in tháng 12/2025*

Kính gửi: Lãnh đạo Công ty

1. Căn cứ:

- Hợp đồng nguyên tắc số 1500/HĐNT/BT-XMHV ngày 31/12/2024 ký giữa Công ty CP Xi măng Vicem Hải Vân và Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Bảo Tín về việc cung cấp mực in và linh kiện thay thế cho máy in, máy fax năm 2025;
- Nhu cầu và tình hình sử dụng thực tế mực máy in của các đơn vị trong Công ty tháng 12/2025;

- Biên bản kiểm tra và nghiệm thu trang thiết bị VP hư hỏng.

2. Đơn vị đề nghị: Phòng TCHC. Người đề nghị: Trần Sinh Quân.

3. Nội dung thanh toán: Thanh toán chi phí chấm mực và thay hộp mực máy in tháng 12/2025.

Số tiền: **4.736.782 đồng** (Bằng chữ: Bốn triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn, bảy trăm tám mươi hai đồng.)

4. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản, với thông tin:

- Tên tài khoản: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Bảo Tín.

- Số tài khoản: 100214851001721.

- Tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Đà Nẵng.

5. Chứng từ kèm theo:

- 01 bảng kê và các phiếu xuất kho kèm theo; các biên bản kiểm tra và nghiệm thu trang thiết bị VP hư hỏng;

- Hóa đơn GTGT số 00000288 ngày 29/12/2025, số tiền là 4.736.782 đồng.

Kính trình./.

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Phòng TCHC

Người đề nghị



Trần Việt Hồng

Đinh Ngọc Châu

Nguyễn Hồng Kỳ

Trần Sinh Quân

Phụ lục số 10. Tờ trình đề nghị thanh toán.

1356

16/12/2024

HỢP ĐỒNG

CUNG CẤP DỊCH VỤ TƯ VẤN
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ CUNG CẤP CÔNG
QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ TRỰC TUYẾN EzIR

Giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN
Là Khách hàng

Và

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Là Bên Tư vấn



FPT Securities

Hợp đồng: 536 - 2024/FPTS/FCF-HCM/HVX
TP. Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 12 năm 2024

CƠ SỞ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT – Chi nhánh TP. HCM và Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ TƯ VẤN này được ký kết vào ngày 31. tháng 12. năm 2024 giữa các Bên có tên dưới đây:

BÊN KHÁCH HÀNG: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN

Trụ sở Đăng ký : 65 Nguyễn Văn Cừ, Phường Hoà Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Số Điện thoại : 0236 3842172

Số Fax : 0236 3842441

Mã số thuế : 0400101235

Tài khoản Ngân hàng số : 006502037

Tại Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Đà Nẵng

Người đại diện Ông Trần Việt Hồng

Chức vụ : Tổng Giám đốc

và

BÊN TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trụ sở Đăng ký : Tầng 3, Tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Số Điện thoại : 19006446

Số Fax : (028) 6291 0607

Mã số thuế : 0102324187 - 001

Tài khoản Ngân hàng số : 0000.6888.002

Tại Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện Ông Đinh Quang Thuần

Chức vụ : Giám đốc Tư Vấn Tài Chính Doanh Nghiệp - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Quyết định Ủy quyền : 108 - 2021/QĐ/FPTS-FHR ký ngày 21/12/2021

PHẦN I - CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ

Điều 1. Phạm vi công việc và thời gian thực hiện

1.1 Phạm vi công việc

Bên Tư vấn (FPTS) sẽ cung cấp cho Khách hàng dịch vụ Tư vấn Công bố thông tin và Cung cấp Cổng Quan hệ nhà đầu tư trực tuyến EzIR bao gồm các công việc cụ thể sau:

a. Tư vấn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán:

- Xây dựng Quy chế công bố thông tin; Sửa đổi, bổ sung Quy chế công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật hiện hành bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh.
- Nhắc nhở công bố thông tin định kỳ hàng quý theo quy định của pháp luật trên thị trường chứng khoán qua Thư điện tử (Email) cho Khách hàng.
- Giải đáp thắc mắc, tư vấn hỗ trợ cho Khách hàng các vấn đề liên quan đến công bố thông tin bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh theo quy định của pháp luật trên thị trường chứng khoán.
- Cập nhật cho Khách hàng các quy định và hướng dẫn mới về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán qua Email cho Khách hàng.

b. Cung cấp Cổng Quan hệ nhà đầu tư trực tuyến EzIR:

- Cung cấp công cụ để Khách hàng thực hiện công bố thông tin trên Cổng Quan hệ nhà đầu tư trực tuyến EzIR của FPTS và cho phép Khách hàng liên kết mục Quan hệ cổ đông trên website của Khách hàng với Cổng Quan hệ nhà đầu tư trực tuyến EzIR của FPTS (trong trường hợp Khách hàng có nhu cầu).
- Cho phép Khách hàng tra cứu và tải về các Nghị định, Thông tư, Biểu mẫu và các văn bản có liên quan đến công bố thông tin trên thị trường chứng khoán có hiệu lực đến thời điểm hiện tại. Các tài liệu này được đăng tải và cập nhật liên tục theo các quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán tại Danh mục quy định và biểu mẫu trên Cổng Quan hệ nhà đầu tư trực tuyến EzIR dành cho Khách hàng.
- Hỗ trợ giải đáp các thắc mắc của Khách hàng về hệ thống, xử lý các trường hợp cần thiết khác trong thẩm quyền và phạm vi tư vấn của Bên Tư vấn.

1.2 Thời gian thực hiện

- Thời gian thực hiện cung cấp dịch vụ là 01 năm kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.
- Hết thời hạn trên nếu Khách hàng không yêu cầu gì khác bằng văn bản thì Hợp đồng được tự động gia hạn cho đến khi hai bên tiến hành ký kết Biên bản thanh lý Hợp đồng.
- Đối với các tài liệu Công bố thông tin bằng Tiếng Anh được hai bên thống nhất qua email quy định tại Hợp đồng :
 - ❖ **Tin định kỳ:** Bên Tư vấn bàn giao trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi Khách hàng bàn giao dự thảo tài liệu Tiếng Việt.
 - ❖ **Tin bất thường:** Bên Tư vấn bàn giao trong vòng 12h kể từ khi Khách hàng bàn giao dự thảo tài liệu Tiếng Việt.

Điều 2. Mức phí, lịch thanh toán và phương thức thanh toán

2.1 Mức phí

- a. Tổng mức phí tư vấn tối thiểu là: 60.000.000 đồng/năm (Bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng/năm).
- b. Mức phí trên áp dụng cho Tài liệu công bố thông tin bằng Tiếng Anh có số trang tối đa là 50 trang đối với tin bất thường và 160 trang đối với tin định kỳ. Trong trường hợp vượt quá giới hạn trên, Bên Tư vấn sẽ phụ thu 240.000 đồng/01 trang đối với tin bất thường và 180.000 đồng/01 trang đối với tin định kỳ (01 trang tối đa 300 từ căn cứ trên dự thảo tài liệu Tiếng Việt Khách hàng cung cấp).
- c. Các mức phí tư vấn nêu trên chưa bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng (VAT)

2.2 Lịch thanh toán

- a. 100% mức phí tư vấn đã bao gồm VAT: 66.000.000 đồng/năm (Bằng chữ: Sáu mươi sáu triệu đồng/năm) sẽ được thanh toán trong vòng 10 ngày làm việc đầu tiên của Kỳ thanh toán. Kỳ thanh toán đầu tiên được tính từ ngày 01/01/2025.
- b. Phí tư vấn Công bố thông tin các tài liệu bằng Tiếng Anh phát sinh trong trường hợp vượt quá giới hạn số trang (tối đa 50 trang đối với tin bất thường và 160 trang đối với tin định kỳ) sẽ được hai bên thống nhất trong Biên bản nghiệm thu và được Bên Tư vấn thu vào đầu kỳ hạn tư vấn công bố thông tin tiếp theo, cùng lúc với phí tư vấn công bố thông tin đầu mỗi kỳ.

2.3 Phương thức thanh toán

Phí tư vấn sẽ được thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản bên thụ hưởng là:

- Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
- Số Tài khoản: 0000.6888.002
- Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

PHẦN II - CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Cung cấp và bảo mật thông tin

- a. Khách hàng có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin cho Bên Tư vấn để thực hiện dịch vụ tư vấn. Khách hàng hoàn toàn chịu trách nhiệm pháp lý về các thông tin khách hàng đã cung cấp.
- b. Bên Tư vấn không có trách nhiệm kiểm tra, thẩm tra, kiểm toán lại các thông tin, tài liệu đã nhận được từ Khách hàng. Bên Tư vấn không có trách nhiệm khẳng định hoặc bảo đảm về tính chính xác, đầy đủ của các thông tin do khách hàng cung cấp.
- c. Bên Tư vấn và Khách hàng cam kết thực hiện các biện pháp hợp lý để bảo mật thông tin Khách hàng và các tài liệu tư vấn.
- d. Bên Tư vấn và Khách hàng đều không bị ràng buộc trong việc cung cấp thông tin, tài liệu theo quy định của pháp luật hoặc bất kỳ nghĩa vụ nghề nghiệp hay nghĩa vụ quản lý nào.

Điều 2. Thông báo, liên lạc

- a. Trong quá trình thực hiện dịch vụ tư vấn, Bên Tư vẫn có thể trao đổi bằng Thư điện tử (Email) hoặc các phương tiện điện tử khác với Khách hàng và các nội dung trao đổi này được xem là chính thức để phục vụ cho việc tư vấn của Bên Tư vẫn.

Thông tin địa chỉ Email liên hệ theo quy định tại Khoản b Điều này. Trường hợp thay đổi địa chỉ email liên hệ, Khách hàng phải có thông báo bằng văn bản và/hoặc bằng email xác nhận với Bên Tư vẫn. Bên Tư vẫn không chịu trách nhiệm nếu Khách hàng không nhận được các thông tin liên quan từ Bên Tư vẫn do Khách hàng không cập nhật thay đổi thông tin liên hệ.

- b. Không mâu thuẫn với nội dung nêu trên, các thông tin, tài liệu bằng văn bản phải được gửi theo địa chỉ:

Gửi Bên Tư vẫn:

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, P. Nguyễn Thái Bình, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 19006446

Fax: (028) 6291 0560

Người nhận:

- Ông: Lý Thanh Châu – Trưởng nhóm Tư vấn Tài chính doanh nghiệp 01

Email: chault@fpts.com.vn

- Bà: Mai Thị Xuân Sang – Chuyên viên Tư vấn Tài chính doanh nghiệp

Email: sangmtx@fpts.com.vn

Gửi Khách hàng:

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

Địa chỉ: 65 Nguyễn Văn Cừ, Phường Hoà Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Điện thoại: 02363842172

Fax: 02363842441

Người nhận: Ông Đinh Ngọc Châu – Kế toán trưởng công ty

Và/Hoặc Bà Lê Thị Ánh Đào – Người Phụ trách Quản trị Công ty

Email: daoxmhaivan@gmail.com

Email nhận hóa đơn điện tử: daoxmhaivan@gmail.com

Điều 3. Giới hạn trách nhiệm pháp lý

- a. Trong mọi trường hợp, Bên Tư vấn sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ rủi ro, mất mát hay thiệt hại nào phát sinh từ hợp đồng này, ngoại trừ trường hợp Bên Tư vấn có ý đồ bất minh hoặc có vi phạm.
- b. Bên Tư vấn chỉ bồi thường nếu Khách hàng chứng minh có sai sót do chủ quan của Bên Tư vấn dẫn tới thiệt hại cho Khách hàng. Nhưng toàn bộ trách nhiệm của Bên Tư vấn đối với mọi yêu cầu bồi thường phát sinh từ việc cung cấp dịch vụ tư vấn, dưới bất kể hình thức gì, trong bất kỳ trường hợp nào, sẽ không vượt quá Phí tư vấn.

Điều 4. Chấm dứt hợp đồng

- a. Một trong hai bên có thể chấm dứt hợp đồng bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho bên kia trước thời điểm mong muốn chấm dứt hợp đồng ít nhất 01 (một) tháng. Hai bên sẽ tiến hành chấm dứt hợp đồng bằng cách ký kết Biên bản thanh lý hợp đồng.
- b. Mọi nghĩa vụ của Bên tư vấn theo hợp đồng này được xem là hoàn thành và chấm dứt, và Khách hàng cam kết từ bỏ tất cả các quyền khiếu nại Bên tư vấn vì bất kỳ lý do gì kể từ thời điểm Biên bản thanh lý hợp đồng được ký kết.

Điều 5. Luật điều chỉnh và giải quyết tranh chấp

- a. Tất cả nội dung và các điều khoản của Hợp đồng này được điều chỉnh bởi Luật pháp của Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- b. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh bất kỳ khó khăn, trở ngại nào, hai bên sẽ thông báo cho nhau, cùng bàn bạc, tìm biện pháp giải quyết. Mọi tranh chấp phát sinh (nếu có), sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng, hoà giải. Trường hợp các bên không giải quyết được bằng hoà giải, tranh chấp sẽ được đưa ra Toà Kinh tế thuộc Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh để giải quyết theo đúng quy định pháp luật, phán quyết của Tòa án là cuối cùng và bắt buộc các bên thi hành.

Điều 6. Ngôn ngữ hợp đồng, ngày hiệu lực

- a. Hợp đồng này được lập thành 04 bản gốc có giá trị pháp lý như nhau và bằng tiếng Việt.
- b. Hợp đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký Hợp đồng. Bên Tư vấn lưu giữ 01 bản, Khách hàng lưu giữ 03 bản.

BÊN TƯ VẤN
Giám đốc Tư Vấn Tài Chính Doanh Nghiệp



Đinh Quang Thuận

BÊN KHÁCH HÀNG
Tổng Giám đốc



Trần Việt Hồng

Phòng TCKT

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 01 năm 2025

TỜ TRÌNH ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

V/v: *phí tư vấn công bố thông tin và cung cấp cổng quan hệ nhà đầu tư trực tuyến EZIR 01/0/2025-31/12/2025 theo HD 536/2024/FPTS/FCF-HCM/HVX*

Kính gửi: Tổng Giám Đốc

- Căn cứ HD số 536/2024/FPTS/FCF-HCM/HVX ngày 31-12-2024 giữa Công ty CP xi măng Vicem Hải Vân và Công ty Cổ phần Chứng Khoán FPT – CN TP.Hồ Chí Minh về việc cung cấp dịch vụ tư vấn công bố thông tin và cung cấp cổng quan hệ trực tuyến EZIR từ 01/01/2025 đến 31/12/2025 của Công ty cổ phần xi măng Vicem Hải Vân;

- Căn cứ Hoá đơn GTGT số 29 ngày 09/01/2025.

Phòng Tài chính – Kế toán kính đề nghị lãnh đạo duyệt chuyển tiền thanh toán tiền cung cấp dịch vụ tư vấn công bố thông tin và cung cấp cổng quan hệ trực tuyến EZIR từ 01/01/2025 đến 31/12/2025 cho Công ty Cổ phần Chứng Khoán FPT – CN TP.Hồ Chí Minh như sau:

1/ Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền cung cấp dịch vụ tư vấn công bố thông tin và cung cấp cổng quan hệ trực tuyến EZIR từ 01/01/2025 đến 31/12/2025

2/ Số tiền đề nghị thanh toán: 66.000.000đ

(Bằng chữ: Sáu mươi sáu triệu đồng.)

3/ Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

- Tên người thụ hưởng: Công ty Cổ phần Chứng Khoán FPT – CN TP.Hồ Chí Minh

- Số tài khoản: 00006888002

- Tên ngân hàng: Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN HCM

2/ Chứng từ kèm theo: Đã CK 33tr ngày 22.1.2025

- Hóa đơn GTGT số 29 ngày 09/01/2025.

Kính trình./.

Tổng giám đốc

Kế toán trưởng

Người đề nghị

Nguyễn Thị Hải Vân

Phụ lục số 12. Tờ trình đề nghị thanh toán.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----000-----



HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Về việc: Tư vấn kiểm kê khí nhà kính

Số: 146/2025-IEG

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN

VÀ

VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

HÀNG HÓA

Hà Nội, 2025

PHẦN I NHỮNG CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc Hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 của Quốc Hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/6/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;
- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng;
- Căn cứ Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg ngày 13/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính (cập nhật);
- Thông tư số 13/2024/TT-BXD ngày 20/12/2024 của Bộ Xây dựng về Quy trình, quy định kỹ thuật kiểm kê khí nhà kính và đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ngành Xây dựng;
- Căn cứ nhu cầu và năng lực của hai bên.

PHẦN II CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân, chúng tôi bao gồm:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN

- Địa chỉ: Số 65 Nguyễn Văn Cừ, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng;
- Mã số thuế: 0100101235;
- Điện thoại: 0236.3842172;
- Tài khoản số: 110854699999 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) CN Đà Nẵng – Phòng giao dịch Hùng Vương;
- Đại diện: Ông Trần Việt Hồng Chức vụ: Tổng giám đốc.

Bên B: VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA

- Địa chỉ: Tổ 35 cụm 5, phường Xuân La, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;
- Mã số thuế: 0110820284;
- Điện thoại: 0984297412; Email: ieg.inspect@gmail.com;
- Tài khoản số: 737363636 tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ;
- Đại diện: Ông Nguyễn Đức Lương Chức vụ: Viện trưởng.

HỒ
M
HI
C

VOC
VIE
HOC
CHU
CHAI
HAN
Y H

10C
VIỆ
HỌC
CHỦ
CHÁI
HÀN
V. H. H.

- 10C
VIỆ
HỌC
CHỦ
CHÁI
HÀN
V. H. H.

10C
VIỆ
HỌC
CHỦ
CHÁI
HÀN
V. H. H.

10C
VIỆ
HỌC
CHỦ
CHÁI
HÀN
V. H. H.

- 10C
VIỆ
HỌC
CHỦ
CHÁI
HÀN
V. H. H.

10C
VIỆ
HỌC
CHỦ
CHÁI
HÀN
V. H. H.

10C
VIỆ
HỌC
CHỦ
CHÁI
HÀN
V. H. H.

- 10C
VIỆ
HỌC
CHỦ
CHÁI
HÀN
V H

- 10C
VIỆ
HỌC
CHỦ
CHÁI
HÀN
V. H. H.

10C
VIỆ
HỌC
CHỦ
CHÁI
HÀN
V H

- 10C
VIỆ
HỌC
CHỦ
CHÁI
HÀN
V. H. H.

- 11/11/11

- Thanh toán phí dịch vụ theo qui định tại Điều 7 của bản hợp đồng này.

- Trong trường hợp cần điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng, hai Bên sẽ thoả thuận và thống nhất bằng văn bản, tiến độ thực hiện Hợp đồng điều chỉnh sẽ là một phần không tách rời của Hợp đồng này.

4

- Tổng giá trị hợp đồng: **100.000.000 VND** (Bằng chữ: *Một trăm triệu đồng*);
- Chi phí trên đã bao gồm: Thuế VAT, chi phí tư vấn kiểm kê khí nhà kính và hoàn thành báo cáo kiểm kê khí nhà kính theo quy định của hợp đồng này;
- Chi phí trên không bao gồm: Chi phí thẩm định; chi phí thu mẫu, thử nghiệm (nếu có).

2. Hình thức thanh toán

Chi phí trên sẽ được bên A thanh toán cho bên B làm 2 lần, cụ thể như sau:

- Lần 1: 50% tổng giá trị hợp đồng tương ứng số tiền **50.000.000 VND** (Bằng chữ: *Năm mươi triệu đồng*) sau khi hợp đồng được ký kết và trước khi thực hiện công việc, và trong vòng 05 ngày kể từ khi nhận được Đề nghị thanh toán của Bên B;
- Lần 2: 50% tổng giá trị hợp đồng tương ứng số tiền **50.000.000 VND** (Bằng chữ: *Năm mươi triệu đồng*) trong vòng 15 ngày sau khi Bên B bàn giao cho Bên A bản Báo cáo kiểm kê khí nhà kính hoàn chỉnh (bản báo cáo được Hội đồng thẩm định báo cáo đồng ý thông qua), và Bên A nhận được Đề nghị thanh toán của Bên B; Hoá đơn VAT và Biên bản nghiệm thu hợp đồng.

3. Phương thức thanh toán: Bên A trả phí dịch vụ cho bên B bằng hình thức chuyển khoản vào Tài khoản của Bên B.

Điều 8: Bảo mật và quyền sở hữu

- Bên B phải tuyệt đối giữ bí mật tất cả các thông tin, dữ liệu mà Bên B nắm được trong thời gian hợp đồng, ngoại trừ những thông tin đã được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng. Bên B có trách nhiệm không được tiết lộ các nội dung của những tài liệu đó hoặc bất kỳ một thông tin nào khác cho bên thứ ba nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A. Trong các trường hợp được yêu cầu tiết lộ để tuân thủ các luật hoặc quy định hiện hành theo yêu cầu của Cấp có thẩm quyền và/hoặc Tòa án nhân dân các cấp và/hoặc quy định pháp luật quốc gia thì Bên B phải báo trước kèm theo chỉ tiết nội dung sẽ cung cấp và kế hoạch cung cấp;

- Tất cả những tài liệu, bản thảo, tính toán, ảnh và số liệu liên quan đến các hoạt động của Bên A là thuộc sở hữu của Bên A. Sau khi kết thúc hợp đồng, Bên B phải trả lại tất cả những tài liệu đó cho Bên A nguyên vẹn và theo thứ tự (nếu được yêu cầu);

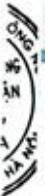
- Hợp đồng này có giá trị pháp lý như một cam kết mang tính ràng buộc với công việc giữa hai Bên, không Bên nào được sử dụng Hợp đồng vào mục đích khác, kể cả bao gồm chuyển nhượng Hợp đồng mà chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Bên còn lại.

Điều 9. Giải quyết tranh chấp:

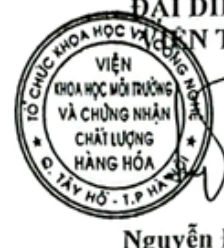
- Trong quá trình thực hiện, nếu có tranh chấp phát sinh thì hai bên sẽ thoả thuận và giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau;

- Trường hợp không thương lượng được thì mọi tranh chấp phát sinh sẽ được đưa trọng tài kinh tế giải quyết. Phán quyết của trọng tài kinh tế có giá trị bắt buộc thi hành đối với cả hai Bên. Các chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp do bên có lỗi chịu phí tổn.

Điều 10. Sửa đổi Hợp đồng và hiệu lực của Hợp đồng:



- Hợp đồng này có thể sửa đổi nếu các bên cùng thỏa thuận và được chấp nhận bằng văn bản;
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi tất cả các điều khoản quy định trong Hợp đồng này đã được hoàn thành và đại diện hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng;
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 2 bản làm cơ sở thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A NGƯỜI GIÁM ĐỐC  <i>[Signature]</i> Trần Việt Hồng	ĐẠI DIỆN BÊN B CHUYÊN TRƯỞNG  <i>[Signature]</i> Nguyễn Đức Lương
---	---



Phụ lục số 13. Hợp đồng giữa Công ty Hải Vân và Viện

**VIỆN KHOA HỌC
MÔI TRƯỜNG VÀ CHỨNG NHẬN
CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA**

Số: 146.1/IEG-2025
V/v: Đề nghị tạm ứng hợp đồng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Kính gửi: Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ khoa học và công nghệ số 146/2025-IEG được ký giữa Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân (Bên A) với Viện Khoa học môi trường và Chứng nhận chất lượng hàng hóa (Bên B) về việc tư vấn kiểm kê khí nhà kính.

Viện Khoa học môi trường và Chứng nhận chất lượng hàng hóa đề nghị quý Công ty thanh toán tạm ứng lần 1 để triển khai thực hiện hợp đồng với số tiền là: **50.000.000 VND (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng)**, theo thông tin tài khoản như sau:

Chủ tài khoản: Viện Khoa học môi trường và chứng nhận chất lượng hàng hóa.

Số tài khoản: 737363636.

Tại: Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ.

Xin trân trọng cảm ơn và mong nhận được sự hợp tác của quý Công ty.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



Phụ lục số 14. Giấy đề nghị tạm ứng

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VICEM HẢI VÂN
Phòng: Kỹ thuật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

V/v: tạm ứng chi phí Hợp đồng số 146/2025 – IEG v/v “Tư vấn kiểm kê khí nhà kính”

Kính gửi: Tổng giám đốc

- Căn cứ:

+ Khoản 2, Điều 7 Hợp đồng số 146/2025 – IEG v/v “Tư vấn kiểm kê khí nhà kính” giữa Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân và Viện Khoa học môi trường và Chứng nhận chất lượng hàng hóa.

- Đơn vị/Phòng ban đề nghị: Phòng Kỹ thuật

- Nội dung tạm ứng: Tạm ứng 50% giá trị Hợp đồng.

- Số tiền: 50.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng).

- Hình thức nhận tiền: Chuyển khoản. *Đã thanh toán 50% giá trị hợp đồng*
Ngày 15/4/2025 - 15:16:00

+ Tên người thụ hưởng: Viện Khoa học môi trường và Chứng nhận chất lượng hàng hóa.

+ Số tài khoản: 737363636

+ Tên ngân hàng: Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ.

- Thời hạn hoàn ứng: Sau khi kết thúc HĐ.

Kính trình!

Tổng giám đốc

Kế toán trưởng

Phòng Kỹ thuật

Phụ lục số 15. Tờ trình đề nghị tạm ứng

**BIÊN BẢN
NGHIÊM THU CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH**

Hôm nay, ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân, chúng tôi tiến hành nghiệm thu công việc Tư vấn kiểm kê khí nhà kính với các nội dung cụ thể như sau:

- Bắt đầu: 09 giờ 00 ngày 10 tháng 6 năm 2025;
- Kết thúc: 11 giờ 30 ngày 10 tháng 6 năm 2025.
- Tại: Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

a. Đại diện bên A: Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hải Vân

- Ông: Nguyễn Hoàng Trí Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
- Ông: Chức vụ:

- Ông: Nguyễn Đức Lương Chức vụ: Viện trưởng
- Ông: Chức vụ:

Hợp đồng dịch vụ khoa học và công nghệ số 146/2025-IEG được ký ngày 14/3/2025 giữa Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân (Bên A) với Viện Khoa học môi trường và Chứng nhận chất lượng hàng hóa (Bên B) về việc tư vấn kiểm kê khí nhà kính;

Báo cáo kiểm kê khí nhà kính do Bên B lập cho Bên A.

Sau khi thực hiện các công tác liên quan đến việc “Tư vấn kiểm kê khí nhà kính” tại Trạm nghiên Đà Nẵng và đối chiếu các tài liệu liên quan; các bên thống nhất nghiệm thu công việc hoàn thành với các nội dung chính như sau:



a. Nội dung công việc:

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng
1	Tư vấn kiểm kê khí nhà kính cho 2 dây chuyền sản xuất xi măng của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân với các nội dung như sau: - Xác định phạm vi kiểm kê khí nhà kính (KNK); - Xác định phương pháp thu thập số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê KNK; - Thu thập số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê KNK; - Lựa chọn hệ số trong tính toán phát thải KNK; - Tính toán phát thải KNK; - Kiểm soát chất lượng và đảm bảo chất lượng kiểm kê KNK; - Đánh giá độ không chắc chắn kết quả kiểm kê KNK; - Xây dựng báo cáo kiểm kê KNK.	Lần	1

b. Thời gian thực hiện: Tiến độ do bên B thực hiện đáp ứng theo yêu cầu của Hợp đồng dịch vụ khoa học và công nghệ số 146/2025-IEG.

c. Đánh giá chất lượng công việc: Báo cáo kiểm kê khí nhà kính cho 2 dây chuyền sản xuất xi măng của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân đã được kiểm kê, tính toán đáp ứng các yêu cầu của Thông tư số 13/2024/TT-BXD ngày 20/12/2024 của Bộ Xây dựng về Quy trình, quy định kỹ thuật kiểm kê khí nhà kính và đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ngành Xây dựng.

d. Các nội dung cần khắc phục, sửa chữa: Không.

e. Các ý kiến khác: Không.

5. Kết luận:

Hai Bên thống nhất nghiệm thu công việc hoàn thành theo đúng quy định của Hợp đồng số 146/2025-IEG ký ngày 14/3/2025 để làm cơ sở thanh toán cho bên B.

Biên bản này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản./.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG



K.T. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hoàng Trí

**VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG
VÀ CHỨNG NHẬN CHẤT
LƯỢNG HÀNG HÓA**



VIỆN TRƯỞNG
Nguyễn Đức Lương

VIỆN
KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG
VÀ CHỨNG NHẬN
CHẤT LƯỢNG
HÀNG HÓA
TAY HỒ - 1



a. Nội dung công việc:

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng
1	Tư vấn kiểm kê khí nhà kính cho 2 dây chuyền sản xuất xi măng của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân với các nội dung như sau: - Xác định phạm vi kiểm kê khí nhà kính (KNK); - Xác định phương pháp thu thập số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê KNK; - Thu thập số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê KNK; - Lựa chọn hệ số trong tính toán phát thải KNK; - Tính toán phát thải KNK; - Kiểm soát chất lượng và đảm bảo chất lượng kiểm kê KNK; - Đánh giá độ không chắc chắn kết quả kiểm kê KNK; - Xây dựng báo cáo kiểm kê KNK.	Lần	1

b. Thời gian thực hiện: Tiến độ do bên B thực hiện đáp ứng theo yêu cầu của Hợp đồng dịch vụ khoa học và công nghệ số 146/2025-IEG.

c. Đánh giá chất lượng công việc: Báo cáo kiểm kê khí nhà kính cho 2 dây chuyền sản xuất xi măng của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân đã được kiểm kê, tính toán đáp ứng các yêu cầu của Thông tư số 13/2024/TT-BXD ngày 20/12/2024 của Bộ Xây dựng về Quy trình, quy định kỹ thuật kiểm kê khí nhà kính và đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ngành Xây dựng.

d. Các nội dung cần khác phục, sửa chữa: Không.

e. Các ý kiến khác: Không.

5. Kết luận:

Hai Bên thống nhất nghiệm thu công việc hoàn thành theo đúng quy định của Hợp đồng số 146/2025-IEG ký ngày 14/3/2025 để làm cơ sở thanh toán cho bên B.

Biên bản này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản./.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG

VICEM HẢI VÂN

**KI. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hoàng Tri**

VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG

VÀ CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA

**VIỆN TRƯỞNG
Nguyễn Đức Lương**

Phụ lục số 16. Biên bản nghiệm thu công việc giữa Công ty Hải Vân và Viện

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VICEM HẢI VÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phòng Kỹ thuật

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 12 năm 2025

TỜ TRÌNH ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

V/v: thanh toán Hợp đồng dịch vụ khoa học và công nghệ số 146/2025-IEG
ngày 14/03/2025 về việc tư vấn kiểm kê khí nhà kính

Kính gửi: Tổng Giám Đốc

- Căn cứ:

+ Hợp đồng dịch vụ khoa học và công nghệ số 146/2025-IEG ngày 14/03/2025 về việc tư vấn kiểm kê khí nhà kính.

+ Biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành ngày 10/6/2025..

- Đơn vị/ cá nhân đề nghị thanh toán: Phòng Kỹ thuật

- Nội dung thanh toán: Thanh toán chi phí theo Hợp đồng đã hoàn thành.

+ Giá trị thanh toán theo Hợp đồng: 100.000.000 đồng.

+ Số tiền đã tạm ứng: 50.000.000 đồng.

+ Số tiền còn lại phải thanh toán: 50.000.000 đồng. U

(Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng).

- Hình thức thanh toán : Chuyển khoản

+ Tên người thụ hưởng: Viện Khoa học môi trường và Chứng nhận chất lượng hàng hóa.

+ Số tài khoản: 737363636

+ Tên ngân hàng: Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ.

- Chứng từ kèm theo bao gồm:

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 000000006.

+ Tờ trình đề nghị tạm ứng ngày 15/4/2025.

+ 01 bản sao (bản hoàn thành) Báo cáo kiểm kê khí nhà kính và các hồ sơ kèm theo (bản gốc lưu Phòng Kỹ thuật để làm việc với các đơn vị bên ngoài).

Kính trình!

Tổng giám đốc

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc
kiêm TP. Kỹ thuật

Người đề nghị



Nguyễn Hoàng Tuấn

Phụ lục số 17. Tờ trình đề nghị thanh toán

NHẬN XÉT CỦA ĐƠN VỊ THỰC TẬP

1. Thông tin chung

- Họ tên sinh viên: Phạm Thị Minh Hà
- Trường: Đại học Kiến trúc Đà Nẵng
- Chuyên ngành: Kế toán
- MSSV: 2254010014
- Đơn vị thực tập: Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân
- Vị trí thực tập: Thực tập sinh Kế toán

2. Nhận xét của đơn vị về quá trình thực tập của sinh viên

Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân nhận xét sinh viên Phạm Thị Minh Hà
nhìn chung: Trong thời gian thực tập tại Công ty sinh viên đã chấp hành
chúng nội quy của công ty, đi thực tập đầy đủ, Siêng năng làm việc, có ý thức học
hành, tìm hiểu về quy trình sản xuất xi măng của Công ty và đạt
hạng thành bài các thực tập.

Người nhận xét

(Chữ họ và tên, ký và đóng dấu)



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Dinh Ngọc Châu